



Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**  
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vinh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**

Hình bìa: **nguyendinhson067**

**LIÊN LẠC:**

• Bài vở: [baivochanhphap@gmail.com](mailto:baivochanhphap@gmail.com)

• Quảng cáo / Phát hành:

**(714) 638-0989**

**(714) 266-4171**

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hưởng vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

[baivochanhphap@gmail.com](mailto:baivochanhphap@gmail.com)

Trân trọng cảm ơn.

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

**CHANH PHÁP**

**11502 Daniel Ave.**

**Garden Grove, CA 92840**

## NỘI DUNG SỐ NÀY:

- **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 4
- **NHỚ VỀ MÙA XUÂN NĂM ẤY** (thơ ĐNT Tín Nghĩa), trang 8
- **ĐỨC PHẬT – NHÀ ĐẠI CÁCH MẠNG** (HT. Thích Thắng Hoan), trang 9
- **ĐIỀU LA THÀNH CA GIẢ** (thơ Nguyễn Du – Chúc Hiền dịch), tr. 12
- **LỤC TỔ HUỆ NẰNG – BA CHẶNG ĐƯƠNG, MỘT ĐỜI SỐNG** (Thích Nguyễn Siêu), trang 13
- **HỢNG LÒNG TRONG MÙA PHẬT ĐẢN** (thơ Tánh Thiên), trang 15
- **THA THỨ ĐỂ HÓA GIẢI OÁN THÙ** (Quảng Tánh) trang 16
- **CHỮ PHẬT ĐẢN SINH... LIÊN HỆ GIỮA KINH A-HAM VÀ THIÊN TÔNG** (Chân Hiền Tâm), trang 17
- **CHÙM THƠ KHÔNG ĐỀ** (thơ Trần Hoàng Vy) trang 19
- **MÙA PHẬT ĐẢN GIỮA ĐẠI DỊCH CORONA VIRUS** (TN Giới Hương), trang 20
- **9 BÀI HÀI CÚ CỦA MASAOKA SHIKI** (Pháp Hoan dịch), trang 23
- **ĐỨC PHẬT LÀ AI?** (Rick Fields – Thích Nguyên Tạng dịch), trang 24
- **TỪNG BƯỚC ĐI HẠNH PHÚC** (Thích Phước Mỹ), trang 27
- **NGHĨ DƯỚI VỚI SEN** (thơ Tôn Nữ Thanh Yên), trang 32
- **CON ĐƯỜNG THỐNG NHẤT, t.t., VNPG Sử Luận, Chương 35** (Nguyễn Lang), trang 33
- **THỢ MUÔN ĐỜI SỐNG VỚI CHÚNG TA** (thơ Tiểu Lục Thần Phong), trang 37
- **ƠN NGÀY BAO DUNG, ƠN TRẦN GIAN, ƠN NỤ CƯỜI** (thơ Nguyễn Thị Khánh Minh), trang 38
- **BA PHÁP ẮN – Câu Chuyện Cuối Tuần** (Nhóm Áo Lam), trang 39
- **THÔNG điệp ĐẦU TIÊN** (Thị Giới), trang 40
- **MỘT LẦN ĐÁP XUỐNG** (Huệ Trân), trang 47
- **NHỚ NHÀ, NHỚ BẠN** (thơ Phù Du), trang 48
- **HÔI MIỆNG** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 49
- **CHIỀU NGHE TIẾNG CHIM CU** (thơ Mặc Phương Tử), trang 51
- **CON THUYỀN NGƯỢC NƯỚC, t.t.** (Nguyễn Minh Tiến), trang 52
- **TRUNG TRUNG DUYÊN KHỜI, GIỌT LỆ** (thơ Xuyên Trà), tr. 54
- **THE STORY OF THE BHIKKHU WHO HAD BEEN A TRAINER OF ELEPHANTS** (Daw Tin), trang 55
- **CHIM CÚ MÈO** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 56
- **NẤU CHAY: BÁNH TRÁNG TRỘN XOÀI CHAY** (H. Hương) trang 57
- **ĐỨC PHẬT** (thơ Diệu Viên), tr. 58
- **AIDA MITSUO VÀ NHỮNG VĂN THƠ THỨC TỈNH MỘNG ĐỜI** (Hoàng Long), trang 59
- **ĐỐI THOẠI VỚI "QUỶ VƯƠNG PHIÊN NÃO"** (Đào Văn Bình), tr. 62
- **CHỤM TỬ CÚ LỤC BÁT VỀ "MỞ & KHÉP"** (thơ TK Vinh Hữu), trang 64
- **TRUYỆN CỰC NGẮN** (Steven N.), trang 65
- **MÀU NẮNG VÔ ƯU** (Lam Khê), trang 67
- **CÂU KIẾN** (Tiểu Lục Thần Phong), trang 70
- **DỨT BỎ ÀO TÌNH** (Truyện cổ Phật giáo), trang 73
- **LÊN HANG THẮT DIỆP NGUYỆN CẦU** (thơ Thục Uyên), trang 75
- **NGỖ THOÁT – chương 6** (truyện dài Vinh Hào), trang 81

Báo Chánh Pháp số 114, tháng 05 năm 2021, do Tổng Hội Cư Sĩ PGVN (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn ph. Kính nguyện Đại Lão Hòa Thượng pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ; chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



# Thư Tòa Soạn

## THẤY BIẾT NHƯ THẬT

Đêm yên tĩnh. Nhìn ra khung kiếng cửa sổ chỉ thấy một màu đen, đậm đặc. Cây cối, hàng giậu, lăng hoa, bồn cỏ, ghế đá, và con đường ngoằn ngoèo trong công viên, có thể sẽ khó cho khách bộ hành nhận ra vị trí và thực chất của chúng. Cây bên đường có thể bị nhầm là kẻ trộm đối với cảnh sát, và sẽ là cảnh sát đối với kẻ trộm (1). Giấy thùng hay con rắn. Con chim hay con quạ. Con sóc hay con mèo. Người hay quỉ. Mọi vật đều một màu đen.

Trong bóng đêm, mọi thứ đều dễ trở nên ma mị, huyền hoặc.

Gia thêm trí tưởng tượng và lời kéo ký ức về những bất tường của cuộc sống, người ta càng dễ hoảng sợ khi đi ngang một khu vườn tối tăm, không đèn không đuốc. Đường như có ma quỉ hay kẻ ác nào đang ẩn nấp, rình mò, theo dõi người qua đường.

Nhưng cũng cảnh vật ấy, khi mặt trời lên, mọi thứ trở lại bình thường, chẳng gì quan trọng, chẳng gì đáng sợ. Dưới ánh ban mai, lá cây vẫn rì rào lay động theo gió sớm, chim kêu riu rít trên nóc nhà, con sóc băng ngang hàng giậu được cắt tia thẳng thớm, mùi bánh mì nướng đâu đó quyến theo hương thơm từ những giỏ lan treo lủng lẳng, ghế đá còn ướt sương, và con đường ngoằn ngoèo vẫn uốn quanh những bờ cỏ xanh mượt.

Nhìn ra bản chất thực của mọi sự mọi vật, người ta sẽ không còn âu lo sợ hãi.

Bản chất thực, hay thực-thể, thể-tánh, là tánh không, là không có tự tánh cá biệt độc lập, mà tất cả đều duyên sinh (nương với nhau mà sinh), duyên khởi (nương với nhau mà xuất hiện). Do duyên sinh mà tất cả các pháp đều vô thường, vô ngã; chứng nghiệm tính chất vô thường, vô ngã này ngay nơi thực tại hiện tiền chính là an trú nơi niết-bàn tịch tịnh (2).

Con đường là như thế. Nhưng trước hết phải nhìn thấy con đường. Thấy, là bước đầu để vén bức màn vô minh, nhìn ra con đường (kiến đạo), sẽ không còn lạc lối nữa. Nhưng cái thấy này không đơn giản là hiểu được nguyên lý của duyên sinh qua giải thích của kinh sách hay diễn giảng từ những bậc thầy. Cái thấy ấy phải là sự thức ngộ, bừng tỉnh của tri giác sau khi trải qua một quá trình tu tập, quán sát sâu xa.

Thấy biết như thật (như thật tri kiến) là nhìn sự vật như là chính nó, không có sự gán ghép, đặt tên, phân biệt từ nhận thức của mình. Mà để nhìn được như vậy, cái tôi phải biến đi. Để cái tôi biến đi, cần thực tập sâu xa và lâu dài. Vô ngã thì không còn vô minh. Nhưng không vô minh thì chỉ mới bắt đầu dậm bước lên bậc thêm tiến đến vô ngã.

Đó là đứng trên phương diện lý tánh, nói về tu tập, nội quán, để thực chứng vô ngã, đạt đến niết-bàn. Còn trên bình diện thế gian tương đối, hành giả đi vào cuộc đời thực tế với tri thức thường nghiệm, tất phải hiểu và tiếp xử với con người và xã hội trong cái khung giới hạn của luật tắc, ước lệ. Có nghĩa rằng, khi mặt trời lên, giấy thùng đã rõ là giấy thùng thì phải biết nó là giấy thùng, không thể vì thành kiến và ảo tưởng đêm qua mà cứ một mực cho rằng nó là con rắn. Có nghĩa rằng phải-trái, tốt-xấu, đúng-sai cần phân minh, rạch ròi. Có nghĩa rằng, đây là điều thiện thì biết là điều thiện nên làm, đây là điều ác thì biết là điều ác nên tránh. Không vì cái tôi, người thân của tôi, tổ chức của tôi, đảng phái của tôi... mà lộng giả thành chân, nói trái sự thực, hành động trái lương tâm, giẫm đạp lên quyền lợi và mạng sống của người khác.

Người con Phật, thấy biết như thật trong Chân đế, và thấy biết như thật trong Tục đế. Tục đế là tướng trạng của Chân đế, là hiện tượng rõ ràng trên mặt bản thể thâm sâu u huyền. Cái rõ ràng dễ thấy mà không thấu đạt thì tri kiến về Tánh Không, về Như Lai thực tướng, cần phải xem xét lại. Huyền thiên, cao đàm về những giáo nghĩa thâm thâm mà nhận thức và hành xử thông thường lại mù mờ thiên lệch, hóa ra theo Phật bao năm thật uổng phí! Tuyên giảng giáo lý như thật mà đầu óc đầy những tà kiến, biên kiến (3): giả cho là thật, thật cho là giả; tà cho là chánh, chánh cho là tà; tôn sùng kẻ ác, hủy báng người thiện; lao tâm khổ nhọc, phí phạm thời gian cho những trò huyền mị hư dối của thế gian, thì còn tâm chí nào để vươn đến chỗ tối thượng siêu nhiên!

Như vầng thái dương xuất hiện sau đêm dài huyền hoặc, đạo lý như thật khai mở cho chúng ta tri kiến như thật về tính chất vô thường, vô ngã của thế giới chúng sinh, dẫn chúng ta đi thẳng vào bản thể tịch diệt niết-bàn ở ngay nơi tướng trạng vô thường, vô ngã ấy.

Dưới ánh mặt trời, mọi ảo tượng, ảo ảnh đều tan biến. Mọi thứ đều hiển lộ. Không gì khuất tất. Không gì có thể gợi lên sự hoài nghi, mộng tưởng. Chim vẫn đậu trên cây. Cây vẫn đứng bên đường. Không có gì gọi là vô minh; cũng không có điều gọi là hết vô minh (4). Không có màn đêm nào được vén lên; chỉ là ánh mặt trời xuất hiện, quang minh, rõ ràng.

Đức Phật đã đi vào thế giới điên đảo này trong thế cách như vậy. Nghìn năm bóng tối, chỉ trong chớp mắt, tan đi.

- 
- 1) Hình ảnh ẩn dụ từ câu chuyện ngụ ngôn tây phương, không nhớ của tác giả, tác phẩm nào.
  - 2) Vô thường, vô ngã, niết-bàn gọi chung là ba pháp ấn (tam pháp ấn). Đây là ba điều ẩn chứng giáo lý đích thực của Phật. Kiến giải về ba pháp ấn này cũng có thể được xem như là nhánh khởi đầu của Bát Chánh Đạo (Chánh kiến - tri kiến chân thực). Lý thuyết nào đi ngược tri kiến này đều là lầm lạc, không phải Phật thuyết.
  - 3) Tà kiến và biên kiến là 2 trong 5 ác kiến - còn gọi là ngũ lợi sử, tức là những loại phiền não linh lợi, thuộc về nhận thức, dễ dẹp trừ hơn những phiền não căn bản (ngũ độn sử). 5 ác kiến này gồm 1. Thân kiến: chấp vào sự tồn tại của tự thân, tự ngã; 2. Biên kiến: chấp thiên lệch một bên, như cho rằng ngã là thường còn (thường kiến) hoặc mất hẳn (đoạn kiến) sau khi chết; 3. Tà kiến: không tin nhân quả; 4. Kiến thủ: chấp trước sự sai lầm cho là chân thực. 5. Giới cấm thủ: chấp chặt vào những qui luật hay giới cấm phản tự nhiên, không chân chính, cho rằng có thể theo đây mà đạt cứu cánh niết-bàn.
  - 4) "Vô vô minh, diệt vô vô minh tận," không có vô minh, cũng không có hết vô minh (Bát Nhã Tâm Kinh).



# TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

## DIỆU ÂM lược dịch

### **NHẬT BẢN: Chùa Horyuji tổ chức lễ kỷ niệm 1,400 năm ngày mất của Thái tử Shotoku**

Ikaruga, tỉnh Nara - Lễ tưởng niệm 1,400 năm ngày mất của Thánh Đức Thái tử (Shotoku Taishi), một nhà cải cách trong thời đại của ông, người đã lèo lái đất nước hướng về Phật giáo, đã bắt đầu tại chùa Horyuji vào ngày 3-4-2021.

Khoảng 450 khách được mời tham dự khóa lễ kéo dài 3 ngày này đều đeo khẩu trang để đề phòng lây nhiễm vi rút coronavirus mới.

Lễ năm nay đã được tổ chức theo quy mô chỉ một lần trong 100 năm.

Đúng 12:30 PM, từ khuôn viên phía đông của ngôi chùa, sư trưởng Shokaku Furuya dẫn đầu một đoàn rước cùng với 120 người khác mang theo một điện thờ di động mikoshi đến Giàng đường.

Trên điện thờ này tôn trí pho tượng Thái tử khi ông 7 tuổi, cùng với những mảnh xương tương truyền là của Đức Phật rơi khỏi lòng bàn tay của Thái tử khi ông 2 tuổi.

Đứng trước Giàng đường, sư Furuya mô tả những thành tựu của Thái tử và cầu nguyện cho hòa bình thế giới, cho đại dịch COVID-19 chấm dứt. Sau đó 17 người, bao gồm cả các nhà sư tại các ngôi chùa liên kết với Thái tử, bắt đầu tụng kinh.

Ngoài ra còn có âm nhạc cung đình truyền thống kèm theo phần múa của các nghệ sĩ biểu diễn chuyên về nghệ thuật này.

Chùa Horyuji, một di sản thế giới UNESCO, được xây

dựng vào thế kỷ thứ 7 theo lệnh của Thái tử Shotoku (574-622).

(Asahi Shimbun – April 4, 2021)



Lễ rước tượng Thái tử Shotoku



Quang cảnh lễ kỷ niệm 1,400 năm ngày mất của Thái tử Shotoku



Trình diễn vũ nhạc cung đình truyền thống tại chùa Horyuji ở Ikaruga, tỉnh Nara, trong lễ tưởng niệm kỷ niệm 1,400 năm ngày mất của Thái tử Shotoku.

Photos: asahi.com

### **THÁI LAN: Thợ lặn giải cứu nhà sư bị mắc kẹt trong hang động ngập nước**

Một tu sĩ Phật giáo bị mắc kẹt 4 ngày do nước lũ trong một hang động ở miền bắc Thái Lan đã được các thợ lặn giải cứu.

Vào ngày 3-4-2021, nhà sư 46 tuổi Phra Manas đã vào hang Tham Phra Sai Ngam ở tỉnh Phitsanulok để thiền định. Trong khi nhà sư ở bên trong, mưa lớn từ một cơn giông mùa hè đã làm tăng mực nước trong hang lên đáng kể, chặn lối vào và khiến nhà sư mắc kẹt trên vùng đất cao bên trong.

Khi nhà sư không trở về sau trận mưa, dân làng đã báo cho chính quyền địa phương.

Hàng trăm nhân viên cứu hộ, bao gồm thợ lặn, nhân viên y tế và các chuyên gia khác đã tập trung tại hiện trường.

Vào sáng ngày 7-4 sau khi mưa tạnh, 7 thợ lặn đã đi vào hang động và tìm thấy nhà sư. Ông được cho đeo mặt nạ lặn và được dẫn đến nơi an toàn qua khoảng cách chìm

dài 12 mét (39 feet).

Tại Thái Lan, nhiều hang động có đền thờ ở những nơi được coi là linh thiêng.

(AP – April 7, 2021)



*Lực lượng cứu hộ giúp sư Phra Manas bước ra khỏi hang Tham Phra Sai Ngam ở tỉnh Phitsanulok, miền bắc Thái Lan vào ngày 7-4-2021  
Photo: AP*

### **ẤN ĐỘ: Đức Đạt lai Lạt ma tham gia cuộc trò chuyện tương tác đầu tiên với sinh viên 5 trường đại học của liên bang Nga**

Từ tư dinh của ngài ở Dharamsala, miền bắc Ấn Độ vào ngày 29-3-2021, Đức Đạt lai Lạt ma đã tham gia cuộc trò chuyện tương tác đầu tiên với các sinh viên từ 5 trường đại học nhà nước của liên bang Nga. Cuộc đối thoại được tổ chức với chủ đề "Thế giới của chúng ta trong thời đại của sự thay đổi" và được phát trực tiếp bằng một số ngôn ngữ.

Chương trình có sự tham gia của Đại học Moscow, Đại học St. Petersburg, Đại học Kalmyk, Đại học Buryat và Đại học Tuvan, được tổ chức bởi Tổ chức Cứu trợ Tây Tạng (Moscow) và Trung tâm Văn hóa và Thông tin Tây Tạng (Moscow).

Buổi họp bắt đầu với phần giới thiệu ngắn của Đức Đạt lai Lạt ma, sau đó là những câu hỏi hấp dẫn từ các sinh viên Nga.

Trong sự kiện này, Đức



*Đức Đạt lai Lạt ma trò chuyện với sinh viên từ các trường đại học Nga & Poster tiếng Nga về sự kiện này  
Photos: dalailama.com & savetibet.ru*

Đạt lai Lạt ma lưu ý rằng với tư cách là một quốc gia vĩ đại, Nga có nhiều tiềm năng để đóng góp cho một thế giới hạnh phúc hơn. Ngài cũng nhắc nhở khán giả rằng một số nước cộng hòa của Nga có truyền thống theo đạo Phật. Ngài khuyên các Phật tử Nga không chỉ tham gia vào cầu nguyện và các nghi lễ, mà còn phải nghiên cứu nhiều nhất có thể và so sánh những gì họ học được với khoa học. Thông điệp cuối cùng của ngài với các sinh viên là giữ cho truyền thống Nalanda tồn tại.

(NewsNow - April 1, 2021)

### **TÍCH LAN: Chư tăng cầu nguyện cho các nạn nhân của cuộc đảo chính quân sự ở Miến Điện**

Ngày 27-3-2021, các thành viên của Liên minh Tăng đoàn Hòa bình Miến Điện tại Tích Lan đã chiêm bái đại bảo tháp Ruwanwelisaya, một trong những thánh địa Phật giáo linh thiêng nhất tại Tích Lan và tương truyền là nơi lưu giữ nhiều xá lợi của Đức Phật lịch sử.

Các nhà sư cùng đọc kinh Metta Sutta và Mora Sutta, chia sẻ công đức từ buổi lễ của họ với những người biểu tình ủng hộ dân chủ đã thiệt mạng kể từ

cuộc đảo chính quân sự ở Miến Điện.

Chư tăng cũng cầu nguyện cho việc trả tự do ngay lập tức cho các thành viên của chính phủ dân sự Miến Điện, vốn bị giam giữ kể từ khi quân đội nắm chính quyền vào tháng 2 - bao gồm Tổng thống Win Myint và Cố vấn Nhà nước Aung San Suu Kyi.

Số người chết trong số những người biểu tình chống lại sự tiếp quản do quân đội lãnh đạo tại Miến Điện đã tăng vào 2 ngày cuối tuần 27 và 28 -3, với nhiều bài tường thuật cho biết ít nhất 114 người đã thiệt mạng chỉ trong ngày thứ Bảy 27-3 - trong số đó có 7 trẻ em.

(HOME: buddhistdoor.net - April 1, 2021)



*Liên minh Tăng đoàn Hòa bình Miến Điện tại Tích Lan cầu nguyện ủng hộ dân chủ tại đại bảo tháp Ruwanwelisaya  
Photo: buddhistdoor.net*

**ẤN ĐỘ: Thu giữ 2 tác phẩm điêu khắc Đức Phật Cồ Đàm cổ xưa bị đánh cắp**

Jharkhand, Ấn Độ - Hai tác phẩm điêu khắc Đức Phật Cồ Đàm cổ xưa bị đánh cắp vào tối ngày 20-3-2021 - từ địa điểm khai quật của tổ chức Nghiên cứu Khảo cổ Ấn Độ (ASI) ở quận Hazaribag - đã được thu hồi từ thành phố Ranchi, và bọn trộm gồm 5 người đã bị bắt, cảnh sát cho biết vào ngày 25-3.

Tổ chức ASI cùng với một nhóm đã thực hiện một cuộc khai quật ở chân đồi Juljul tại quận Hazaribag. Từ dưới mặt đất 2 mét, nhóm này đến nay đã khai quật được một đền thờ hoàn chỉnh gồm một điện thờ trung tâm và 2 điện thờ phụ, cùng với một cấu trúc nhỏ giống như Tịnh xá Đức Phật - nơi có hơn 10 tác phẩm điêu khắc được cho là có niên đại từ thế kỷ thứ 10.

Hai trong số các tác phẩm điêu khắc nói trên bị đánh cắp vào tối ngày 20-3. Cảnh sát ngay lập tức thành lập một đội điều tra đặc biệt (SIT), tiến hành hàng loạt cuộc đột kích, lùng sục để tìm các cổ vật này và đã bắt được bọn tội phạm. Nhóm trộm khai rằng qua báo chí vào sáng ngày 3-3, họ biết ra có các tác phẩm cổ đại đã được khai quật. Sau đó họ lập kế hoạch và thực hiện vụ đánh cắp các cổ vật rất đắt giá trên thị trường quốc tế này vào ngày 20-3.

(Big News Network April 1, 2021)

**HÀN QUỐC: Cuộc diễn hành đèn lồng Phật giáo hàng năm bị hủy bỏ trong năm thứ hai liên tiếp**

Cuộc diễn hành đèn lồng hàng năm ở trung tâm thành phố Seoul, được coi là điểm nhấn của Yeondeunghoe (lễ hội thả sáng đèn lồng) vào dịp kỷ niệm ngày Đức Phật đản sinh, đã bị hủy bỏ năm thứ hai liên tiếp do đại dịch Covid-19.

Tông phái Jogye của Phật giáo Hàn Quốc hôm thứ Bảy (10-4-2021) cho biết năm nay họ sẽ không tổ chức lễ rước đèn lồng, sẽ diễn ra vào ngày 15-5, do lo ngại về sự Tái phát của các ca nhiễm Covid-19.

Cuộc diễn hành đèn lồng hàng năm, trong đó có khoảng 20,000 Phật tử mang theo những chiếc đèn lồng hình hoa sen nhiều màu sắc, cùng với những chiếc xe chở những chiếc đèn lồng khổng lồ có nhiều hình dạng khác nhau, đã là cảnh tượng chính của lễ hội đèn lồng.

Ngày lễ Phật đản năm nay, là ngày mừng tám tháng thứ tư Âm lịch, rơi vào ngày 19-5. Thay vì một cuộc diễn hành quy mô lớn, các ngôi chùa Phật giáo sẽ tổ chức các sự kiện quy mô nhỏ riêng lẻ kỷ niệm ngày Phật đản.

"Yeondeunghoe: Lễ hội Thắp sáng Đèn lồng ở Hàn Quốc" đã được Unesco thêm vào Danh sách Di sản Văn hóa Phi vật thể của Nhân loại vào năm 2020.

(NewsNow - April 11, 2021)



*Hình ảnh Yeondeunghoe: Lễ hội Thắp sáng Đèn lồng hàng năm ở Hàn Quốc (2017)*

**ẤN ĐỘ: Đức Đạt Lai Lạt Ma gửi lời chia buồn tới hoàng gia Anh về cái chết của Vương tể Philip**

DHARAMSHALA, Ấn Độ: Ngày 10-4-2021, văn phòng của Đức Đạt lai Lạt ma cho biết ngài đã gửi lời chia buồn đến các thành viên cấp

cao của hoàng gia Anh là Nữ hoàng Elizabeth và Thái tử Charles về cái chết của Vương tể Philip, Công tước xứ Edinburgh.

"Tôi rất tiếc khi biết tin buồn rằng phu quân của bà, Vương tể Philip, Công tước xứ Edinburgh đã qua đời. Tôi sẽ cầu nguyện cho ông ấy và gửi lời chia buồn của tôi tới Hoàng thân và gia đình của bà vào thời điểm đau buồn này. Khi tất cả chúng ta đều tưởng nhớ ông ấy, chúng ta có thể vui mừng vì ông ấy đã sống một cuộc đời có ý nghĩa", Đức Đạt lai Lạt ma viết cho Nữ hoàng.

Trong lá thư gửi Thái tử Charles, ngài viết: "Tôi đã viết thư cho mẫu thân của ngài, Nữ hoàng, xin gửi lời chia buồn của tôi vào thời điểm đau buồn này. Với tư cách là một người coi ngài như một người bạn thân yêu, đáng kính, tôi cũng xin gửi lời chia buồn đến Ngài và gia đình ngài".

Nhà lãnh đạo Tây Tạng cũng ca ngợi Công tước đã có một cuộc sống đầy đủ và ý nghĩa.

Công tước xứ Edinburgh - chồng của Nữ hoàng Elizabeth và là cha của Thái tử Charles - đã qua đời vào thứ Sáu 9-4-2021, thọ 99 tuổi.

(Phayul Newsdesk - April 10, 2021)



*Đức Đạt Lai Lạt Ma và Vương tể Philip  
Photo: Phayul*

**THÁI LAN: Tu viện Wat Na Pa Pong sử dụng công nghệ hiện đại để phát sóng về Phật giáo**

Wat Na Pa Pong là một tu viện Phật giáo Nguyên thủy nằm về phía đông bắc của Bangkok ở tỉnh Pathum Thani của Thái Lan.

Thượng tọa tu viện trưởng Ajarn Kukrit Sothipalo tin tưởng vào việc tu tập và truyền bá độc quyền những lời của Đức Phật - một thực hành được gọi là Bud-dhawajana. Để hỗ trợ tiếp cận cộng đồng, tu viện Wat Na Pa Pong sử dụng nhiều công nghệ hiện đại.

Các trang web, ứng dụng di động và nội dung video cho phép tín đồ - và những người quan tâm đến tu viện và giáo lý của tu viện - nhanh chóng kết nối trực tuyến. Điều đó nói lên rằng, các hệ thống analog để ghi và phát video đã khiến tu viện phải vất vả với chất lượng hình ảnh. Để sửa chữa tình trạng đó, Wat Na Pa Pong đã chuyển sang NewTek và NDI (giao diện thiết bị mạng).

Người đứng đầu Wat Na Pa Pong cho biết hệ thống NewTek này có tiêu chuẩn cao để đáp ứng vì tu viện từ chối giải quyết cho bất cứ điều gì ngoại trừ cho phương tiện tốt nhất để chia sẻ giáo lý của viện.

(Big News Network - April 13, 2021)

**ÚC ĐẠI LỢI: Chùa Nam Thiên tổ chức Lễ hội Phật Đản**

New South Wales, Úc - Nhiều sự kiện văn hóa được tổ chức tại chùa Nam Thiên ở Berkeley từ ngày 2 đến 5-4-2021 như một phần của Lễ hội Phật Đản. Các hoạt động văn hóa miễn phí bao gồm Thư pháp Trung Hoa và thiền trà, cũng như thưởng thức một số buổi trình diễn đa văn hóa đầy màu sắc.

Các hoạt động dành cho trẻ em bao gồm một tiệc Phật Đản hoàn chỉnh với các trò chơi và truy tìm kho báu.

Chợ Sức khỏe và An sinh của chùa Nam Thiên cũng trở lại vào thứ Bảy ngày 3-

4. Và tất cả các gian hàng thông thường đều đã có mặt, cùng một vài gian hàng mới.

Như thường lệ, có rất nhiều đồ ăn ngon, thuần chay / không chứa gluten, Thái Cực Quyền và thiền miễn phí. Ngoài ra còn có ngắm chim miễn phí và một cuộc thảo luận về 'Thanh lọc'.

Chuyến đi bộ ngắm chim do nhà cựu sinh thái học và chuyên gia quan sát chim giàu kinh nghiệm, Tiến sĩ Dana Murty, dẫn đầu. Bà cũng là thành viên và tình nguyện viên của tổ chức Birdlife Australia và của các nhóm bán hàng địa phương ở Sydney.

(Tipitaka Network - April 14, 2021)



*Hình ảnh Lễ hội Phật Đản tại Chùa Nam Thiên, Úc Đại Lợi*

*Photos: Agron Latifi*



*Tu viện Wat Na Pa Pong sử dụng công nghệ hiện đại để phát sóng về Phật giáo—Photo: SVG*



## NHỚ VỀ MÙA XUÂN NĂM ẤY

*Mãi nhớ về một mùa xuân năm ấy,  
Bước xuống thuyền lòng cảm thấy nao nao,  
Lòng thổn thức, nước mắt cứ tuôn trào...  
Và tự biết từ nay xa cố quốc,  
Bước xuống thuyền mà lòng cứ thổn thức,  
Biết bao giờ được trở lại quê hương?  
Lòng miên mang với bao nỗi chán chường...  
Biết xa quê, xem như là vĩnh biệt.  
Trong tâm tư mang nỗi buồn da diết,  
Xa người thân và xa cả quê hương,  
Chân run run khi bước nhẹ xuống thuyền,  
Và xa xa bóng đèn đang chào đón,  
Ánh lung linh nước mặn của biển xanh,  
Gió rì rào thổi sóng đập chung quanh...*

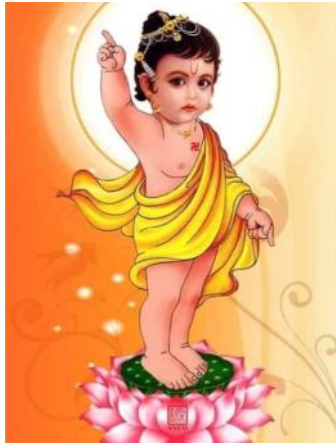
*Thuyền lắc lư hình như muốn chìm xuống.  
Nhưng may mắn, vượt sóng để ra khơi,  
Đàn hải âu bay lượn trên bầu trời,  
Để tiễn biệt chúng tôi lìa đất mẹ.  
Ở trong boon thuyền toàn là tuổi trẻ,  
Tìm tự do, bỏ lại tuổi mộng mơ,...  
Thuyền dần dần im lặng để xa bờ,  
Vào mùa xuân Kỷ mùi năm bẩy chín.  
Ngày mồng sáu thuyền cập đảo Hải Nam,  
Cũng là ngày đức Đệ nhị Tăng Thống, ...  
Ngài đã quỳ gót dâng trình quy Phật,  
Huế đã xa rồi, xa mãi trong tôi.  
Buồn và buồn lắm Huế ơi! ...*

(Quý xuân Tân sửu – March 31st 2021)

*thơ* ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA

TRỞ VỀ MỤC LỤC





# ĐỨC PHẬT NHÀ ĐẠI CÁCH MẠNG

HT. Thích Thắng Hoan

LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

*(Bài này đăng trong Đặc San Hoảng Pháp năm Quý Sửu 1975 của Tổng Vụ Hoảng Pháp, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại quê nhà, tôi trích ra để làm tư liệu trong Trang Nhà Thích Thắng Hoan [www.thichthanghoan.com](http://www.thichthanghoan.com))*

**X**ưa nay trên lịch sử loài người, chưa có nhà cách mạng nào đại tài như Đức Phật Thích Ca. Ngài đã thành công vẻ vang trên đường cách mạng bản thân, cách mạng xã hội và cách mạng tư tưởng để giải phóng con người thoát ách nô lệ của Bà La Môn thống trị. Đường lối và phương thức cách mạng của Ngài không giống những nhà cách mạng khác, có thể nói *đi trước thời đại và cũng là tiên phong cho những phong trào cách mạng về sau*. Sự cách mạng của Ngài khởi điểm tại Ấn Độ, khởi đầu bằng sự thành đạo nơi gốc Bồ đề, sau bốn mươi chín ngày nhập định, tìm ra lối thoát và lẽ sống cho chúng sanh.



HT. Thích Thắng Hoan

Theo Ngài, muốn cách mạng xã hội, phải cách mạng tư tưởng và trước hết phải hoàn tất cuộc cách mạng bản thân.

Lịch sử Ấn Độ cho biết, khoảng 3.000 năm trước kỷ nguyên, xã hội Ấn Độ theo chánh thể Cộng Hoà với nền văn minh sẵn có gọi là nền văn minh Panjab, thuộc vùng thượng lưu sông Indus. Nền văn minh này về sau, khoảng 1.500 năm trước kỷ nguyên bị nền văn minh Rig-Veda của Bà La Môn Giáo xâm lăng và tiêu diệt bằng cách đồng hoá.

Nền văn minh Rig-Veda của giống Aryan, do Bộ Lạc Bhàrata cầm đầu, phát xuất từ Trung Á Tế Á (Asia, ở bờ biển Caspienne, nay thuộc địa phận nước Nga) mang đến đặt nền móng tại Ấn Độ. Khi xâm lăng, giống Aryan chủ trương chia để trị và nô lệ hóa tư tưởng.

Nhờ đó, họ thống trị được dân Ấn và củng cố được uy quyền, suốt giòng lịch sử đến Phật Thích Ca ra đời. Chế độ Cộng Hoà xưa kia tại Ấn đã bị thay thế bằng chế độ Quân chủ chuyên chế của Bà La Môn và họ chia xã hội thành bốn giai cấp khắc khe, sau khi bộ luật Manu được công bố. Quyển "Phật và Thánh chúng" (của tác giả Cao Hữu Đỉnh, trang 20-22), mục "Xã Hội Ấn Độ" có đề cập đến bộ luật Manu như sau: "Luật Mã-Nổ chia toàn thể lãnh thổ Ấn-Độ của người Dravida thành Ngũ Ấn, và chia toàn thể dân chúng sống trên lãnh thổ ấy thành bốn giai cấp, trong đó có hai giai cấp thống trị là Bà La Môn và Sát Đế Ly, còn hai giai cấp Phệ Xá và Thủ Đà La là hai giai cấp bị áp bức... Luật Mã Nổ, chương 8, tiết 270-272 quy định rằng Thủ Đà La là giai cấp Trời sinh ra để làm nô lệ, rằng nếu Thủ Đà La kêu tên Bà La Môn thì bị cắt lưỡi, rằng nếu không tuân lệnh của giai cấp thống trị thì nấu đầu đổ vào lỗ tai, v.v..."

Chẳng những xã hội Ấn Độ khổ đau vì giai cấp bất công, chính ngay thời Đức Phật, Phụ vương Ngài cũng bị sự kềm kẹp của chế độ xâm lăng qua Hội Đồng Quân Lực mà Bà La Môn cầm đầu trong mọi lãnh vực văn hóa, chính trị, kinh tế v.v... Điều kiện đây được thấy trong lịch sử Phật Giáo Ấn Độ, qua câu chuyện Vua Tịnh Phạm bản khoản trước ý chí xuất gia quá mạnh của Hoàng tử Sĩ Đạt Ta. Câu chuyện rằng: Vua Tịnh Phạm sợ Thái Tử xuất gia, sau lời tiên đoán của chiêm tinh gia A Tư Đà (Casita), hợp quần thần lại tìm kế hoạch cầm chân Thái tử. Một cận thần Ưu Đà Di (Udāyin) đề nghị: "Chỉ có sợi tóc của Mỹ nhân mới cột chân nổi kẻ anh hùng". Vua Tịnh Phạm tán thành đề nghị ấy, liền tổ chức cuộc thi Hoa hậu mà người chấm thi

chính là Thái tử. Hoa hậu được Thái tử chấm hạng nhất là Công chúa Gia Du Đà La (Yasoddhara), con vua Thiện Giác (Suprabuddha) trong các chư hầu.

Theo lẽ, Vua Tịnh-Phan có thẩm quyền trên hết, nhất định tổ chức lễ thành hôn cho Hoàng tử ngay sau khi cuộc thi Hoa hậu chấm dứt. Ngược lại, vua bất lực trước quyết định trên, nguyên do không được sự chấp thuận của Hội Đồng Quân Lực, mặc dù vua muốn thực hiện ngay để sớm cản trở ý nguyện xuất gia của Hoàng tử.

Nguyên vì muốn chiếm đoạt tình yêu của Hoàng tử đã chọn, vừa đẹp nhất, vừa tao nhã lịch thiệp, phần thân Đề Bà Đạt Đa, (Devadatta), con của Bạch Phạn Vương, anh em chú bác với Hoàng tử, tấn trình lên Hội Đồng Quân Lực bắt buộc Hoàng tử muốn cưới vợ phải qua cuộc thi võ nghệ. Triều đình ai cũng biết Đề-Bà-Đạt-Đa tài nghệ cao cường, lo sợ Hoàng tử không nào thắng được. Không ngờ Hoàng tử đã thắng cuộc một cách vẻ vang trước sự hoan hô nồng nhiệt của khán giả tham sự.

Như thế qua hiện tượng nói trên cũng đủ chứng minh giá trị của vua chúa trước uy quyền tuyệt đỉnh Bà La Môn thời bấy giờ.

Để đả phá giai cấp bất công trên, Đức Phật ra đời chiêm ngời cho cuộc cách mạng xã hội. Ngài ra đời đúng lúc sự bất mãn chế độ giai cấp của quần chúng đang lớn mạnh và lan sâu trong mọi tầng lớp xã-hội.

Ngài ra đời năm 563 năm trước Tây lịch, là một Thái tử duy nhất của nước Ca Tỳ La Vệ (Kapilavastu), con vua Tịnh Phạn (Suddhodana), họ Cù Đàm (Gautama), thuộc dòng quý tộc Thích Ca (Sakya). Nước Ca Tỳ La Vệ nằm phía bắc nước Kiêu Tát La (Kosala) hiện nay là nước Népal.

Về phương diện vật chất, Ngài sung sướng không ai bằng, Vua Tịnh Phạn cầu khẩn khắp Đền Miếu mới sinh được Ngài. Vua quý trọng Ngài trên hết, xây ba tòa lầu đài hội họp với ba mùa để cho Ngài ở, cấp cung tần suốt ngày đêm đờn ca múa hát để Ngài quên bốn phận của Dân tộc của con người, giải phóng nô lệ cho dân Ấn và giải thoát sinh tử cho chúng sinh.

Để hoàn thành sứ mạng cao cả ấy, trước hết, Ngài thoát ly gia đình ràng buộc, vượt thành xuất gia tầm đạo. Ngài ra đi, bỏ lại sau lưng tất cả sự nghiệp huy hoàng của một vương quốc, bỏ lại vua quan yêu chuộng, vợ con quyến ái, dẫn thân khổ hạnh suốt sáu năm trường và bốn mươi chín ngày nhập định nơi cội Bồ-đề. Ở đây, Ngài một mặt chiến đấu với bản thân, một mặt chiến đấu với hoàn cảnh cám dỗ. Kết quả cuối cùng cuộc đời tầm đạo, Ngài chứng quả Bồ-Đề. *Cùng một con người xét thật, Ngài khác hẳn về tính chất: tính chất con người giác*

*ngộ đã loại trừ hết tính chất phạm phu đầy phiền não vô minh dục vọng của một Thái tử tầm thường và được thành chánh giác. Từ đây, Ngài đã hoàn thành cuộc cách mạng bản thân.*

Bước sang giai đoạn cách mạng tư tưởng. Theo Ngài, dân tộc Ấn Độ bị đầu độc bởi tư tưởng Bà La Môn ngoại lai. Họ đầu độc không ngoài mục đích củng cố uy quyền chắc chắn của một chế độ xâm lăng kéo dài hơn một ngàn năm, bóp chẹt và giết chết mầm móng tư tưởng truyền thống tự do của dân Ấn có tự ngàn xưa. Tư tưởng Bà La Môn được thể hiện qua bốn bộ Kinh Rig-Veda, Brāhamana, Aranyaka, Upanishad và sáu phái triết học. Đáng thương hại, dân tộc Ấn Độ lầm nhận tư tưởng Bà La Môn ngoại lai cho là nguồn gốc của nền văn minh nước họ và họ mặc nhiên trung thành phụng sự tuyệt đối. Tư tưởng này, đa số đều xây dựng trên chủ nghĩa Duy Thần, để kiến toàn chế độ Quân Chủ của chúng. Tư tưởng đây được thể hiện qua một "Đấng sáng tạo" siêu nhiên, như các đấng Krishna, Vichnou, Purusha, Prajapati, Brahma Brāhaman, v.v... Họ quan niệm rằng, những đấng ấy giống như loài người, nghĩa là cũng có đầu, mình, tay, chân, mắt, tai, mũi, lưỡi biết đi, biết ăn, biết nói, biết mừng, giận, thương yêu, oán, ghét ... Uy quyền tuyệt đối của đấng trên so với vũ trụ nhân sinh, cũng như uy quyền của một ông vua chuyên chế đối với thần dân trong nước. Đấng sáng tạo đó có quyền tạo thiên lập địa, ban phúc giáng họa cho nhân sinh, chẳng khác nào ông vua nắm trọn trong tay sinh mạng tất cả thần dân, v.v...

Khi Đức Phật thành đạo, Ngài bắt đầu thực hiện cuộc cách mạng tư tưởng vĩ đại, đả phá tất cả khuynh hướng cực đoan đương thời bành trướng và đảo lộn luân lý xã hội Ấn Độ. Ngài cực lực bài xích những tư tưởng đoạn kiến ngoại đạo thuộc chủ nghĩa Duy vật và những tư tưởng thường kiến ngoại đạo thuộc chủ nghĩa Duy thần ở trên. Những phái chủ nghĩa Duy vật này thuộc trong nhóm "Lục sư ngoại đạo" như phái: Ajita-Kasakambalin, Pūranakāssāpa v.v... Họ giáo dục con người chỉ biết sống hiện tại, tự do hưởng thụ dục lạc, vô trách nhiệm tương lai. Quyền "Lịch sử Văn Minh Ấn-Độ" (của tác giả Vill Durant mà Nguyễn-Hiếu-Lê dịch, trang 87), có đề cập đến lời ông Ajita-Kasakambalin: "Kẻ điên khùng cũng như người hiền triết, chết rồi, thấy rã ra thành cát bụi, tiêu diệt hết, chẳng còn gì cả". Tác giả tập Anh Hùng Ca Ramaya tả Jabali nhà Bác học Bà La Môn hoài nghi, nguy biện. Bác học Jaba bảo vị quan hầu trẻ tuổi xứ Ayodhya rằng: "Này Rama, tại sao lại để những lời cách

ngôn tai hại đó làm mờ ám lương tâm, méo mó trí óc như vậy. Những cách ngôn đó đã làm cho bao nhiêu kẻ chắt phác không suy nghĩ phải lầm lạc? Ôi, ta thương hại những kẻ lầm lạc đó cứ mãi miết đi tìm một bồn phân ảo huyền, phí thức ăn! Thần và tổ tiên đâu có nhận tế lễ của ta! Và thức ăn một khi phân phát đi rồi nuôi ai được nữa đâu. Thức ăn dâng cho một tu sĩ Bà La Môn, tổ tiên ta còn làm sao dùng nó được nữa? Chính bọn tu sĩ qui quyết đó đã đặt ra lệ đó; chúng ích kỷ bảo ta: "Dâng đồ cúng và sống khổ hạnh đi, từ bỏ của cải hết đi mà cầu nguyện. Nhưng làm gì có thể giới vị lai. Rama này, các hy vọng và tín ngưỡng của loài người toàn là ảo cả đây: Vậy cứ hưởng khoái lạc trên cõi trần này và từ bỏ các ảo tưởng vô ích đó đi".

Đây là chủ trương của phái Duy vật tại hại. Chính vì thế, một số người của xã hội Ấn Độ lúc ấy thiếu bốn phận với con người, và hạnh phúc gia đình không được bảo đảm vẹn toàn. Chủ trương trên gây bất mãn trong quần chúng không ít.

Nhưng bạo phát bạo tàn, phong trào này không tồn tại trước ánh hào quang của Đức Phật.

Đức Phật đưa ra tư tưởng "Chủ Nghĩa Bình Đẳng" để kiện toàn cho cuộc cách mạng xã hội bằng lý thuyết "Trung Đạo Duyên Khởi". Ngài nói: "Ta là Phật đã thành các con là Phật sẽ thành" hay "Nhất thể chúng sanh giai hữu Phật tánh" (nghĩa là tất cả chúng sanh đều có Phật Tánh) được ghi lại trong các kinh và nhất là trong bài kệ mở đầu Kinh Phạm Võng (trang 14 của Thượng tọa Trí Tịnh dịch). Đây thật là biểu hiện tinh thần bình đẳng tột độ. Tinh thần này được tiêu biểu trên hai phương diện: xã hội và tâm linh. Đối với vũ trụ nhân sinh, Ngài chủ trương "Nhân Duyên Duy Nghiệp" và thẳng hóa con người bằng thuyết "Trung đạo trí tuệ giải thoát". Đó là đặc trưng của Phật giáo trong cuộc cách mạng tư tưởng.

Song song với cuộc cách mạng trên, Đức Phật đã phá bốn giai cấp xã hội Ấn Độ, di sản của Bà La Môn để lại. Ngài cho rằng: Xã hội giai cấp là mầm mống thối hóa nguyên nhân chiến tranh, mọi bất công đau khổ của con người cũng từ đây trỗi dậy và làm cho con người trở nên bạc nhược ươn hèn trước những bạo lực bên ngoài đưa đến. Cũng vì thế, dân tộc Ấn bị và chấp nhận lòn cúi sự nô lệ của Bà La Môn xâm lăng qua bao thế kỷ, không trỗi dậy được. Ngài thường nói: "Con người không có giai cấp trong nước mắt cùng mặn, giọt máu cùng đỏ". Tiêu biểu cho cuộc cách mạng xã hội. Giáo đoàn của Ngài thân nhận ông Upāli là người thợ cạo, và Matāṅga là dâm nữ, thuộc giai

cấp Thủ Đà La (Sūdra) hạ tiện vào hàng Thánh chúng trước sự ngạc nhiên của các vua chúa.

Đường lối và phương thức cách mạng của Ngài được xây dựng trên tinh thần từ bi làm nền tảng và tinh thần bất bạo động làm mục đích để thực hiện. Lịch sử Phật giáo Ấn Độ đã chứng minh tinh thần này qua con đường truyền giáo và sự đối xử của những kẻ ám hại Ngài do Bà La Môn cấu kết và chủ trương.

Sự thành đạo của Ngài chính là báo động trọng đại cho chế độ Bà La Môn lưu tâm. Ngài bắt đầu truyền đạo tại nước Magādhā để đặt nền móng Phật giáo cũng như mở rộng tư tưởng qua các nước lân bang nhất định không tránh khỏi những đối kháng mãnh liệt của Bà La Môn. Những tổ chức đối kháng ám hại Ngài được ghi trong lịch sử Phật giáo như Cô Cinca, giả bụng chứa vu oan cho Phật, Phẫn thần Đề Bà Đạt Đa (Devadatta) xô đá hại Phật, Vua Ajātasatru phục rượu voi để chà đạp Phật, Vua Virūdhakya tàn sát dòng họ Phật v.v... Những kẻ ấy vẫn được Ngài độ cho thành Phật không đối xử như một kẻ thù. Nhờ thêm bạn bớt thù này, Ngài đã thành công hỷ hữu lật đổ được chế độ độc tài cổ hữu của Bà La Môn và chiếm địa vị độc tôn tại vùng Trung Ấn suốt dòng lịch sử đời Ngài. Sự chiến thắng này không phải bằng xương máu và nước mắt mà ngược lại bằng tình thương bao la, đánh bại mọi tư tưởng đương thời, san bằng mọi giai cấp xã hội. Trong khi đó, những Giáo chủ khác, những nhà cách mạng khác trên thế giới đều đối lấy sự thành công bằng xương máu và nước mắt khổ đau của con người.

Để kết luận, những đặc điểm trên đây, cũng nói lên được giá trị của Đức Phật Thích Ca. Ngài xứng đáng là bậc vĩ nhân trên hết trong tất cả vĩ nhân thế giới. Ngài không còn là con người của dân tộc Ấn Độ tôn thờ, mà của chung tất cả nhân loại noi gương. Đường lối và phương thức cách mạng của Ngài không những khuôn vàng thước ngọc cho dân tộc Ấn Độ mà chung cho nhân loại muốn thực hiện cách mạng xã hội mai sau.

Phương pháp ấy đã được Thánh Gandhi áp dụng năm 1891 chống lại sự đô hộ nước Anh, và năm 1963, Phật giáo Việt Nam đem ra chống lại chế độ độc tài Gia đình trị họ Ngô. Tất cả đều thành công rực rỡ. Hy vọng chủ thuyết của Ngài sẽ được khai triển tột đỉnh và trở thành trọng điểm công thức cho tư trào cách mạng tương lai trong xã hội văn minh.

**Thích Thắng Hoan**

Nguyên tác:

### 吊羅城歌者

一枝濃艷下蓬瀛，  
春色嫣然動六城。  
天下何人憐薄命，  
塚中應自悔浮生。  
胭脂不洗生前障，  
風月空留死後名。  
想是人間無識趣，  
九泉去伴柳耆卿。

阮攸



Phiên âm:

### ĐIỀU LA THÀNH CA GIẢ

Nhất chi nùng diễm há Bồng Doanh,  
Xuân sắc yên nhiên động lục thành.  
Thiên hạ hà nhân liên bạc mệnh?  
Trủng trung ửng tự hồi phù sinh.  
Yên chi bất tẩy sinh tiền chương  
Phong nguyệt không lưu tử hậu danh.  
Tưởng thị nhân gian vô thức thú,  
Cửu tuyền khứ bạn Liễu Kỳ Khanh.

NGUYỄN DU

Dịch thơ:

### ĐIỀU CA NHI THÀNH LA (1)

*Một cảnh nồng thắm xuống Bồng Doanh (2)  
Xuân sắc kiều sa động sáu thành  
Thiên hạ ai người thương bạc mệnh  
Mô hoang tự ngã hồi phù sinh  
Phấn son chẳng rửa bình sanh chương  
Trăng gió không lưu hậu thế danh  
Cảm tưởng nhân gian không kẻ biết  
Suối vàng kết bạn Liễu Kỳ Khanh.(3)*

THÍCH CHỨC HIÊN  
(phỏng dịch)

#### Chú thích:

- (1) La Thành: chỉ thành Nghệ An. Tương truyền, tướng nhà Minh là Trương Phụ sang xâm lược nước Việt đã cho đắp thành ở bên Phú Thạch, nơi sông La và sông Danh gặp nhau.
- (2) Bồng Doanh là Bồng Lai và Doanh Châu. Truyền rằng ở trong Bột Hải có ba hòn đảo là Bồng Lai, Phương Trượng và Doanh Châu. Chung quanh ba hòn này nước biển rất yếu không đỡ nổi một hạt cải, nên ghe thuyền tới đó đều chìm. Người ta gọi là Nhược Thủy. Nơi non Bồng nước Nhược chỉ có tiên đến được thôi. Bồng Doanh chỉ cõi tiên.
- (3) Liễu Kỳ Khanh (987?-1053?), tức Liễu Vĩnh, một danh sĩ nổi tiếng về từ, ở đời Tống, tuổi già mới thi đỗ tiến sĩ và giữ một chức quan nhỏ ở Trường An. Buổi thiếu thời thường lui tới xóm ca nhi và soạn nhiều bài từ tả nỗi đau khổ của làng sơn phấn. Khi Liễu Vĩnh chết, chị em ca nữ góp tiền chôn cất và tổ chức những ngày kỷ niệm rất linh đình.

# LỤC TỔ HUỆ NĂNG BA CHẶNG ĐƯỜNG, MỘT ĐỜI SỐNG

*Thích Nguyên Siêu*

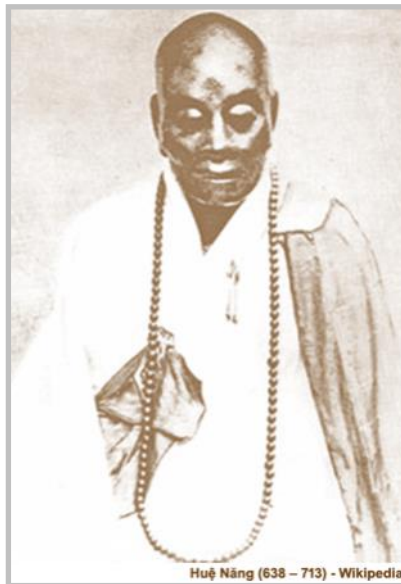
TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

**M**ột đời người có rất nhiều chặng đường trong đời sống. Chúng ta có nghe: "Thời gian còn nhỏ học chết bỏ. Lớn lên làm việc chết bỏ. Về già tu chết bỏ." Hay Khổng Tử lại nói: "Tam thập nhi lập. Tứ thập nhi bất hoặc. Ngũ thập nhi nhĩ thuận. Lục thập tri thiên mạng. Thất thập cổ lai hy." Cũng trong ý nghĩa của chặng đường ấy, nền văn học bình dân Việt Nam cũng nói: "Sông có khúc, người có lúc." Người có nhiều lúc lắm. Lúc còn nhỏ khóc nhè. Lúc lớn lên lao đầu vào cuộc sống. Và lúc về già thì đau yếu, bệnh hoạn. Cứ như thế, đời người ai cũng vậy. Thắng, trăm, thành, bại có đủ. Hay khi lên voi, lúc xuống chó, đường như không thiếu một chặng đường nào. Dầu biết vậy, nhưng có người trải qua bao chặng đường của đời sống, nhưng cuối đời rồi chẳng ra chi. Sanh tử vẫn hoàn sanh tử. Luân hồi nghiệp báo vẫn hoàn nghiệp báo, luân hồi, chẳng xa rời một tơ hào, gang tấc. Người xưa nói: "Phận nghèo trèo núi lặn non, tránh sao khỏi cực, cực cũng còn theo sau." Nếu người biết tu, biết học Phật pháp, biết chuyển nghiệp ác thành nghiệp thiện, biết bỏ dữ làm lành thì chắc hẳn được có đời sống an vui, hạnh phúc, còn bằng ngược lại thì đời mình sẽ nhiều lênh đênh, trôi dạt, bể dâu. Tất cả đều do mình quyết định cho đời mình để có được sự thăng hoa hưởng thượng, hay bị rơi rụng, lặn lớt, gian truân.

Chúng ta bình tâm để thấy ba chặng đường một đời sống của Lục Tổ Huệ Năng:

Chặng đường thứ nhất: Làm người tiểu phu, vào rừng đốn củi, gánh xuống chợ đổi gạo, kiếm tiền, để nuôi Mẹ già và tự thân. Cứ thế, ngày này qua ngày nọ, một đời sống thanh thân dần trôi trong vô thức. Vì không

có sự suy tư, dẫn đo, lý giải, chỉ có một lòng nuôi Mẹ già để đền ơn, trả hiếu trong bốn phận của người làm con. Không sợ nặng nhọc gánh củi xuống chợ. Không sợ gian khổ để nuôi Mẹ già ở túp lều tranh trong bìa rừng heo hút. Ngày thì vui với cây riu đốn củi. Đêm thì vui bên cạnh Mẹ già, chăm sóc cơm nước.



Làm thân một lão tiểu phu, sống đời núi rừng, làm lữ trông thật hắt hiu, nhưng tâm hồn luôn trong sáng, như nhiên như lá hoa đồng, cỏ nội. Như rừng xanh núi cao đậm màu hương sắc cho một sức sống hào nhiên mang tính thiên nhiên, tạo vật. Một lão tiểu phu yêu rừng xanh nước thẳm. Tâm tư của lão như áng mây trời bành bồng theo gió mang đi khắp bốn phương trời, không vướng mắc, không trói buộc bất cứ nơi đâu. Đốn củi xong, gối đầu nơi gốc cây nghỉ ngơi, lấy lại sức khỏe, chiều gánh củi xuống chợ bán để có tiền mua gạo, rau tương về sống với Mẹ già. Ôi! Một đời sống trung trinh với cái Hiếu, cái Thảo của đứa con của Mẹ một đời thanh

cao. Đây, bên cạnh ánh đèn dầu leo lét, Mẹ nằm ngủ an nhiên, hiện lên khuôn mặt nhăn nheo nhưng nội hàm thánh thiện. Kia, bên góc túp lều, lão tiểu phu, con của Mẹ đang chăm đọc Kinh Kim Cang, trải qua bao năm tháng như vậy, nhưng vẫn chưa hiểu nổi ý Kinh, còn nắn nò, dò dẫm mong cầu liễu nghĩa, thấu đạt lời Phật dạy: "Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm," là gì? Xếp Kinh lại gối nơi đầu, ngủ trong dòng suối mát của lời Kinh nhiệm mầu.

Chặng đường thứ hai: Gà rừng vừa gáy sáng. Trời phương đông còn tỏ mờ, Mẹ già dậy trước, đánh thức con gánh củi xuống chợ cho nhà ông cư sĩ tu Phật, mà ngày hôm qua hai bên đã giao hẹn. Lão tiểu phu choàng

tỉnh, nhìn Mẹ trong ánh mắt trong sáng, đầy vẻ an lạc, kính yêu. Đã 20 năm rồi, hai Mẹ con sống như thế. Con vào rừng đốn củi. Mẹ ở túp lều tranh, cơm nước cho con. Sớm chăm sóc vườn rau cải, ngò, tía tô, rau húng... chiều tụng Kinh, thăm nguyên "Nam Mô Phật" cho hai Mẹ con luôn sống có nhau, an lành giữa núi rừng trầm lặng. Đây, bát nước trà gừng còn bốc khói, nồi khoai mài núi mới hấp xong, lão tiều ăn buổi sáng, uống cạn bát trà nóng, rồi chào Mẹ, gánh củi xuống chợ. Trên con đường từ nhà gánh củi củi nặng trên vai mà tâm luôn chiêm nghiệm lời Kinh Kim Cang khi hôm, "Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm!!!" Như là đề khởi công án Thiền không vut chạc, không xao lãng, như gà ấp trứng, như mèo rình chuột, một lòng phá vỡ công án để quách nhiên tỏ ngộ lời Kinh.

Lão tiều phu gánh củi đã đến trước nhà người cư sĩ tu Phật, nhưng không gánh củi vào, dường như ông ta còn chiêm nghiệm một điều gì đó. Thì ra, một âm thanh trầm bổng, lời nhặt tiếng khoan của người cư sĩ tu Phật đang tụng Kinh Kim Cang từ trong nhà đã rót trọn vào tâm tư của lão tiều phu bán củi đang đứng ngoài cửa. Tâm tư định tĩnh. Ý lòng vô sự, như ánh sáng ban mai soi tỏ trên những lá hoa, làm rạn rỡ, ngời lên màu xanh tía lục của ruộng vườn, núi đồi, non cao, biển thẳm. Lời Kinh tụng Kim Cang đến câu: "Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm" của người cư sĩ tu Phật đột phá một cách mãnh liệt, xô dạt thành trì vô minh, chấp ngã của tự tâm, làm rớt rụng bao nào phiền, lậu hoặc... Một dòng suối mát chảy vào đến tận tâm can, ý lòng bừng sáng, quách nhiên liễu ngộ lời Kinh. Hãy đem cái tâm của mình đặt vào chỗ không có chỗ đặt. Giờ đây, lại đặt gánh củi lên vai gánh vào cửa nhà người cư sĩ tu Phật kia, lão tiều phu đâu còn thấy gánh củi trên vai để gánh, và cũng chẳng thấy có người gánh củi để bán, kiếm tiền nuôi dưỡng Mẹ già sống trong túp lều giữa núi rừng kia. Bình đẳng nhất như, hữu tình vô tình, như pháp câu không.

Chặng đường thứ ba: có người hàng xóm tốt bụng, biết được chí nguyện xuất trần của lão tiều phu, nên đã đem cho tiền bạc, cấp dưỡng Mẹ già, sớm hôm chăm sóc... Đã có người thay thế mình để phụng dưỡng Mẹ, nên đã yên lòng, người tiều phu đưa con hiểu thông của Mẹ, khẩn giới lên đường đâu đó đã xong, vào lạy Mẹ ra đi tìm Thầy học đạo. Biết được ở núi Nam Nhạc, Ngũ Tổ Hoàng Mai đang có một đồ chúng lớn đang tu học ở nơi đó.

Ngày đi, đêm nghỉ, dốc hết chí nguyện tu hành, cầu mong đem cái sở ngộ của mình mà phụng sự cho công đức hóa độ, tự tha viên mãn. Lão tiều phu, quê mùa, dân dã

bước chân vào cửa Phật, dân về phía cốc của Ngũ Tổ Hoàng Mai, sụp lạy ba lạy, thấy vậy, Tổ hỏi: "Ông là ai? Từ đâu đến đây?" "Bach Tổ, con là người xứ phương Nam, đến đây để cầu làm Phật." Tổ nói: "Người xứ phương Nam là làng mọi rợ, làm sao có tánh Phật mà cầu?" "Bach Tổ, người thì có người ở phương Bắc, phương Nam, chứ Phật tánh đâu có Nam Bắc." Trước câu nói của người nhà quê dân dã kia, Ngũ Tổ biết đây là pháp khí nhà Thiền rồi.

Do vậy, Tổ bảo: "Hãy xuống nhà dưới mà giã gạo đi." Mừng quá, đã được Tổ cho ở lại đây thì làm gì cũng được, dù bắt mang đá, giã gạo, gánh nước, bữa củi gì gì cũng vui. Tâm lòng của người cầu đạo thì chẳng nề hà gì hết. "Sớm hiểu đạo, chiều chết cũng cam lòng" huống nữa là gánh nước, bữa củi, giã gạo thì đâu là gì! Nhưng có ai ngờ rằng trong thân tướng của gã nhà quê dân dã kia lại nội hàm bao nhiêu tánh giác, linh minh, đồng triệt của một bậc Thánh, Tổ Sư. Tánh giác ấy ẩn tàng trong thân năm uẩn, ẩn sâu trong tứ đại, giả hợp duyên sinh, như viên ngọc ma ni ngàn năm dưới lòng đại dương thăm thẳm. Một khi tánh giác đã bùng vỡ, đạo giải thoát đã chín muồi, giác ngộ bùng dậy, thì ở đâu cũng là Tổ, cũng là Thánh giả, xuất trần. Lục Tổ Huệ Năng, trong thân tướng là "người dân dã, hoang sơ", nhưng trong tự tánh lại là "bậc xuất trần vi thượng sĩ." Bậc Thánh trong hàng Thánh. Bậc Tổ Sư Thiền trong hàng Tổ Sư bậc trội. Chính vì vậy, mà Tổ đã quán chiếu tự tánh của mình, của vạn sự vạn vật để lại bài học vô giá tuyệt đối trên tiến trình tu chứng bản lai diện mục của vạn pháp:

*"Đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh  
Đâu ngờ tự tánh vốn không sinh diệt  
Đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ  
Đâu ngờ tự tánh vốn không giao động  
Đâu ngờ tự tánh hay sanh vạn pháp."*

Cho đến một ngày, đang mang đá giã gạo dưới nhà bếp, có người vào vỗ vai mà nói: "Này chú giã gạo có muốn đọc bài kệ của ngài Thần Tú, người làm giáo thọ đại chúng ở đây, theo lời chỉ dạy của Tổ mà làm bài kệ để trình cái sở ngộ của mình." Do vậy, ngài Thần Tú đã làm bài kệ dán trên vách nhà Tăng kia."

Tôi là người "vô học", không biết đọc chữ, xin đọc giúp cho nghe.

*"Thân thị Bồ đề thọ  
Tâm như minh cảnh đài  
Thời thời cần phát thức  
Vật sử nhạ trần ai."*

Dịch:  
Thân như cây Bồ đề  
Tâm như đài gương sáng  
Siêng năng thường lau chùi  
Chớ để dính bụi trần.

- Sao! Chú giã gạo kia, có hiểu không, có muốn làm kệ trình chỗ sở ngộ của mình không? Tôi thấy chú đến đây và đã giã gạo qua tám tháng dưới nhà bếp rồi.

- Tôi cũng muốn làm kệ, nhưng không biết viết, xin viết giùm cho.

- Được, tôi viết cho, nhưng khi được Tổ trao y bát, thì xin đừng quên tôi nghe. Chú giã gạo đọc kệ:

*"Bồ đề bốn vô thọ  
Minh cảnh diệc phi đài  
Bổn lai vô nhất vật  
Hà xứ nhạ trần ai."*

Dịch:

Bồ đề chẳng phải cây  
Gương sáng chẳng phải đài  
Xưa nay không một vật  
Lấy chi dính bụi trần.

Bài kệ được viết xong trên vách tường chùa phía Bắc, cả đại chúng hăm hở thi nhau mà đọc, người người đến xem, làm náo động nhà Thiền. Tiếng đồn đến tai Tổ, chống gậy ra xem bài kệ viết thế nào, sở ngộ của người làm kệ ra sao. Sau khi đọc qua Tổ biết sở ngộ của người trình kệ, mà nếu để lâu chắc sinh ra những điều không hay. Tổ liền bảo: "Hãy chùi bài kệ này đi, người chưa tu hành không thể hiểu tới." Bài kệ xóa đi quay về "Tánh Không." Im lìm ngàn đời bất động, không tăng, không giảm, chẳng thường, chẳng đoạn, như nhiên.

Cảnh vật nhà Thiền, chìm vào đêm trường tĩnh lặng, hai bóng thầy trò chấp chờn dưới ánh trăng đêm. Nghe tiếng êm đêm đầu đây: "Để Thầy đưa con qua sông." Bạch Thầy: "Khi xưa con chưa 'ngộ' thì nhờ Thầy 'độ' cho, nhưng bây giờ con đã 'ngộ' rồi thì con tự 'độ' lấy."

Ba cảnh đời, một cuộc sống, có đủ phàm thánh trong nhau. Bài học của đời, kiếp tu của Đạo đáng giá ngàn vàng, ai ơi! Tánh - Tướng có dị, đồng, nhưng bổn lai không khác. Nguyên xin thừa sự mười phương chư Phật mà liễu ngộ tự tâm, dù có trôi lăn trong biển trầm luân sinh tử, cũng không bao giờ quên Bồ đề tâm.

Chùa Phật Đà, 26/3/2021  
**Thích Nguyên Siêu**



## HƯƠNG LÒNG TRONG MÙA PHẬT ĐẢN

*Đấng Pháp Vương bậc xuất trần thượng sĩ  
Vượt cổng thành vào rừng núi xuất gia  
Ngài chẳng màng chức tước vị vương gia  
Bỏ tất cả mong tìm phương lối thoát.*

*Đời của Ngài là cuộc đời giải thoát  
Lòng tràn đầy bi trí độ tha nhân  
Đường mây trời bình bát mỗi bước chân  
Đi khắp chốn mang niềm vui lợi lạc.*

*Mừng Phật Đản xin cùng nhau nhớ tạc  
Khắc ghi vào từng da thịt máu xương  
Sống thương yêu và tha thứ mọi đường  
Cùng thắp nén hương lòng lên Đức Phật.*

*thơ* **TÁNH THIÊN**

# THA THỨ ĐỀ HÓA GIẢI OÁN THÙ

Quảng Tánh

PHÁP LUẬN

**T**ha thứ cho kẻ chiến bại là việc khó làm. Bởi lẽ, từ xưa đến nay, hầu hết kẻ chiến bại đều phải chết; nếu không bị xử tử nơi pháp trường cũng sẽ chết dần mòn trong lao ngục, tù đầy. Tuy vậy, chết chưa phải là hết. Hiên nhiên cái còn là hận thù. Đời này không trả được thì đời sau, thế hệ này không rửa được thì thế hệ khác. Cứ thế oán thù vẫn đeo đẳng kéo dài không bao giờ dứt.



A-xà-thế (vua nước Ma-kiệt-đà) khi mới lên ngôi còn trẻ nên rất hung hăng. “Ngựa non háu đá” nên A-xà-thế dám cất binh chinh phạt nước Câu-tát-la. A-xà-thế đâu biết rằng nước Câu-tát-la giàu có, binh hùng tướng mạnh, vua nước Câu-tát-la là Ba-tư-nặc dày dặn kinh nghiệm trị nước và giữ nước nên khiêu chiến không bao lâu A-xà-thế liền bị bắt sống, sổ phận nằm trong tay vua Ba-tư-nặc.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc đã là Phật tử, ông không hành xử theo lệ thường mà xử sự một cách khác thường. Ba-tư-nặc mang kẻ chiến bại và chiến lợi phẩm đến yết kiến Đức Phật. Nhờ Phật chứng minh, vua Ba-tư-nặc quyết định tha thứ cho kẻ thù. Và cũng thật bất ngờ, Đức Phật tán đồng quyết định sáng suốt ấy: “Đại vương, thả cho người đi, bệ hạ sẽ được an ổn, lợi ích lâu dài”.

“Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc và vua Ma-kiệt-đà A-xà-thế con bà Vi-đề-hy chống đối nhau. Vua Ma-kiệt-đà A-xà-thế con bà Vi-đề-hy khởi bốn thứ quân kéo đến nước Câu-tát-la. Vua Ba-tư-nặc khởi bốn thứ quân gấp đôi ra nghinh chiến. Bốn thứ quân của vua Ba-tư-nặc đắc thắng, bốn thứ quân của vua A-xà-thế thua, khiếp phục tán loạn.

Vua Ba-tư-nặc bắt sống vua A-xà-thế và thu được tiền tài, bảo vật xe cộ ngựa voi. Bắt

sống vua A-xà-thế, chở cùng xe đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, đây là vua A-xà-thế, con bà Vi-đề-hy, mà con không bao giờ oán hận. Nhưng người lại gây oán kết; đối với người tốt mà tạo điều không tốt. Song người này là con của bạn con. Con sẽ thả ra cho trở về nước.

Phật bảo vua Ba-tư-nặc:  
- Lành thay, Đại vương, thả cho người đi, bệ hạ sẽ được an ổn, lợi ích lâu dài.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Cho dù sức tự tại  
Thường hay xâm lược người  
Sức tăng thì càng oán  
Bội thu lợi mình người.*

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc và vua A-xà-thế, con bà Vi-đề-hy, nghe những gì Phật dạy hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

(*Kinh Tạp A-hàm, kinh số 1237*)

Mới hay, không dễ để tha thứ cho kẻ thù. Phải là một nhân cách lớn, biết nhìn xa trông rộng, lấy lợi ích quốc dân làm trọng mới làm nên những kỳ tích. Thế nên, danh nhân Nguyễn Trãi đã chủ trương “Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân”. Hiện vẫn có nhiều quan điểm khác nhau về việc tha thứ cho kẻ thù nhưng chắc chắn một điều rằng, để hóa giải oán kết trùng trùng thì tha thứ là tối thắng. Tha thứ để được an ổn và lợi ích lâu dài.

Người đệ tử Phật, học theo hạnh tha thứ và bao dung, kẻ thù còn tha thứ được hưởng gì những người phạm lỗi, nhất là lỗi của người đồng đạo. Tha thứ là phương thức giáo dục, cho người phạm lỗi cơ hội cơ hội sửa sai, phục thiện. Làm người ai mà không lỗi, nên tha thứ cho người cũng là tha thứ cho mình. Còn các biện pháp kỷ luật, xử phạt, chế tài chỉ là việc bắt buộc dĩ, đó là chưa nói tới nếu không đạt được “yên dân” thì lợi bất cập hại, sẽ không “an ổn, lợi ích lâu dài”.



# CHƯ PHẬT ĐẢN SINH... LIÊN HỆ GIỮA KINH A HÀM VÀ THIỀN TÔNG

*Chân Hiền Tâm*

PHÁP LUẬN

Kinh Tăng Nhất A Hàm quyển III kể rằng: Khi đức Phật hiệu Tì-bà-thi Như Lai ra đời, Thánh chúng lúc ấy có ba hội, toàn là bậc A la hán. Trong 100 năm đầu, Thánh chúng thanh tịnh, Phật Tì-bà-thi chỉ dùng một bài kệ làm giới cấm:

*Nhấn nhục là bậc nhất  
Phật nói vô vi hờn  
Không do cạo râu tóc  
Làm sa môn hại người.*

Một trăm năm sau, trong chúng phát sinh lỗi lầm, đức Phật mới lập giới cấm.

Kể là đức Phật hiệu là Thi-khí Như Lai ra đời, bấy giờ Thánh chúng cũng có ba hội. Trong 80 năm đầu, Thánh chúng thanh tịnh, Phật chỉ dùng một bài kệ làm giới cấm:

*Nếu mắt thấy tà vạy  
Người trí giữ không dẫm  
Xả bỏ các điều ác  
Là trí tuệ ở đời.*

Về sau, trong chúng phát sinh lỗi lầm, Phật mới đặt ra giới cấm.

Trong Hiền kiếp ấy, đức Phật hiệu là Tì-xá-la-bà ra đời, bấy giờ Thánh chúng cũng có ba hội. Trong 70 năm đầu, Thánh chúng thanh tịnh, Phật chỉ dùng một bài kệ làm giới cấm:

*Không hại cũng không quấy  
Vâng giữ theo đại giới  
An uổng biết vừa đủ  
Giường tòa cũng như vây  
Chuyên tâm và chí thành  
Là lời chư Phật dạy.*

Về sau, trong chúng phát sinh lỗi lầm, Phật mới đặt ra giới cấm.

Trong Hiền kiếp ấy, đức Phật hiệu là Câu-

lưu-tôn ra đời, bấy giờ Thánh chúng có hai hội. Trong 60 năm đầu, Thánh chúng thanh tịnh, Phật chỉ dùng một bài kệ làm giới cấm:

*Ví như ông hút hoa  
Sắc hoa rất sạch thơm  
Lấy vị ngọt cho người  
Đạo sĩ vào làng xóm  
Không chê bai việc người  
Cũng không nhìn phải quấy  
Chỉ tự quán thân hạnh  
Quán kỹ chánh không chánh.*

Về sau, trong chúng phát sinh lỗi lầm, Phật mới đặt ra giới cấm.

Trong Hiền kiếp ấy, đức Phật hiệu là Câu-na-hàm Mâu-ni Như Lai ra đời, bấy giờ Thánh chúng có hai hội. Trong 40 năm đầu, Thánh chúng thanh tịnh, Phật chỉ dùng một bài kệ làm giới cấm:

*Giữ chí chớ khinh lờn  
Nên học đạo vắng lặng*

*Bậc hiền không lo buồn  
Nên giữ tâm tịch diệt.*

Về sau, trong chúng phát sinh lỗi lầm, Phật mới đặt ra giới cấm.

Khi đức Phật hiệu là Ca-diếp ra đời, bấy giờ Thánh chúng có hai hội. Trong 20 năm đầu, Thánh chúng thanh tịnh, Phật chỉ dùng một bài kệ làm giới cấm:

*Chớ làm các điều ác  
Vâng làm các điều lành  
Giữ tâm ý thanh tịnh  
Là lời chư Phật dạy.*

Về sau, trong chúng phát sinh lỗi lầm, Phật mới đặt ra giới cấm.

Khi Phật Thích-ca Mâu-ni Như Lai ra đời, có một hội Thánh chúng gồm 1250 người.



Trong 12 năm đầu không có người phạm giới, Phật dùng một bài kệ làm giới cấm:

*Giữ miệng ý thanh tịnh  
Thân hành cũng thanh tịnh  
Thanh tịnh ba hạnh này  
Tu hành đạo tiền nhân.*

Về sau, trong chúng phát sinh lỗi lầm, Phật mới có 250 giới cấm v.v...

Thời kỳ tăng chúng được thanh tịnh không cần đến giới luật, giảm dần qua các đời. So với Thánh chúng trong các hội, thánh chúng của Phật Thích-ca cũng rất ít. So với tuổi thọ của các Phật trước, tuổi thọ của Phật Thích-ca cũng rất ngắn. Tuy vậy, sau khi các đức Phật quá khứ diệt độ, pháp không trụ lâu ở đời. Chỉ sau khi Phật Thích-ca diệt độ, chánh pháp mới trụ lâu ở đời. Trong kinh, Phật nói với ngài A-nan: "Không nên nghĩ đệ tử của ta ít. Đệ tử của ta ở phương đông nhiều vô ức ngàn, ở phương nam cũng vô số ức ngàn. Cho nên, này A-nan! Hãy nghĩ như vậy: Phật Thích-ca của ta thọ mạng rất dài lâu. Vì sao? Vì nhục thân tuy diệt độ nhưng pháp thân tồn tại. Đây là nghĩa vừa nói. Ông hãy ghi nhớ lấy!" [1] Điều này ứng với việc Phật đã nói khi vừa sinh ra và đi đến bước thứ bảy: "Trên trời dưới đất chỉ mình ta là tôn quý." Ta, chỉ cho pháp thân mà Phật đã nói, là tánh thể mà chúng sinh và Phật đồng có, chỉ do mê hay ngộ mà ẩn hay hiển, không phải chỉ cho nhục thân hay cái tôi của Thích-ca Mâu-ni.

Lâu xa về sau, đến thời Phật Di-lặc ra đời, khi ấy ở Diêm-phù-đề, các thú núi sông vách đá đều tự tiêu diệt, đất đai bằng phẳng ngay ngắn như gương sáng, thời tiết khí hậu điều hòa, thân người không có tham dục, sân nhuế, ngu si, lừa dối v.v... Y phục tự có. Đại địa tự nhiên sinh lúa. Tiền tài của cải như ngói gạch không ai quan tâm. Lúc ấy có một đại thần tên là Tu-phạm-ma, không cao không thấp, không mập không ốm, không trắng không đen, không già không trẻ. Vợ là Phạm-ma-việt, không có tám mươi bốn trạng thái của người nữ, không bệnh, ý không tán loạn. Ở cung trời Đâu Suất, Bồ-tát Di-lặc quán sát thấy cha mẹ không già không trẻ, liền giáng thần hạ sinh từ hong bên phải như Thích-ca. Ngài cũng có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thân màu hoàng kim. Đại thần đặt tên cho con là Di-lặc.

Di-lặc ở nhà không bao lâu bèn xuất gia học đạo. Xuất gia vào nửa đêm, ngay đêm đó thành đạo dưới cội Long Hoa. Cõi nước rung động theo sáu cách. Địa thần bảo nhau: "Di-lặc đã thành Phật". Lời ấy truyền đến cung trời Tứ thiên vương, rồi đến Tam thập tam thiên, Diêm-ma thiên, Đâu suất thiên v.v... Ma vương đem vô số chư Thiên cõi dục đến lễ bái cung kính. Cha Tu-phạm-ma, mẹ Phạm-ma-Việt, trưởng giả Thiên Tài v.v... mỗi người đều mang tám muôn bốn ngàn người đến chỗ Di-lặc. Di-lặc vì họ mà thuyết pháp Tứ đế, bố thí, trì giới v.v...

Phật Thích Ca nói với đệ tử hành 12 hạnh đầu đà là Đại Ca-diếp, Sơ tổ của Thiên tông, như sau: "Này Đại Ca-diếp! Ông không nên nhập niết bàn. Nên đợi đến khi Di-lặc ra đời. Vì sao? Vì đệ tử của Phật Di-lặc giáo hóa đều là đệ tử của ta, do ta hóa độ để lại, đã sạch hữu lậu. Đại Ca-diếp sẽ trụ trong núi ở thôn Tì-đề xứ Ma-kiệt cho đến khi Phật Di-lặc mang đại chúng vây quanh núi. Nướng ân đức Phật, các quỷ thần vì Phật mở cửa, khiến mọi người thấy được Ca-diếp đang tọa thiền trong đó. Thấy rồi, vô số chúng sinh chấm dứt trần cấu được pháp nhãn thanh tịnh. Chín mươi sáu ức người đều chứng La-hán. Vì sao? Vì đều nhận sự giáo hóa của ta. Cũng do nhân duyên bốn món cúng dường: Bố thí, nhân ái, lợi hành và đồng sự. Này A-nan! Bấy giờ Di-lặc sẽ đắp y tăng-già-lê của Ca-diếp. Khi đó thân thể Ca-diếp tan rã. Di-lặc liền mang các thứ hương hoa cúng dường Ca-diếp. Vì sao? Vì chư Phật Thế Tôn đều có tâm cung kính đối với chánh pháp. Di-lặc cũng do chánh pháp hóa mà có được, thành tựu đạo vô thượng chánh giác". Xem ra, Đại Ca-diếp tuy không lộ diện, nhưng lại chính là người nắm giữ mạng mạch Phật pháp từ thời Phật Thích-ca cho đến Di-lặc.

Thời Di-lặc, trong 1000 năm đầu, chúng tăng không lỗi lầm. Di-lặc thường dùng một bài kệ làm giới cấm:

*Miệng và ý không ác  
Thân cũng không phạm ác  
Nên trừ ba hạnh này  
Chống thoát vượt sinh tử.*

Về sau, trong chúng phát sinh lỗi lầm, Di-lặc mới lập giới cấm.

Phật Di-lặc thọ tám vạn bốn ngàn tuổi, pháp để lại tồn tại tám vạn bốn ngàn năm. Vì chúng sinh thời ấy đều là hàng lợi căn. Ngài



nói: “Trong chúng này có đệ tử của Phật Thích-ca thời quá khứ từng tu phạm hạnh mà đến chỗ ta. Hoặc ở nơi Thích-ca vâng giữ pháp ấy mà đến chỗ ta. Hoặc ở nơi Thích-ca cúng dường Tam bảo mà đến chỗ ta. Hoặc ở nơi Thích-ca tu căn lành trong khoảng khảy móng tay mà đến chỗ ta. Hoặc ở nơi Thích-ca tu Tứ vô lượng tâm mà đến chỗ ta. Hoặc ở nơi Thích-ca thọ trì tam qui ngũ giới mà đến chỗ ta. Hoặc ở nơi Thích-ca tạo dựng tháp miếu chùa viện mà đến chỗ ta. Hoặc ở nơi Thích-ca sửa sang chùa cũ mà đến chỗ ta. Hoặc ở nơi Thích-ca thọ trì Bát quan trai mà đến chỗ ta. Hoặc ở nơi Thích-ca dùng hương hoa cúng dường mà đến chỗ ta. Hoặc ở nơi Thích-ca nghe Phật pháp buồn khóc rơi lệ mà đến chỗ ta. Hoặc ở nơi Thích-ca suốt đời tu phạm hạnh mà đến chỗ ta. Hoặc ở nơi Thích-ca viết kinh đọc tụng mà đến chỗ ta. Hoặc ở nơi Thích-ca thừa sự cúng dường mà đến chỗ ta”. Xem ra, hội Long Hoa gần như ai cũng có phần. Chỉ cần tu căn lành trong khoảng một khảy móng tay là đã gieo được cái nhân để gặp Phật Di-Lặc trong tương lai, huống là đọc tụng, biên chép, thọ trì các kinh luận Đại thừa. Đã gieo nhân thì đủ duyên sẽ có quả. Nhanh hay chậm, lâu hay mau là do chúng ta tỉnh giác mau hay chậm, chịu tinh tấn tu hành hay giải đãi làm biếng v.v... Song chỉ khi tâm không rơi vào nhị biên phân biệt, ý không tán loạn, thì Di-Lặc trong mỗi chúng ta mới thật sự đản sinh.

Phật Thích-ca dạy: “Thiện nam tử, thiện nữ nhân nào muốn được gặp Di-lặc và ba hội chúng thanh văn, muốn ăn lúa thóc tự nhiên và y phục tự nhiên, sau khi chết sinh cõi trời thì hãy nên gắng sức tinh tấn, đừng sinh giải đãi, nên cúng dường thừa sự các Pháp sư, cúng dường các thứ hương hoa hương thơm đừng để thiếu thốn...”. Cúng dường trần châu, mã não, đất đai, chùa chiền v.v... thì có khi chúng ta không đủ điều kiện, nhưng cúng dường hương hoa hay thừa sự các Pháp sư thì chắc không khó. Chỉ là tùy tâm của mỗi người có chịu thừa sự, lấy đó làm pháp cúng dường không thôi.

Nhân mùa Phật đản, xin nguyện tất cả chúng sinh, dù là Phật tử hay chưa là Phật tử, đều được “Miệng và ý không ác. Thân cũng không làm ác”, lấy đó làm ‘pháp cúng dường’ cúng dường mười phương chư Phật cùng tất cả chúng sinh trong mười phương pháp giới.

[1] Kinh Tăng Nhất A-hàm quyển 3.



## Chùm thơ KHÔNG ĐỀ

### KHÔNG ĐỀ 1

*Trời xanh, mây trắng trên đầu chóp  
Cái nắng quê người sao hanh hao  
Ta đến rồi đi. Đời vốn vậy  
Mây lưng trời một giác chiêm bao?*

### KHÔNG ĐỀ 2

*Ta gửi vào trưa xanh nỗi nhớ  
Giữa đường một thoáng nắng chong chao  
Mấy năm thắm đềm mùa phiêu bạt  
Nhớ bóng mây xưa dạt chỗ nào...*

### KHÔNG ĐỀ 3

*Liều đã trăm năm buồn... như liều  
Mỗi mùa trái mộng, mộng còn xanh?  
Tóc ai từ độ xanh hơn liễu  
Buông xuống hai vai liễu rũ mảnh!...*

### KHÔNG ĐỀ 4

*Một ngày xa phố viếng rừng  
Mà nghe tiếng nước gọi từng tiếng non  
Mà nghe “nước chảy đá mòn”  
Ta quên ta giữa đời còn bẽ dâu...*

### KHÔNG ĐỀ 5

*Suối thẳm thì, suối ngân reo  
Hình như tiếng suối qua đèo quanh co  
Gió về gửi chút thơm tho  
Ta nghe vô nhiễm hện hò vô ưu!...*

thơ **TRẦN HOÀNG VY**

# MÙA PHẬT ĐẢN GIỮA ĐẠI DỊCH VIRUS CORONA

*Thích Nữ Giới Hương*

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Phật Đản (*sinh nhật của đức Phật Thích Ca Mâu Ni - Birthday of Sakyamuni Buddha*) hay Vesak là ngày kỷ niệm thái tử Sĩ-đạt-đà (*Siddhārtha Gautama - con trai của Vua Tịnh Phạn và Hoàng hậu Maya*) sinh ra tại vườn Lâm-tì-ni vào ngày 8 tháng 4 âm lịch (*hoặc 15 tháng 4 âm lịch*) năm 624 trước công nguyên.

Giống như lễ Giáng Sinh của Chúa Jesus (*Christmas*) được tổ chức hàng năm, các người con Phật trên khắp thế giới vào tháng 4 âm lịch cũng cùng nhau tổ chức lễ Mừng Phật đản (*Happy Buddha Birthday!*). Tuy nhiên theo văn hóa, phong tục và hoàn cảnh mỗi đất nước mà ngày này có thể xê dịch thay đổi cho thuận tiện, như ở Hoa Kỳ thường tổ chức vào Chủ nhật là ngày người dân được nghỉ làm và có thời gian để đến chùa dự lễ hội.

Theo Kinh Phật Bản Hạnh Tập (1) kể rằng theo thông lệ xứ Ấn độ cổ đại, người phụ nữ mang thai phải về nhà cha mẹ, nên vào ngày 8 tháng 4, Hoàng hậu Ma-ya trên đường về quê ngoại để chờ ngày khai hoa nở nhụy. Lúc đó, trời trong sáng, nắng ấm chan hoà và muôn hoa đua nở. Hoàng hậu cùng các thị nữ vào nghỉ chân nơi vườn thượng uyển Lâm-tì-ni. Ngay khi Hoàng hậu vịn cành hoa vô ưu, đang toả hương thơm ngát ngào, Bồ tát Sĩ Đạt Đa thị hiện đản sanh ra đời. Ngài (*the Buddha baby*) tươi sáng, nhẹ nhàng, thánh thoát đi bảy bước trên mặt đất ẩm áp. Lạ thay! Dưới mỗi bước chân ngài đều có những hoa sen đỡ gót chân hồng. Rồi ngài ngẩng nhìn bốn phương và cất tiếng sư tử吼, vang khắp trời người:

"Trên trời dưới đất chỉ có cái Ta chân thật là đáng quý."

Sau đó, vua Tịnh Phạn mời một vị Tiên ẩn sĩ A-Tư-Đà vào xem tướng Bồ Tát. Tiên thưa rằng Thái tử Sĩ Đạt Đa khi trưởng thành sẽ xuất gia học đạo, quyết định thành Phật, chuyển đại pháp luân, độ trời người vô số kể.

Bởi vì Thái tử Sĩ Đạt Đa có 80 tùy hình hào và 32 đại hảo tướng. Những tướng như thế, nếu ở đời sẽ là Chuyển Luân Thánh Vương và nếu xuất gia sẽ là bậc Đại Giác Ngộ, Phật, Thế Tôn.

Vua Tịnh Phạn nghe xong, liền phóng thích các tù nhân, phóng sinh các cầm thú, cúng dường các Bà-la-môn, tháp miếu, làm đủ phước thiện và bố thí người nghèo để ghi nhớ ngày 8 tháng 4, cõi ta bà có được phúc báo bậc thánh nhân tức Thái tử Sĩ Đạt Đa giáng thế như thế.

Bồ tát Sĩ Đạt Đa đã ra đời vì mục đích trọng đại là mang thông điệp hạnh phúc, chỉ ra "cái Ta chân thật" tức là tâm Phật mà ai cũng có và cũng có thể trở thành Phật như kinh Pháp Hoa, Lăng Nghiêm,

Hoa Nghiêm và các kinh Đại Thừa khác đã đề cập.

Nếu cõi đời không có đau khổ, tham dục, ganh ghét, chiến tranh, hận thù, tai biến tối tăm hay đại dịch thì ngài đã chẳng xuất hiện ra đời. Mừng mừng tám tháng tư Ngày Phật Đản, chúng ta nguyện sẽ trân quý những điều hy hữu, thẳng duyên mà chúng ta đang hưởng và có được như kinh Pháp Cú đã tán dương rằng:

*"Hạnh phúc thay, đức Phật giáng sinh!  
Hạnh phúc thay, giáo pháp cao minh!  
Hạnh phúc thay, chúng Tăng hòa hợp!  
Hạnh phúc thay, tứ chúng đồng tu!"* (2)

Năm nay Mùa PHẬT ĐẢN Phật Lịch 2565 – tức dương lịch 2021 lại rơi giữa nạn ĐẠI DỊCH COVID-19 bùng phát trên toàn thế giới, tính đến ngày hôm nay ngày 06/04/2021, theo thống kê của Worldometers, thế giới đã ghi nhận tổng cộng 85. 493. 384 ca nhiễm virus SARS-CoV-2 gây bệnh viêm đường hô hấp cấp Covid-19, trong đó có 1.850.243 ca tử vong. Hoa Kỳ vẫn là quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nhất bởi dịch bệnh Covid-19 với hơn 31,1 triệu ca nhiễm và hơn 560 nghìn ca tử vong, tiếp đó là Ấn Độ và Brazil...



Kể từ tháng Ba năm 2021, Vaccine của Moderna, Pfizer/ BioNtech... đã được phổ biến và nhiều người dân trên toàn cầu được chích ngừa nhưng dịch bệnh vẫn diễn biến phức tạp, dai dẳng và chưa dứt hẳn.

Vào thời điểm rất khó khăn này, chúng ta là những người con Phật phải theo sự hướng dẫn của chánh phủ, các bác sĩ và chuyên gia y tế để giữ môi trường trong sáng, trong sạch và thanh tịnh cũng là một cách để đón mừng ngày của ngài đản sanh vào mùng 8 tháng 4 sắp tới.

Do cách ly, giữ khoảng cách an toàn xã hội (social distancing) chúng ta có thể tổ chức lễ Phật đản nội bộ tại chùa, tập trung không quá nhiều người.

Chúng ta đeo khẩu trang, bao tay và đồ bảo hộ, phải rửa tay thường xuyên với xà-phòng, thường xuyên sám hối lễ lạy để tiêu nghiệp báo oan khiên.

Chúng ta cũng nên dành nhiều thời gian tụng kinh, tọa thiền, và góp lời cầu nguyện cho Hoa Kỳ, Việt Nam và thế giới tai ách ôn dịch chóng qua đi.

Nguyên tất cả chúng ta có được một nội tâm an tịnh, giàu nghị lực, niềm tin, lạc quan, có tinh thần trách nhiệm với nhau để cùng nhau vượt qua cộng nghiệp chung của giai đoạn khó khăn này.

Chúng ta mỗi người luôn chân thành trì giữ Giới-Định-Tuệ mà Đức Thế Tôn đã giảng thể và đã trao cho nhân loại. Đây là thông điệp hạnh phúc và con đường thanh tịnh duy nhất để chuyển hóa và đưa đến một thế giới an lạc và hòa bình.

*Nam Mô Cam Giá Nguyên Lưu, Ứng Thân  
Hiện Thoại, Ta Bà Giáo Chủ Bổn Sư Thích Ca  
Mâu Ni Phật tác đại chứng minh.*

## **CELEBRATING THE BUDDHA'S BIRTHDAY DURING THE CORONAVIRUS PANDEMIC**

"Phật đản" (Vietnamese) means Vesak, the birthday of Prince Siddhārtha Gautama, the son of King Suddhodana and Queen Maya. He was born in the Lumbini Royal Garden on the eighth of the fourth lunar month in 624 BC. Later he attained enlightenment and became Sakyamuni Buddha.

Buddhist followers around the world celebrate the Buddha's birthday on the fourth lunar month. However, according to the cultures, customs, and circumstances of each country, this date can be different for



convenience, as in the United States where it is often held on a Sunday when people are off from work and have time to attend the festival in the temple.

The Scripture on the Main Conduct of the Buddha (Kinh Phật Bản Hạnh Tập) (3) narrates that according to ancient Indian custom, pregnant women must return to their parents' homes to give birth, so on April 8th Queen Maya was on her way home. At that time, it was clear, sunny, and the flowers were blooming. The queen and her maids stopped at Lumbini, the Royal Garden, to rest. As soon as the imperial queen leaned over the fragrant udumbara flower branch, Prince Siddhartha was born. He was bright, gentle, and began seven holy steps on the warm ground. Amazingly with every step, pink rose lotus flowers bloomed under his feet. Then he looked up at the four directions and uttered a cry echoing throughout the sky: "In heaven and earth, the True Self is the most valuable."

The sky became clear and the sacred rain of eight merits came down. The earth quaked in six ways. When that happened, all species detached from greed, anger, and ignorance. The hungry and sick people seemed to forget their problems. Angry and embittered people suddenly were awakened and everyone felt tranquility in all their six senses. Animals seemed to escape their fear. Hungry ghosts found themselves full enough. So it came to be that all species enjoy the peace and happiness from the wonderful birthday of the Bodhisattva Siddhartha.

After that, King Suddhodana invited the ascetic Asita to see Prince Siddhartha's statue. Asita said that when he was mature, he would be ordained, become a Buddha who spread dharma, and transform countless people. Bodhisattva had eighty small good marks and thirty-two great good marks. Such marks are not of a universal monarch, but of Buddha's figures. Ascetic Asita was sad because he could not live enough long to hear the Buddha's sermons. Asita dropped himself on the ground and sobbed.

Asita watched King Suddhodana release prisoners and animals, make offers to the Brahmins, build the temple, and do charity work to earn merit so people could remember the April 8 occasion of the Buddha's birth. The Saha world had enough good merit to have the birth of the saint.

The Bodhisattva was born to show the "True Self," i.e., the true nature of mind, Bodhi Nirvana, marvelous essence and the ultimate truth which is mentioned in Mahayana scriptures such as the Lotus Sutra, Śūraṅgama Sūtra, and so on. If the world had no suffering, craving, jealousy, war, hatred, and ignorance, then he would not appear in the world.

The Buddha descended to this world to bring the Bodhi torch to light the enlightened path for us who can return to "the True Self." Happily, his classic Tripitaka is still here and with the modern and effective communication methods of mass media, the dharma is now available to many. Fortunately, the sangha appeared for the noble cause. Four kinds of Buddhist groups (monks, nuns, male and female lay Buddhists) collaborated together, gave up their respective egos to return "the True Self." Happily, Buddhists worship the Three Jewels and offer their lives as a pink lotus to serve for the sake of many.

Celebrating the eighth of April, the Buddha's Birthday, we pray to cherish this rare event and the blessings we are enjoying right now:

*Happy Buddha's Birthday!  
Happy is the Great Dharma!  
Happy is the Harmony of Sangha!  
Happy are four Buddhist groups that practice together!* (4)

This year, the Buddhist Calendar 2565–2021 fell in the midst of the COVID-19 pandemic outbreak around the world. According to Worldometer statistics, as of April 6, 2021, the world has a total of 85,493,383 cases of SARS-CoV-2 virus infection causing acute respiratory infections, COVID-19 with 1,850,243 deaths. The United States is still the country most affected by the COVID-19 epidemic with more than 31.1 million cases and more than 560,000 deaths, followed by India and Brazil.

Since March 2021, Moderna vaccines, Pfizer/BioNtech... have been disseminated and many people have received the vaccine, but the epidemic is still complicated, persistent, and not definitive.

At this very difficult time, we as Buddhists must follow the guidance of the government, doctors, and medical experts to

keep a clean, pure, and safe environment. This is also a way to welcome and to celebrate the Buddha's birthday.

Following CDC guidelines, wearing masks, and keeping a safe social distance, we can organize a Buddha's birthday ceremony at the temple with a small group of people.

We wear masks, gloves, and protective gear and must wash our hands often with soap often, and repent and prostrate to eliminate the negative karma.

We should also spend much time chanting, meditating, and contributing prayers for the United States, Vietnam, and the world to soon recover from the pandemic.

May all of us have a calm mind, rich in energy, confidence, optimism, and a sense of responsibility together to overcome the common karma of this difficult period.

Each of us always sincerely maintains the precept-meditative-wisdom that the Blessed One has given to mankind. This is the message of happiness and the only pure path to transform and lead us to a peaceful and liberated world.

*Triple Homage to Our Original Teacher,  
Sakyamuni Buddha.*

Hương Sen Temple, April 14, 2021

**Thích Nữ Giới Hương**  
[huongsentemple@gmail.com](mailto:huongsentemple@gmail.com)

- (1) <http://daitangkinh.org/images//lspbdtk/T012/>
- (2) Luận A-tỳ-đạt-ma Câu-xá, T29, no. 1558, p. 2.
- (3) <http://daitangkinh.org/images//lspbdtk/T012/>
- (4) Luận A-tỳ-đạt-ma Câu-xá, T29, no. 1558, p. 2.



## 9 BÀI HAIKU CỦA MASAOKA SHIKI (正岡 子規, Chánh Cương Tử Quy)

### Haiku (195)

*Dinh thự bỏ hoang  
trong hoa bụi thắm  
tiếng gà gáy vang.*

### Haiku (196)

*Trên cánh buồm xa  
hoàng hôn buông xuống  
vàng trắng trắng ngà.*

### Haiku (197)

*Bão mùa thu chậm rì  
cả nửa ngày, bẻ gãy  
một nhành hoa cầm quy.*

### Haiku (198)

*Màu xanh của cánh đồng  
đã được nhồi vào cả  
chiếc bánh gạo thơm ngon.*

### Haiku (199)

*Thu sẽ đến sớm thôi  
trong tôi không còn Phật  
và thân linh nữa rồi.*

### Haiku (200)

*Chớp sáng lên giữa trời  
trong rừng cây tôi thấy  
những giọt sương rạn ngời.*

### Haiku (201)

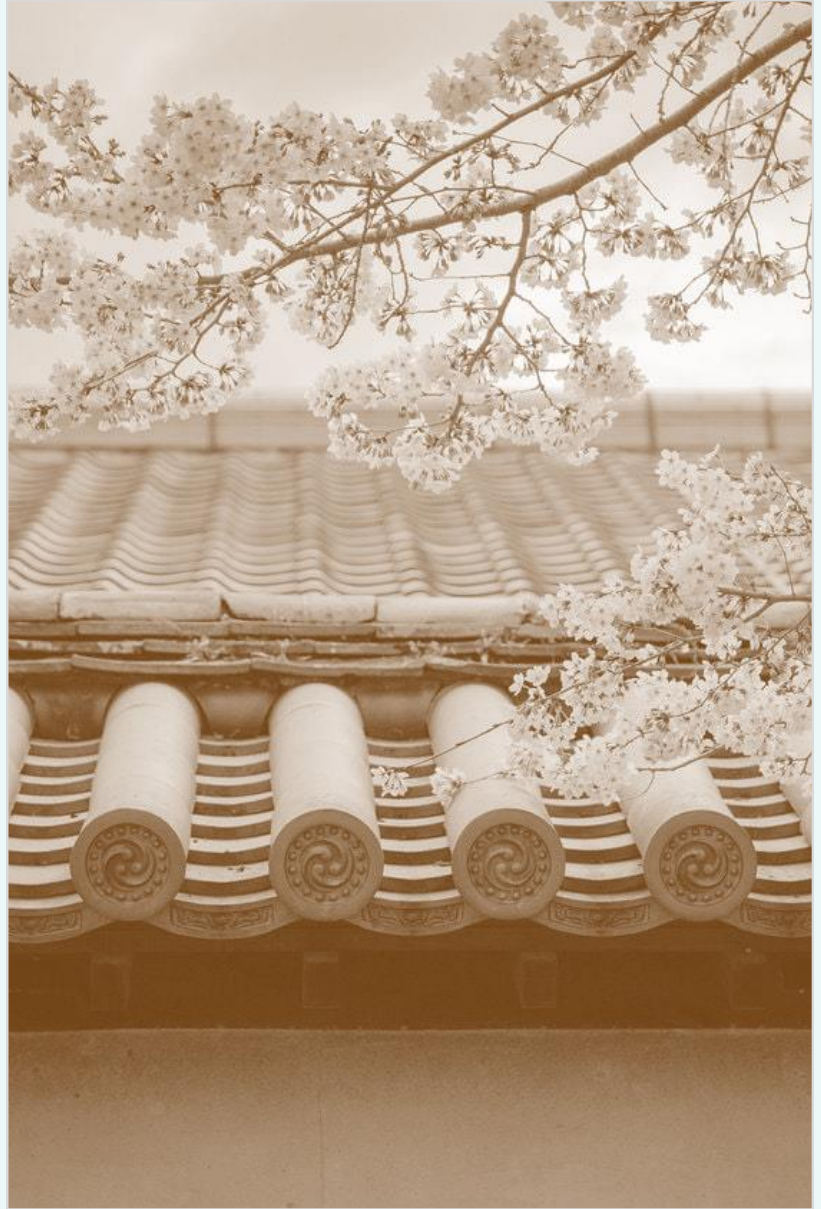
*Tôi ngỡ rằng giọt sương  
vừa rơi lên khuôn mặt  
khi tôi ngủ trên giường.*

### Haiku (202)

*Cây mướp rỗng đơm hoa  
cổ họng tôi đặc nghèn  
thân tôi hoá Phật Đà.*

### Haiku (203)

*Trời lạnh, nhưng vẫn còn  
một dòng suối nước nóng  
và bình rượu thơm ngon.*



\* Pháp Hoan dịch từ bản dịch tiếng Anh.

Nguyên tác thơ của Masaoka Shiki (正岡 子規,  
Chánh Cương Tử Quy).

thơ **PHÁP HOAN** dịch

# ĐỨC PHẬT LÀ AI?

Soạn giả: RICK FIELDS

Dịch giả: *Thích Nguyên Tạng*

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

**Lời người dịch:** Bài này được trích dịch từ một tập sách nhỏ có tựa đề "101 điều về Giáo Lý" (Dharma 101) là những câu hỏi thường xuất hiện trong quá trình tu học của người Tây Phương. Những câu hỏi (Đức Phật là ai? Đức Phật ở đâu? Niềm tin quan trọng ra sao? Tại sao chúng ta phải cúi chào? Bạn là ai? Nghiệp là gì?) có thể nghe quen thuộc đối với nhiều người nhưng câu trả lời có thể không quen thuộc. Điều này có thể do có sự khác biệt về quan điểm hay về sự hiểu biết giữa các vị Thầy, hoặc sự khác biệt giữa các truyền thống. Ba Thừa chính yếu của Phật Giáo tại Á Châu (Tiểu Thừa, Đại Thừa và Kim Cang Thừa) có sự khác nhau về lý tưởng, pháp tu và cách trình bày. Ví dụ những câu hỏi về sự giác ngộ có thể có câu trả lời của một vị Thầy Đại Thừa ở Đông Á khác với câu trả lời của một đạo sư Kim Cang Thừa của Tây Tạng. Một câu hỏi về ý niệm của Tánh Không Phật Giáo sẽ có hai câu giải đáp khác nhau bởi một vị Sư Nam Tông ở Đông Nam Á và một vị Thầy bên Đại Thừa. Nhưng ở Tây Phương, nơi các tông phái của ba truyền thống này đang phân phát bên cạnh nhau, chúng ta nhận cả ba thừa đều gọi lên những câu hỏi chung và những giáo lý căn bản cũng ứng dụng cho tất cả. Bản dịch này được thực hiện để tưởng nhớ 10 năm sau ngày mất của người bạn đạo, đó là đạo hữu Rick Fields (1942-1999) vốn là một biên tập viên của tạp chí Tricycle (Tam Thừa) và tạp chí Yoga Journal. Dịch giả liên lạc với ông Rick Fields từ năm 1996 đến lúc ông qua đời vào năm 1999 vì bệnh ung thư phổi. Ông Rick Fields đã gửi tặng cho người dịch nhiều tài liệu về Phật Giáo thế giới, trong đó có tập sách mà chính ông là tác giả, đó là quyển "Lịch sử Phật Giáo Mỹ Quốc" (How the Swans came to the Lake, A Narrative History of Buddhism in America) (Shambhala, 1981), bài "Đức Phật là ai?" cũng được trích dịch từ tập sách dày 450 trang này.



Tất Đạt Đa ra đời năm 624 trước Tây Lịch tại một vương quốc nhỏ ngay dưới chân rặng núi Hy Mã Lạp Sơn. Cha của Ngài là vua của bộ tộc Thích Ca (Skakya). Mười hai năm trước khi ra đời, các tu sĩ Ấn Giáo đã tiên tri rằng Ngài sẽ là một vị vua vĩ đại hoặc sẽ trở thành một nhà hiền triết lừng danh của thế giới loài người. Vì không muốn Ngài trở thành tu sĩ, cha của Ngài đã giữ Ngài bên trong cung điện. Thái tử Tất Đạt Đa lớn lên trong sự xa hoa của một bậc vua chúa, không được phép nhìn thấy thế giới bên ngoài, được các vũ nữ giúp vui, và được các tu sĩ Bà La Môn dạy học. Thái tử còn học cưỡi ngựa, bắn cung, đánh kiếm, đánh vật, bơi lội... Khi đến tuổi trưởng thành, Thái tử thành hôn với công chúa Gia Du Đà La và có một con trai. Ngày nay chúng ta có thể nói là Ngài là người có tất cả mọi thứ trên đời, nhưng Ngài cảm thấy mình thiếu một cái gì đó, và chính điều đó đã lôi kéo Ngài ra khỏi những bức tường của cung điện. Ở ngoài đó, trên những đường phố của kinh thành Ca Tỳ La Vệ, Ngài đã trông thấy ba cảnh tượng thông thường nhất đối với mọi người khác: một người bị bệnh, một người già yếu, và một xác chết đang được người ta đưa đi hỏa thiêu. Ngài chưa bao giờ được sửa soạn để chứng kiến những cảnh bi thảm như thế này, cho đến khi người đánh xe nói với Ngài rằng tất cả mọi người đều phải chịu sự già yếu, bệnh tật và chết chóc, Ngài cảm thấy mình không thể nào an tâm sống trong sự xa hoa như trước nữa. Trên đường trở về cung điện, Ngài trông thấy một tu sĩ đang bước đi một cách thong dong trên đường phố, và Ngài đã quyết định rời khỏi cung điện để đi tìm giải pháp cho vấn đề đau khổ của cuộc đời. Trong đêm khuya Ngài lặng lẽ từ giã vợ con mà không đánh thức họ, rồi phi ngựa đến một khu rừng, nơi đó Ngài đã dùng gươm cắt tóc và thay bộ trang phục vua chúa bằng một chiếc áo tu sĩ đơn sơ. Đó là năm Ngài 29 tuổi, (595 BC).



Với hành vi này Thái tử Tất Đạt Đa đã gia nhập vào hàng người từ bỏ xã hội Ấn Độ để tìm giải thoát. Thái tử đã tìm đến học hỏi với nhiều vị thầy khác nhau, từ những vị theo chủ nghĩa duy vật, cho đến những người theo chủ nghĩa lý tưởng và phái nguy biến. Từ rừng núi đến thị thành, đâu đâu cũng sôi nổi với những cuộc tranh luận và triết lý. Sau cùng Thái tử đã theo học hai vị Thầy nổi tiếng, vị thứ nhất là Đạo Sư Alara-Kalama, thuộc phái Samkhya (phái Số luận), đang có ba trăm đệ tử theo tu học. Với vị này, Thái tử đã học và đắc ngũ thần thông, đạt đến bậc thiên Vô Sở Hữu Xứ. Nhưng sau đó dù Đạo Sư Arada Kalama mời Ngài ở lại để dạy đạo như một người đồng đẳng với ông, nhưng Ngài thấy đây không phải là pháp giải thoát tối hậu, nên Ngài đã ra đi. Ngài đến học với vị thầy thứ hai là Đạo Sư Uddaka Ramaputta (Uất-đầu-lam-phất), người đang có 700 đệ tử theo học. Sau vài ngày tu học, Ngài đã chứng được tầng thiên Phi-tưởng phi-phi-tưởng. Nhưng đây không phải là con đường giải thoát sinh tử khổ đau, và Tất Đạt Đa cũng đã quyết định từ giả vị thầy này.

Trong sáu năm, Thái tử Tất Đạt Đa cùng với năm người bạn Kiều Trần Như cùng tu khổ hạnh và thiền định, chỉ ăn một hạt cơm mỗi ngày, lấy tâm trí thi đua với thể xác, và chỉ còn da bọc xương. Khi Ngài quyết định dùng nhiều thực phẩm hơn và không áp dụng pháp tu khổ hạnh nữa, năm người bạn kia đã từ bỏ Ngài. Ngài đến một ngôi làng để khát thực, ở đó một cô gái tên là Sujata mời Ngài dùng một bát cháo sữa với mật ong. Khi sức khỏe phục hồi, Ngài xuống tắm dưới sông Nairanjana (Ni Liên Thiên) rồi ngồi thiền dưới cội Bồ Đề, trên một tấm tọa cụ làm bằng cỏ kusha. Ngài ngồi đó sau khi đã nghe tất cả các vị thầy, học tất cả những kinh sách và thực hành tất cả pháp môn, bây giờ không có gì vướng bận, không

có ai để nương tựa, không có nơi nào để đi nữa. Ngài thiên toạ bất động và cương quyết như một quả núi, cho đến bảy ngày sau, Ngài mở mắt ra, trông thấy sao mai vừa mọc trên bầu trời và Ngài hiểu ra rằng mình đã tìm ra cái chưa bao giờ mất, dù là đối với Ngài hay bất cứ một người nào khác trên thế gian này. Vì vậy không có gì để chứng đắc, không có gì để tìm kiếm nữa.

Ngài nói: *"Điều kỳ diệu nhất là sự giác ngộ này vốn là chân tánh của chúng sanh, nhưng họ lại không an lạc vì thiếu nó"*. Vậy Thái Tử Tất Đạt Đa đã giác ngộ vào năm ba mươi lăm tuổi (589 BC) và trở thành một vị Phật, tức đấng giác ngộ, được tôn vinh là Phật Thích Ca Mâu Ni (Sakyamuni), tức là nhà hiền triết thuộc bộ tộc Thích Ca.

Trong bảy tuần lễ sau đó, Đức Phật thọ hưởng pháp lạc tự tại giải thoát của chính mình. Lúc đầu Ngài không có ý định nói về sự chứng ngộ của mình, vì Ngài thấy đây là điều khó hiểu đối với phần lớn loài người, nhưng khi Phạm Thiên (Brahma), vị vua của ba ngàn thế giới, thỉnh cầu Ngài thuyết pháp, vì cũng có những người: *"mắt chỉ bị mở một chút mà thôi"*. Đức Thế Tôn đã chấp thuận.

Hai vị thầy của Đức Phật, Udaka và Ramaputra đều đã qua đời trước đó mấy ngày, vì vậy Ngài đi tìm năm người bạn đồng tu khổ hạnh mà trước kia đã rời bỏ mình. Khi thấy Ngài đi tới Vườn Nai ở thành Ba La Nại (Benares), họ làm lơ với Ngài, vì Ngài đã không tiếp tục thực hành khổ hạnh với họ. Nhưng rồi họ thấy có một cái gì tỏa sáng trong sự hiện diện của Ngài, họ đứng lên, sửa soạn chỗ ngồi và lấy nước cho Ngài rửa chân, rồi ngồi xuống nghe Ngài thuyết pháp. Đó là bài pháp đầu tiên của Đức Phật. Đức Phật đã nói bài pháp Tứ Diệu Đế cho các vị này.

Trong Tứ Diệu Đế của Đức Phật, chân lý thứ nhất, Khổ đế, nói rằng bản chất của cuộc đời này là đau khổ và không thỏa mãn, ngay cả những lúc hạnh



phúc cũng có mầm móng của khổ đau nếu chúng ta bám giữ vào chúng, hay khi chúng đã đi vào ký ức, chúng vẫn bóp méo hiện tại vì tâm trí của chúng ta cố gắng dựng lại quá khứ một cách tuyệt vọng. Giáo lý của Đức Phật dựa trên sự quan sát trực tiếp đời sống, và là lời phê bình cấp tiến đối với lối suy nghĩ mơ mộng cũng như vô số những lối thoát ly, như chủ nghĩa không tưởng chính trị, môn tâm lý trị liệu, chủ nghĩa hưởng lạc, hay thuyết cứu rỗi hữu thần của thần bí học, đây là điểm chính yếu phân biệt giữa Phật giáo với đa số những tôn giáo khác trên thế giới. Khổ là chân lý thứ nhất và là nền móng để hiểu một cách trọn vẹn chứ không phải để trốn tránh hay để giải thích. Kinh nghiệm về sự khổ, về sự hoạt động của tâm trí, đưa đến chân lý thứ hai là Nguyên Nhân của Khổ (Tập Đế), thường được mô tả là tham muốn lạc thú, nhưng cũng được giải thích một cách căn bản hơn là bám giữ vào sự sống hoặc sự không hiện hữu, tức chấp có và chấp không. Việc nghiên cứu tính chất của sự tham muốn này dẫn đến tâm điểm của chân lý thứ hai, đó là ý tưởng tự ngã hay cái ta, với tất cả những điều mong cầu và những điều lo sợ của nó, và chỉ khi nào hiểu đúng về tự ngã này và thấy nó không có tự tính, không có thật một cách vĩnh cửu), thì mới có thể hiểu chân lý thứ ba, sự diệt khổ (Diệt Đế). Năm tu sĩ nghe bài thuyết pháp đầu tiên của Đức Phật ở Vườn Nai trở thành hạt nhân của cộng đồng các tu sĩ PG, tức là Tăng Đoàn (Sangha), là những người đi theo con đường mà Đức Phật đã trình bày trong chân lý thứ tư, con đường đưa đến sự diệt khổ (Đạo Đế), đó là Bát Chánh Đạo, chân chánh trong tám phương diện: ý kiến, ý nghĩ, lời nói, hành vi, nghề nghiệp, nỗ lực, ý thức và thiện định. Các tu sĩ Phật Giáo, tức Tỳ Kheo (Bikkhu), sống rất đơn giản, chỉ có một bình bát, một cái áo, một cây kim, một cái lọc nước, một con dao cạo đầu, đó là dấu hiệu của sự ly gia cắt ái. Họ đi khắp miền đông bắc Ấn Độ, hành thiền một mình hay trong những nhóm nhỏ và khất thực.

Tuy nhiên giáo lý của Đức Phật không chỉ dành cho đoàn thể các tu sĩ, Ngài đã dạy họ truyền bá giáo lý cho mọi người "*Này các Tỳ kheo, hãy lên đường, đi khắp nơi vì lợi lạc, vì hạnh phúc của số đông, do lòng từ bi đối với đời, vì lợi lạc và hạnh phúc của trời và người*".

Trong bốn mươi lăm năm, Đức Phật đã đi qua những thôn làng và những thành phố của Ấn Độ, nói bằng ngôn ngữ phổ thông, dùng những lối nói giản dị mà ai cũng có thể hiểu. Ngài dạy dân làng thực hành chánh

niệm trong khi kéo nước giếng, và khi một bà mẹ đau khổ ôm xác một đứa con đến xin Ngài cứu cho nó sống lại, Ngài đã không làm một phép lạ mà bảo bà ta mang về cho Ngài một nắm hạt cải của một nhà nào đó không có ai chết trước đó. Sau khi đi tìm, bà ta trở về tay không, nhưng hiểu ra một sự thật rằng cái chết đến với tất cả mọi người.

Khi được nghe nói đến Đức Phật, từ phú gia đến các bậc vua chúa đều phát tâm cúng dường những khu vườn ngự uyển để xây dựng tịnh xá. Đức Phật tiếp nhận những khu vườn này, nhưng Ngài vẫn tiếp tục sống như mình đã từng sống từ năm hai mươi chín tuổi: một tu sĩ khất thực và thiền định dưới gốc cây. Bây giờ chỉ có một điều khác là gần như mỗi ngày sau khi thọ trai vào giữa trưa Ngài thuyết pháp. Không có một bài pháp nào được ghi chép lại trong khi Ngài còn tại thế.

Năm 544 (Trước TL), Đức Phật nhập Niết Bàn tại thành Câu Thi Na (Kusinagar) ở tuổi tám mươi sau khi ăn một bữa ăn có năm. Trong số những người tu tập bên cạnh Đức Phật có những người đau buồn. Đức Phật nằm giữa hai cây Sala, đầu hướng về phương bắc, mình nghiêng về bên phải, bàn tay phải để ngửa lót dưới mặt, tay trái để xuôi trên hông trái, chân trái nằm dài trên chân phải, hơi thở nhẹ nhàng đều đặn. Ngài nhắc với các đệ tử rằng mọi vật đều vô thường và khuyên họ hãy nương tựa vào chính mình và vào giáo pháp. Ngài hỏi có ai muốn hỏi điều gì lần cuối cùng thì hỏi. Sau đó Ngài nói lời di chúc cuối cùng: "*Này các đệ tử, hãy nghe Như Lai nói đây: Vạn pháp vô thường, có sinh thì có diệt. Các thầy hãy tinh tấn lên để đạt tới giải thoát*".

Vào mùa mưa đầu tiên sau khi Đức Phật nhập diệt, năm trăm đệ tử Tỳ Kheo hội họp tại một hang núi gần thành Vương Xá để ôn tụng lại những lời dạy của Ngài. Tại cuộc kiết tập Kinh Điển lần thứ nhất này, Tôn giả A Nan, vốn là thị giả của Đức Phật, được mời nói lại tất cả những bài thuyết pháp của Phật mà mình đã nghe. Tôn giả Ưu Ba Ly ôn tụng lại các giới điều của tu sĩ, còn Ngài Đại Ca Diếp thì nhắc lại Luận Tạng, gồm những điều nói về tâm lý và siêu hình học Phật Giáo. Ba loại sưu tập này được viết trên lá bời vì thể kỷ sau đó và được gọi là "Tripitaka" tức là Tam Tạng Kinh Điển, đã trở thành những giáo lý cốt lõi cho tất cả những giáo điển nhà Phật ngày nay./.



# TỪNG BƯỚC ĐI HẠNH PHÚC

## (*Hoa sen trong bảy bước*)

Thích Phước Mỹ

PHÁP LUẬN

**B**ảy bước hoa sen là hình ảnh sống động nhất khi Đức Phật ra đời. Điều này, sự thật là như vậy hay nói lên một ý nghĩa gì? Từng bước nở hoa sen, tại sao chỉ có bảy bước thôi? Đây là hình ảnh để nói lên từng bước thành tựu trong tiến trình cuộc đời của Ngài. Và cũng là bài học cho nhân loại muốn hướng về con đường tối thượng, giải thoát khổ đau cho chính bản thân và thân quyến.

Ai sinh ra đời cũng cùng một mục tiêu chính là lo cho bản thân và thân quyến. Nhưng mỗi cái lo có khác nhau, có người lo cái ăn cái ở; có người lo về quyền thế địa vị trong xã hội; có người lo về đạo đức cung cách... chỉ mong sao thoát ra khỏi những nỗi khổ khăn trong cuộc sống của một kiếp làm con người với những người thân. Đức Phật cũng như mọi người, mong sao ta và người thân tránh được kiếp nạn sanh lão bệnh tử ngay trong cuộc đời này. Đây là nỗi ưu tư lo lắng khi còn làm thái tử, sau lúc dạo chơi bốn cửa thành. Đây chính là bước ngoặt to lớn nhất trong cuộc đời của Ngài. Để tìm ra đáp số về bước ngoặt ấy, Ngài phải trải qua bảy bước thăng trầm, được gọi là bảy bước nở hoa sen. Vậy chúng ta hãy thử tìm hiểu bảy thứ hoa sen ấy là gì?

Bảy bước hoa sen là gì? Tại sao phải là con số bảy. Con số bảy là con số mà xã hội Ấn Độ thời bấy giờ cho rằng con số may mắn nhất và tốt nhất, là con số của thần linh. Chẳng lẽ, Ngài cũng tin vào sự may mắn sao? Ngài cũng còn có phân biệt tốt xấu mà lựa chọn cho mình hả? Ngài cũng liều nhắm mắt giao phó cuộc đời cho thần linh định đoạt số phận của mình trong từng bước đi hay sao? Chắc hẳn là không, Ngài luôn tin tưởng rằng, mình chính là chỗ dựa tốt nhất. Cho nên, trong Kinh Di Giáo Đức Phật có dạy: *"Này Anan, hãy tự mình thập đức lên mà đi, thập lên với chánh pháp, đừng thập lên với một pháp nào khác. Hãy tự mình nương tựa chính mình, nương tựa với chánh pháp, đừng nương tựa một pháp nào khác."*

Và trong Kinh Pháp Cú cũng nhấn mạnh việc ấy:

*"Hãy tự làm hòn đảo,  
Tinh cần gấp sáng suốt.  
Trừ cấu uế, thanh tịnh,  
Chẳng trở lại sanh già."*

Tuy rằng Ngài không tin vào những thuyết vu vơ ấy, nhưng Ngài cũng tùy thuận chúng sanh để diễn đạt chánh pháp. Có thể Ngài tuyên bố rằng: Ngài chỉ cần đi bảy bước thôi cũng đủ để tìm ra được chánh pháp hay là con đường ra khỏi bến sanh tử luân hồi, chấm dứt mọi khổ đau. Trong mỗi bước đi của Ngài cũng đều mang đến hạnh phúc cho Ngài và những người chung quanh. Hạnh phúc ấy chính là đóa sen tươi thắm nở đón chân Ngài. Ngài đi là sen nở, cho nên có nhiều chỗ cho rằng bước đi của Ngài không dính bụi trần, tâm của Ngài thường hằng thanh tịnh... Đến bước thứ bảy Ngài mới trụ lại tuyên bố "Duy Ngã Độc Tôn" nghĩa "Ta là tối tôn, là tối thắng." Sau bước thứ bảy lúc ấy Ngài đã thành Phật, là người duy nhất trên cõi đời này ra khỏi bến sanh tử, chứng quả cao nhất là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Còn sáu bước trước chưa phải là Độc Tôn. Huống gì lúc mới chào đời lại càng không phải. Đó chỉ là dấu hiệu của lộ trình Ngài sẽ đi và hướng về. Đến lúc Ngài đã Thành đạo dưới cội Bồ Đề rồi, chúng ta mới nhìn thấy được lộ trình đúng như vậy.

Bây giờ, chúng ta hãy quay ngược lại tìm hiểu những điểm then chốt của lộ trình từng bước nở hoa sen ấy là gì?

TỪNG BƯỚC NỞ HOA SEN chính là bảy bước được trọn vẹn hạnh phúc, cũng là bảy thứ hạnh phúc sung mãn mà Ngài đã được thụ hưởng một cách trọn vẹn. Trong cuộc đời này không một chúng sanh nào mà không muốn tìm cho mình có được hạnh phúc. Mỗi khi mở mắt thức dậy là chạy đi tìm cái gọi là hạnh phúc. Thái tử Sĩ Đạt Ta cũng không ngoại lệ, Ngài đã có được bảy thứ đỉnh điểm của hạnh phúc được gọi là "bảy đóa sen vàng nâng gót ngọc". Rồi Ngài từng bước trải

nghiêm, không chịu dừng lại bất cứ hạnh phúc nào mà chưa tìm ra đáp số hay lối ra khỏi bến sanh tử, để đi đến Niết Bàn. Niết Bàn là hạnh phúc cuối cùng, Ngài mới dừng lại. Đây được gọi là cuộc đi tìm hạnh phúc.

**ĐÓA HOA SEN THỨ NHẤT**, là hạnh phúc đầu tiên khi mới chào đời, gọi là hạnh phúc tình phụ mẫu. Ngài đã có cha là phụ hoàng, gọi là Đức Vua Suddhodana (Tịnh Phạn) thuộc quý tộc Sakya (Thích Ca), vua của một nước. Có mẹ là mẫu hậu, gọi là Hoàng Hậu Maha Maya (Ma Da). Và có thêm dì mẫu Maha Pajapati Gotami (Ma Ha Ba Xà Ba Đề) dưỡng nuôi Ngài. Cả ba vị đều có đầy đủ đức độ nhân từ, thương yêu và lo lắng cho Ngài, là mái ấm, là tầng cây che chở cho Ngài. Nhất là Đức vua rất lo lắng và mong sau này Ngài sẽ thừa kế vương vị, nên tình thương và sự chăm sóc rất đặc biệt dành cho Ngài. Mời những bậc thầy ưu tú trong nước về hoàng cung dạy cho thái tử, mong sao con mình sau này thành bậc tài đức giúp cho vương triều và đất nước cường thịnh. Còn mời tiên nơn về xem tướng thái tử, muốn biết hậu vận của con mình ra sao... Còn dì mẫu, thương yêu thái tử như con đẻ, ngày ngày thường chăm non và nhắc nhở chừa hẳn từng việc nhỏ. Ngài được lớn lên trong vòng tay ấm áp của phụ vương và dì mẫu. Đây là nguồn hạnh phúc mà Ngài có được là do phước báo tiền kiếp. Kinh Bản Sinh (Jataka) ghi về nhân duyên làm dưỡng mẫu Phật của bà như sau: *"Cách đây 100.000 đại kiếp Trái Đất, đã có Phật Padumuttara truyền đạo trên thế gian. Có một công chúa đã cúng dường Phật với lòng chí thành, một hôm khi đang nghe Phật Liên Hoa thuyết pháp, công chúa nhận thấy có một Tỷ kheo ni thật đáng tôn quý, đứng đầu hội chúng Tỷ kheo ni, và là người nữ đệ tử đạt giác ngộ sớm nhất. Bà liền lập nguyện rằng, trong tương lai, do công đức tu tập, bà sẽ được như vị Tỷ kheo ni ấy. Lời nguyện của bà đã được Đức Phật Padumuttara ấn chứng là sẽ thành tựu trong thời kỳ của Đức Phật Shakya (Thích-ca). Công chúa đó chính là tiền kiếp của bà Gotamī".* (Bách khoa toàn thư mở Wikipedia). Đây được gọi là hạnh phúc phụ mẫu hay còn gọi là HOA SEN SANH DƯỠNG nâng bước chân đầu tiên của Ngài. Ngài không chịu dừng lại nơi đây mà đi tiếp bước thứ hai.

**ĐÓA HOA SEN THỨ HAI** là hạnh phúc trên cương vị Thái Tử. Cương vị này Ngài không phải khổ công đấu tranh như bao Thái tử khác của các nước khác. Khi sanh ra vua cha đã đặc tên là Siddhattha (Sĩ Đạt Đa) nghĩa là người được toại nguyện. Toại nguyện ở đây là toại nguyện theo ý của cha, mong con lớn lên tiếp nhận vương vị

hầu đem lại cho thần dân trong nước được an cư lạc nghiệp. Ngài có người em trai cùng cha khác mẹ tên là Nanda, người em cũng không có ý tranh quyền đoạt lợi và ngược lại rất quý kính thái tử (về sau, Nanda cũng xuất gia, làm đệ tử của Phật). Tuy Ngài được đặt lên ngôi vị thái tử, nhưng chưa hề tha thiết hay nghĩ ngợi về ngôi vị này. Bởi lẽ, lúc lên 6 tuổi Ngài được vua cha dẫn đi dự lễ hạ điền, đương lúc mọi người vui vẻ sẽ có vụ mùa mới, từ việc tăng gia sản xuất và người cày có ruộng của ngày hôm nay; còn thái tử tuy nhỏ tuổi đã có cái nhìn khác thường là thương cảm cho chúng sanh: con người phải vất vả lao lực mới có cái ăn để mà vui vẻ, trong khi những con trùng bị phơi mình tìm chỗ trốn núp để thoát thân, loài chim tranh giành nhau từng miếng mồi... thật là bao cảnh tượng hãi hùng diễn bày ra trước mắt thái tử. Nên Ngài lánh đi nơi khác tìm chỗ thanh vắng và có bóng râm tọa thiền dưới gốc cây mà khởi từ bị tầm cùng an trú trong cảnh sơ thiền ngay lúc ấy. Với cái nhìn thấu vào cuộc đời như vậy và cộng thêm sự chứng đắc quả sơ thiền, thì ngôi vị thái tử có nghĩa là gì. Nhưng đối với người đời ngôi vị thái tử chính là sự nghiệp cao nhất trong cuộc đời của họ nếu như có được. Đây là nguồn hạnh phúc mà Ngài có được là do tình thương cha mẹ đặt để và phước báo hành Bồ tát đạo của Bồ tát Hộ Minh. Cho nên thái tử tuổi còn trẻ đã có được sự hạnh phúc về sự nghiệp. (ngôi vị Thái tử) còn gọi là HOA SEN QUYỀN VỊ nâng bước chân thứ hai của Ngài. Ngài không chịu dừng lại nơi đây mà đi tiếp bước thứ ba.

**ĐÓA HOA SEN THỨ BA** là hạnh phúc hưởng thụ về phước báo vật chất rất sung mãn. Khi Ngài chào đời đã có xiêm y do chư thiên cúng dường. Kinh Phật Bản Hạnh: "Bồ-tát khi từ thai Thánh mẫu xuất sinh, khi ấy trời Đế Thích là người đầu tiên dùng chiếc Thiên y Kiêu-thi-ca mềm mại, bao phủ hai bàn tay để nâng đỡ thân Bồ-tát sơ sinh." Trong vườn lâm Tỷ Ni muôn hoa đua nở khoe sắc tỏa hương đón mừng, thế giới của muôn vật cũng đều muốn đến với Ngài. Rồi Ngài được lớn lên trong hoàng cung, nhưng gấm lụa là, phi tần mỹ nữ, kẻ hầu người hạ. Thức ăn phong phú hương vị hảo hạng của hoàng cung, chén ngọc đĩa ngà. Chỗ ở, phụ vương cho xây ba tòa nhà dành cho thái tử ở: tòa nhà cho mùa nóng, tòa nhà cho mùa lạnh, tòa nhà cho mùa mưa. Không muốn cho thái tử đi ra bên ngoài thành, nên phụ hoàng cho xây hồ sen để thái tử có chỗ dạo chơi giải trí. Trong kinh Tăng Nhất A Hàm (Anguttara Nikāya, phần 1, trg 145) có ghi lời Ngài kể cho đệ tử nghe như sau: "Đời sống của ta thật là tế nhị, vô cùng tinh vi. Trong hoàng cung, chỗ ta ở, phụ hoàng có đào ao, xây

những đầm sen. Khi sen xanh đua nhau khoe màu ở đây thì sen đỏ vươn mình phô sắc phía bên kia, và trong đầm bên cạnh, sen trắng đua nhau tranh đẹp dưới ánh nắng ban mai. Trầm hương của ta dùng đều là loại thượng hảo hạng từ xứ Kasi đưa về. Khăn và áo của ta cũng may toàn bằng hàng lụa bạc nhất từ xứ Kasi chở đến. Ngày cũng như đêm, mỗi khi ta bước chân ra khỏi cung điện là có tầng lọng che sương đỡ nắng.” Phước báo vật chất mà Ngài được hưởng thụ là do tình thương của phụ hoàng và dĩ mẫu muốn giữ chân thái tử không muốn Ngài xuất gia. Đồng thời, phước báo này cũng nhờ Ngài trong tiền kiếp tu tập mà có được. Hưởng thụ vật chất đầy đủ cũng được xem là hạnh phúc hưởng thụ (tài sản) hay gọi là HOA SEN TÀI LỘC. Ngài không chịu dừng lại nơi đây mà đi tiếp bước thứ tư.



**ĐÓA HOA SEN THỨ TƯ.** Vợ, con là hạnh phúc mái ấm gia đình. Cha mẹ giữ chân con không bằng vợ giữ chồng, sợi dây cột chắc nhất là sợi dây tình ái, tuy lỏng mà chặt, tuy mềm nhưng khó đứt. Do ý này, phụ hoàng cho triệu tập các cung phi mỹ nữ từ các nơi quy tụ về hoàng cung để thái tử tự chọn. Theo ý cha, Ngài đã tự chọn nàng công chúa Da Du Đà La và nàng cũng rất thích thái tử khi còn nhỏ lần đầu gặp nhau, bây giờ được thái tử chọn lại càng vui sướng vô cùng. Nhưng cha của nàng là vua Thiên Giác lại yêu cầu phải qua cuộc tuyển chọn tài năng. Thái tử bằng lòng cùng nhiều chàng trai thi thố: đấu võ, bắn cung và phi ngựa... Cuối cùng Ngài đã chiến thắng và cưới Da Du làm vợ. Cặp vợ chồng thái tử, đứng như câu “trai tài gái sắc”. Da Du Đà La là nàng công chúa dịu dàng thực nữ, thương yêu và luôn ủng hộ chồng trên mọi phương diện. Khi Ngài có vợ, phụ hoàng bớt cột chân Ngài, nên mới có chiến đi du ngoạn bốn cửa thành và nhìn thấy cảnh tượng khổ đau của cuộc đời là: người già, kẻ bệnh, tử thi và vị tu hành. Ngài hỏi ra mới biết được không một ai thoát khỏi bốn tướng: “sanh lão bệnh tử”. Như vậy bốn thứ hạnh phúc ta có được cũng chỉ là không thực, để rồi sẽ bị bốn tướng sanh lão bệnh tử nuốt chửng. Nổi ưu tư ấy, Ngài quyết định xin phép phụ hoàng được đi xuất gia, nhằm đi tìm hạnh phúc cao hơn. Phụ hoàng không đồng ý vì vương vị không có người thừa kế. Ngài quyết định có con. Con Ngài vừa ra đời, niềm hạnh phúc của một gia đình trẻ đang

nồng ấm tràn đầy sức sống. Với người thường, sự hạnh phúc trào dâng khi được làm cha và sự hạnh phúc nồng thắm với người vợ hiền đầy thương yêu đã sanh cho mình một đứa con dễ thương dễ mến. Hai thứ hạnh phúc ấy quyện chặt vào con tim của người làm cha, làm chồng tạo nên một sức ấm áp mãnh liệt vô song. Thế nhưng, với Ngài lại khác, sự hạnh phúc đứa con vừa chào Ngài xin trao lại cho phụ hoàng để có người thừa kế vương vị, còn Ngài âm thầm nhẹ nhàng ra đi trong đêm khuya với Sa Nặc và con ngựa Kiền Trắc, tiếp tục đi tìm thứ hạnh phúc nào giải đáp được đáp số của bài toán cho cuộc sống nhân loại và chúng sanh. Như vậy hạnh phúc vợ con này là do Ngài thi thố tài năng và nhân duyên tiền kiếp. Theo

trong Kinh Bản Sinh, “cách đây 4 A tăng kỳ và 100.000 kiếp Trái Đất, tiền thân của Tất-đạt-đa là tu sĩ Sumedha (Thiện Huệ). Khi đó có đức Phật tại thế là Dīpankara (Phật Nhiên Đăng). Sumedha nhìn thấy Phật Dīpankara tận mắt, liền phát nguyện sẽ cố gắng tu học cho đến khi được hoàn toàn giác ngộ như Phật. Sau đó, Sumedha còn năm sát đất, lấy thân mình để giúp Phật bước qua vũng lầy. Sumedha xin được 5 bông hoa sen của 1 cô gái tên là Sumita, chàng chí thành tung năm bông hoa sen của mình lên không trung để cúng dường Phật. Sumita cũng trao cho chàng 2 bông hoa sen nhờ dâng cúng dùm, với tâm nguyện rằng đời đời kiếp kiếp luân hồi về sau sẽ luôn là vợ của Sumedha, trợ giúp chàng trong muôn kiếp luân hồi cho tới khi chàng thành Phật. Đức Phật Dīpankara quán xét tương lai rồi hoan hỉ thọ ký rằng 2 người sẽ đạt tâm nguyện: sau 4 A tăng kỳ và 100.000 đại kiếp Trái Đất nữa, Sumedha sẽ thành Phật hiệu là Sākyamuni (Thích-ca Mâu-ni) trong đời Hiền kiếp (Bhadra kalpa), còn cô gái Sumita sẽ thường xuyên là vợ của chàng trong các kiếp luân hồi, cho tới khi chàng thành Phật. Tu sĩ Sumedha thời xa xưa đó chính là tiền kiếp của thái tử Tất Đạt Đa (Siddhartha), còn cô gái Sumita chính là tiền kiếp của công chúa Da Du Đà La (Yaśodharā)” (Bách khoa toàn thư mở Wikipedia). Chính nhân duyên tiền kiếp này, công chúa luôn ủng hộ thái tử ra đi và bước đi bước thứ năm. Tình vợ con và Thái tử Tất Đạt Đa là một gia đình tràn đầy sức sống và hạnh phúc, được gọi là HOA SEN GIA ĐÌNH. Ngài cũng không chịu dừng lại nơi đây mà đi tiếp bước thứ năm.

Đây là một bước ngoặt lớn trong cuộc đời của Ngài: được gọi là "xuất gia" hay nói chính xác hơn là "XUẤT THỂ TỤC GIA." Là cách buông bỏ vĩ đại của một người đã thành tựu hạnh phúc gia đình hoàn mỹ, bao gồm bốn bước đầu tiên là: cha mẹ, tài sản, sự nghiệp và vợ con. Hầu hết chúng sanh nói chung, con người nói riêng đều bị bốn sợi dây này cột chặt và làm mê mờ. Tuy rằng sự hạnh phúc của họ rất mong manh và chao đảo, họ vẫn cứ bám chặt không dám buông tay. Hạnh phúc như vậy họ đã cảm thấy mãn nguyện lắm rồi. Nhưng họ không thấy được cái hạnh phúc tối thượng bất sanh bất diệt. Và họ cũng không tỉnh thức khi nhìn thấy bốn tướng sanh lão bệnh tử mà không biết được sự khổ đau này đều bắt nguồn từ sự hạnh phúc mà họ đang có và đang hưởng thụ. Thái tử cũng đang trên đường đi tìm hạnh phúc và tỉnh thức nhận thấy rằng bốn bước hạnh phúc đầu tiên, dẫn đến kết quả của nó chính là bốn tướng sanh lão bệnh tử. Cho nên Ngài đã buông bỏ một cách dễ dàng mà không bị bốn bức tường của mê cung ràng buộc. Lúc ấy, Ngài còn đặt vấn đề với phụ vương rằng:

"Làm sao cho con trẻ mãi không già.  
Làm sao cho con khỏe mãi không bệnh  
Làm sao cho con sống hoài không chết  
Làm sao cho mọi người hết khổ đau".

Phụ vương của Ngài, được xem là người ban tặng cho Ngài bốn bước hạnh phúc đầu tiên, thế nhưng phụ vương khi nghe Ngài hỏi cũng đành im lặng không giải đáp được. Do vậy, Ngài mới biết được hạnh phúc gia đình dù có đạt đến đỉnh cao bao nhiêu cũng không giải quyết vấn đề ấy cho chính mình, cho người thân và cho chúng sanh. Nên Ngài quyết định buông bỏ hạnh phúc tầm thường ấy (xuất gia) để tìm hạnh phúc cao thượng hơn. Buông bỏ hạnh phúc người đời và đi tìm hạnh phúc người tu.

ĐÓA HOA SEN THỨ NĂM, là tầm sư học đạo. Đây là hạnh phúc bước đầu tiên của người mới xuất gia vào đạo. Bỏ tình đời đi tìm tình đạo, cầu thầy học đạo, kết cùng các huynh đệ đi dắt và nương tựa lẫn nhau, làm chỗ dựa vững chắc trong bước đầu, về tinh thần có thầy, lẫn thể xác có bạn đồng tu. Do ý nghĩa này thái tử đầu tiên cũng cầu A La La (Alarama Kalama) làm thầy và có nhiều bạn đồng tu. Vị của trần đây hạnh phúc trong tình đạo và vị của thầy trò cùng nhau tu tập. Cũng giống như được xem mới vừa sanh ra đời cần phải có cha mẹ và anh chị em dìu dắt trong bước chập chững ban đầu. Trong bước chập chững này Tất Đạt Đa không bao lâu đã thuần thục từ sự dẫn dắt của sư phụ và Ngài đạt được sự chứng đắc cảnh giới Vô Sở Hữu Xứ Thiên ngang bằng cùng với sư phụ. Cuối

cùng, sư phụ cũng xác nhận rằng: "Hỡi này Đạo Hữu, tôi rất lấy làm hoan hỷ. Thật vậy, tôi thật vô cùng hoan hỷ được gặp một người đồng tu đáng kính như Đạo Hữu. Giáo lý mà tôi đã chứng ngộ bằng tuệ giác và đã tuyên bố thành đạt. Đạo Hữu cũng chứng ngộ bằng tuệ giác và ẩn náu trong sự thành đạt ấy. Giáo lý mà Đạo Hữu chứng ngộ bằng tuệ giác và ẩn náu trong sự thành đạt ấy, chính tôi cũng đã chứng ngộ bằng tuệ giác và đã tuyên bố thành đạt. Như vậy, giáo lý mà tôi đã biết, Đạo Hữu cũng biết. Và giáo lý mà Đạo Hữu biết, tôi cũng đã biết. Tôi như thế nào thì Đạo Hữu cũng như thế ấy. Vậy, hãy đến đây, Đạo Hữu, chúng ta hãy cùng nhau hợp sức dẫn dắt nhóm đạo sĩ này." (Đức Phật và Phật Pháp). Lúc này Ngài đã có thêm sự hạnh phúc chứng đắc cảnh giới Vô Sở Hữu Xứ Thiên, đồng thời được vị thầy mời ở lại để cùng dẫn dắt đồ chúng. Thành quả của sự hạnh phúc này không giải quyết được vấn đề sanh tử, nên Ngài xin phép thầy để tìm cầu vị cao hơn và được vị thầy của mình giới thiệu đến vị thầy thứ hai.

Khi đến nương tựa vị thầy thứ hai, là Uất Đầu Lam Phất (Uddaka Ramaputta). Không bao lâu, vị đệ tử thông minh xuất chúng Tất Đạt Đa đã thấu triệt giáo lý của thầy và chứng đắc cảnh giới Phi Tướng Phi Tướng, là cảnh giới hoàn toàn không còn tướng và phi tướng, đạt được sự siêu tuyệt của Vô Sắc. Chứng đắc ngang bằng với vị thầy và cũng được thầy tuyên bố rằng: "Hỡi này Đạo Hữu, tôi lấy làm hoan hỷ. Thật vậy, tôi vô cùng hoan hỷ được gặp một người bạn đồng tu tài đức đáng tôn kính như Đạo Hữu. Giáo lý mà Rama đã hiểu biết, Đạo Hữu cũng hiểu. Giáo lý mà Đạo Hữu hiểu, Rama cũng đã hiểu biết. Rama đã như thế nào thì hôm nay Đạo Hữu cũng như thế ấy. Ngày nay Đạo Hữu như thế nào thì Rama đã như thế ấy. Vậy, hỡi này Đạo Hữu, hãy ở lại đây, Đạo Hữu sẽ dẫn dắt nhóm đạo sĩ này". (Đức Phật và Phật Pháp). Sự hạnh phúc thành đạt kết quả này cao hơn lần trước, ở nơi vị thầy thứ hai. Nhưng Ngài xét thấy cũng không giải quyết được vấn đề sanh tử. Ngài hỏi ra không còn vị thầy nào cao hơn nữa. Đây là đỉnh cao trong cuộc tầm sư học đạo. Như vậy tình đời, tình đạo đã trải qua cũng chưa tìm ra đáp số. Bây giờ Ngài thử tìm nơi tình thiên nhiên, nương tựa vào núi rừng cỏ cây. Nên Ngài xin phép thầy ra đi, để tìm hạnh phúc kế tiếp. Như vậy, sự hạnh phúc thứ năm Ngài đã thành đạt được sung mãn là do tinh tấn cần cầu tu học theo lời chỉ dạy của hai bậc thầy. Như vậy sự hạnh phúc của tình thầy trò, được gọi là HOA SEN ĐẠO VỊ.

ĐÓA HOA SEN THỨ SÁU, đây là phương pháp lấy độc trị độc. Khổ hạnh cũng là thứ

hạnh phúc mà Ngài muốn chọn để trải nghiệm qua, tận cùng của khổ hạnh là gì! Cũng như trái khổ qua, da sần sì, vị lại đắng nhưng có tác dụng trị bệnh và giải nhiệt rất tốt hay sao. Lần này, không có thầy hướng dẫn, chỉ có 5 người bạn đồng tu cùng đi theo lối sống khổ hạnh như Ngài, nhưng lối sống khổ hạnh của họ không đi sâu vào ép xác như Ngài; còn Ngài lại quá quyết tâm mong tìm ra chân trời hạnh phúc càng sớm càng tốt. Thân của Ngài sống nương tựa với núi rừng, không ăn, không uống và dần dần không thở mà vẫn duy trì được cuộc sống trong thời gian khá dài, cho đến lúc thể xác của Ngài không còn khả năng chịu đựng được nữa. Tuy quyết tâm còn đó, nhưng thể xác đã cạn kiệt, nên Ngài không còn ngồi được và ngã quy xuống đất. Sau đó, cô bé chặn cừu Tu Xà Đa (Sujata) cầm bát sữa rót vào miệng Ngài, giọt sữa thấm vào cơ thể Ngài làm chuyển động khắp cơ thể khô gầy, như cây khô héo được tưới nước vào dần dần tươi tỉnh lại. Ngài mở mắt ra, như tỉnh ngộ điều gì. Ngay lúc đó cô bé vô tư nói rằng:

“Khi Ngài mới đến đây rất tươi tốt, sao bây giờ lại như thế này?”

Ngài đáp: — Vì ta muốn tìm đường giải thoát.

— Ôi Thần Linh ơi! Muốn giải thoát mà không ăn uống nữa sao! Thân thể như thế này, còn nói gì đến giải thoát, Ngài đói sắp chết rồi đây mà.”

Ngay lúc này, Ngài hồi tưởng lại khi còn thơ ấu, vào một buổi lễ Hạ Điền kia, Ngài đã tham thiền, nhập định và đắc Sơ Thiền.

Quả đúng, câu nói vô tư của cô bé ấy, như lời vị thầy truyền đạt và khai ngộ cho Ngài; như lời thức tỉnh trong lúc giao thoa giữa sáng và tối, giữa đói và ăn. Làm cho Ngài nhận ra được rằng, những thứ hạnh phúc mà Ngài đã trải qua chỉ là hạnh phúc đối với khổ đau, như sáng đối với tối không thể tách rời ra được, làm gì có giải thoát được ư! Như vậy, cần phải tìm ra thứ hạnh phúc ngoài sáng và tối, hay nằm ở giữa hạnh phúc với khổ đau. Đó mới là hạnh phúc thật sự và giải thoát sanh tử luân hồi vậy.

Hạnh phúc thứ sáu là vị đắng, Ngài đã đạt đến đỉnh cao của con đường hạnh phúc này là do sự quyết tâm mong cầu giải thoát và hạ thủ công phu của Ngài mà có, nhưng kết quả cũng không thành tựu, và được gọi là HOA SEN CHẾ NGŨ.

Cô bé đánh thức Ngài là cô bé bình thường thật sự hay là bậc thánh nhân nào thị hiện khai ngộ cho Ngài. Lần này, Ngài phải xuất gia một lần nữa, là “XUẤT PHIÊN NÀO GIA”. Một lần nữa Ngài phải buông bỏ lối sống khổ hạnh, để bước đến bước thứ bảy, như lời cô bé đã đánh thức. Sau này Ngài có nói với cô bé rằng: “Con chính là vị thầy cuối

cùng của ta.”

ĐÓA HOA SEN THỨ BẢY, Ngài thọ thực trở lại, lần này có đủ sức khỏe và minh mẫn nên chọn con đường trung đạo hướng đến mục tiêu giải thoát. Năm người bạn đồng tu, nhìn thấy Ngài thọ thực, nên bỏ đi nơi khác tu. Rồi Ngài xuống dòng sông Ni Liên Thiên tắm gội sạch sẽ như thể buông tất cả những thứ hạnh phúc trước đây mà Ngài đã đi qua. Việc phải trái, đúng sai sẽ không còn đeo bám nữa, dọn cho sạch tất cả giúp tâm hoàn toàn thanh tịnh. Sự thanh tịnh và tĩnh lặng của tâm chính là chất liệu hạnh phúc trên con đường trung đạo và Ngài tin tưởng con đường này sẽ dẫn Ngài đi vào chân trời mới của hạnh phúc vĩ đại. Trong lúc tắm, Ngài có thả bình bát xuống dòng sông và nói rằng: “Nếu ta chọn con đường này đúng và giúp ta sớm thành chánh giác, thì bình bát sẽ trôi ngược dòng sông.” Quả đúng như lời Ngài đã nói bình bát trôi ngược dòng sông. Rồi Ngài rời khỏi dòng sông, đi tìm chỗ ngồi thích hợp về hướng mặt trời mọc, thì Ngài gặp cậu bé tên Sa Tì Ca (Svastika) là chăn bò, đang ôm bó cỏ kusa định cho bò ăn, em gặp Ngài và lại muốn trải chỗ cho Ngài ngồi tu thiền định. Ngài hoan hỷ đón nhận. Thịnh thoảng em lại cúng dường cộ mới làm tọa cụ cho Ngài ngồi, còn cô bé mỗi ngày nguyện đem cơm cúng dường Ngài. Như vậy Ngài quyết tâm hạ thủ công phu để khỏi phụ lòng các em quý kính Ngài, nên Ngài thốt ra lời trước tọa cụ và cội Bồ Đề rằng: “Ta không sợ lửa dữ thiêu đốt, ta không sợ sức cùng lực kiệt, ta cũng không sợ thịt nát xương tan. Nếu trong 49 ngày nữa mà ta không thành chánh giác thì dù thân thành tro bụi ta thề không rời khỏi gốc cây và chỗ ngồi này.”

Bây giờ Ngài bắt đầu đi vào cuộc chiến với quyết tâm chiến thắng, lần này thân thể của Ngài có đủ năng lực và minh mẫn đều nhờ vào sự thọ thực. Đối thủ của cuộc chiến là chiến thắng chính mình, tiêu diệt ác ma đã và đang chiếm nơi căn cứ địa trong tâm mình. Trong Kinh Pháp Cú, Đức Phật dạy:

*“103. Dầu tại bãi chiến trường  
Thắng ngàn ngàn quân địch,  
Tự thắng mình tốt hơn,  
Thật chiến thắng tối thượng.”*

Phương pháp chiến đấu mà Đức Phật đã vẽ trong Kinh Nhứt Dạ Hiền Gia như sau:

*“Quá khứ không truy tìm  
Tương lai không ước vọng.  
Quá khứ đã đoạn tận,  
Tương lai chưa đến,  
Chỉ có pháp hiện tại  
Tuệ quán chính ở đây.”*

Với phương pháp tuệ quán làm cho mọi thứ đều lắng đọng xuống, trở lại trạng thái nguyên thủy của nước trong suốt và thanh

khiết. Ngày cuối cùng, vào đêm canh đầu Ngài vận dụng tuệ quán đạt được tuệ tri và chứng đắc Túc Mạng Minh, hồi nhớ về tiền kiếp. Đến canh giữa, Ngài đạt được tuệ nhân và chứng đắc Thiên Nhân Minh, thấy chúng sanh chết từ kiếp này tái sanh vào một kiếp sống khác. Rồi vào canh cuối, Ngài đạt được tuệ giác và chứng đắc Lộ Tận Minh, tâm Ngài giải thoát ra khỏi dục lậu (ô nhiễm của dục vọng), hữu lậu (ô nhiễm của sự duyên ái đời sống) và vô minh lậu (ô nhiễm của vô minh). Cuối cùng Ngài cũng phải xuất gia lần sau chót là XUẤT TAM GIỚI GIA.

Mặt trời vừa ló dạng, Ngài tuyên bố: 'Sự sanh của ta đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Như vậy chân trời hạnh phúc thật sự chính là DUY NGÃ ĐỘC TÔN (Phật tánh) đã mở và quả Niết Bàn đã hiển lộ.

Tóm lại, bảy đóa hoa sen chính là bảy thứ hạnh phúc đầy sung mãn mà Ngài có được trong kiếp sống này, đang cột trời và siết chặt lấy Ngài. Ngài có đủ nghị lực phi thường sáu lần "buông bỏ" và ba lần "xuất gia". Cuối cùng Ngài mới có được hạnh phúc Niết Bàn và giải được bài toán sanh tử luân hồi.

Chúng ta có quá nhiều hạnh phúc đang hiện hữu chung quanh ta vì vô minh tham lam mà không thấy, nên cứ mãi tìm thêm, càng bị cột trời và cột trời thêm nhiều, không chịu buông bỏ. Chúng ta như em bé trong tay cầm chặt cây kẹo, ai xin cũng không chịu cho. Chúng ta hãy học hạnh của Đức Phật, qua sáu lần buông bỏ và ba lần xuất gia mới đạt được chân trời hạnh phúc.

Xin mượn lời sau đây để kết thúc bài này: Thiền sư Ajahn Chah từng chia sẻ hạnh buông bỏ trong một bài giảng rằng: "Người nào buông bỏ ít, bình an ít, buông bỏ nhiều, bình an nhiều, buông bỏ hoàn toàn, bình an hoàn toàn."

Kính chúc quý vị vô lượng an lành và hạnh phúc trong pháp buông bỏ mầu nhiệm.

**Thích Phước Mỹ**

## NGHĨ DƯỚI VÒI SEN

*Một vò sen nhỏ tây trần  
Tinh cha huyết mẹ nên thân con người  
Xinh tươi ánh mắt nụ cười  
Trắng da dài tóc một thời ảm êm  
Từ trong gia giáo lớn lên  
Mẹ khuyên tri túc, cha rèn thiện tâm  
Hiểu được mắt, biết thặng trầm  
Giữ câu chánh nghiệp lặng thâm mưu sinh  
Chẳng tham danh lợi hư vinh  
Chẳng mê ảo tưởng phiêu linh những tuồng  
Một mai đi cuối con đường  
Chỉ mong tay trắng không vương nợ nần  
An lành tâm gọi hồng ân  
Tái sinh kiếp nữa được gần Đài Sen.*

*thơ* TÔN NỮ THANH YÊN

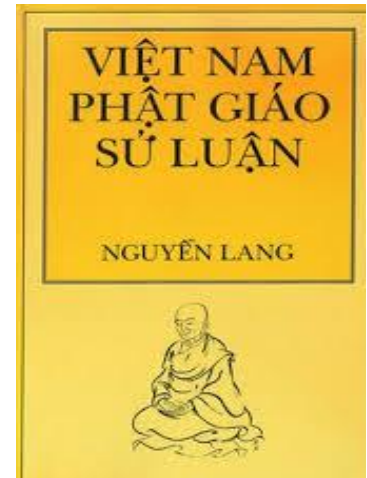




# CON ĐƯỜNG THỐNG NHẤT

(Chương XXXV,  
VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP III)

Nguyễn Lang



LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

(tiếp theo)

## XÂY DỰNG MỘT NỀN PHẬT GIÁO DÂN TỘC

Đứng về phương diện vận động thống nhất, có thể là tạp chí *Phật Giáo Việt Nam* không đạt được những thành quả mong ước, nhưng đứng về phương diện gây ý thức về một nền Phật giáo dân tộc để làm cơ sở cho hòa bình thì tạp chí này đã đi được nhiều bước lớn. Ngay từ số đầu, *Phật Giáo Việt Nam* đã nhấn mạnh đến vai trò xây dựng một nền văn hóa quốc gia độc lập của Phật giáo Việt Nam trong quá khứ, và kêu gọi Phật tử “sát cánh bên nhau bồi đắp cho nền Phật giáo dân tộc để có thể đưa nước nhà tới an lạc thái bình” (9).

Cũng ngay từ số đầu, *Phật Giáo Việt Nam* đã vạch rõ con đường độc lập của Phật giáo, con đường gọi là “nhân bản đích thực”, một con đường không nhấn mạnh tới sự *giác ngộ quyền lợi* và nhấn mạnh đến sự *giác ngộ bản tính*, một con đường trong đó con người tin vào năng lực của chính mình mà không dựa vào những thế lực ngoài con người. Đó là con đường Trung đạo, không đi lệch về con đường duy vật vô thần của khối Cộng sản mà cũng không đi lệch qua con đường duy linh hữu thần của khối Tư bản (10). Hướng đi của văn hóa mới, theo *Phật Giáo Việt Nam*, là sự tranh đấu của con người không phải với thiên nhiên và với đồng loại, mà là với si mê và dục vọng bản thân: “Văn hóa xưa kia đã từ hướng tranh đấu với thiên nhiên mà xoay sang hướng tranh đấu với đồng loại. Hướng đi của nền văn hóa mới của nhân loại phải là



THIÊN SƯ HUỆ QUANG  
(1888—1956)

tranh đấu với dục vọng bản thân” (11). *Phật Giáo Việt Nam* cho rằng đứng về phương diện chính trị, tín ngưỡng *nhân duyên sinh* của

Phật giáo là tín ngưỡng thích hợp nhất cho một chế độ dân chủ và khoa học, trong khi tín ngưỡng nhất-thần-giáo thì chỉ thích hợp với chế độ quân chủ và tín ngưỡng đa-thần-giáo thích hợp với chế độ bộ lạc thời xưa: “*Một quốc gia biết lấy tín ngưỡng vũ trụ quan duyên sinh công nghiệp làm bối cảnh thì có thể thực hiện một sự đoàn kết sâu rộng và có thể kiến tạo được một nền văn hóa quốc gia nhân bản, hướng thiện*” (12).

Để bồi đắp đức tin về một nền Phật giáo dân tộc, *Phật Giáo Việt Nam* trình bày những thiên khảo cứu về sự nghiệp Phật giáo trong các thời đại Lý và Trần để cho thấy rằng đạo Phật Việt Nam trong quá khứ không những đã xây dựng được các sự nghiệp văn hóa nghệ thuật mà

còn xây dựng được cả sự nghiệp chính trị và xã hội nữa (13). Trong một loạt bài viết dưới tiêu đề *Đến để đến một nền Phật giáo dân tộc*, Minh Hạnh đã viết từ đề tài *Vị Sơ Tổ Của Phật Giáo Việt Nam Qua Giáo Lý Của Phật Giáo Việt Nam tới Lễ Nhạc Của Phật Giáo Việt Nam và Giáo Dục Của Phật Giáo Việt Nam*. Ông đã đề nghị các chùa Việt Nam thờ thiền sư Tỳ Ni Đa Lưu Chi thay thế thiền sư Bồ Đề Đạt Ma (14). Ông đề nghị xiển dương giáo lý Duy Thức để phá vỡ các luận chứng duy vật và duy thần. Theo ông, ngày xưa *Thiền* là căn bản cho *Tịnh*, bây giờ *Thiền* đã suy đồi thì *Tịnh* dễ trở thành cặn cọt và

mê tín. Tinh độ chỉ có thể lấy lại chiều sâu với giáo lý Duy Thức: *"Tinh độ sẽ là môn thực hành mà phần lý thuyết thì do Duy Thức xây dựng"* (15). Đứng về phương diện lễ nhạc, Minh Hạnh nhận xét rằng kiến trúc, âm nhạc và những hình thái sinh hoạt văn hóa khác của Phật giáo Việt Nam thời ông *"chúng tỏ một khả năng tu chứng thấp kém, bạc nhược"*. Ông tiếc rằng truyền thống lễ nhạc cổ điển đã không được tiếp nối và phát triển, rằng các bậc tăng già có tu chứng và có sở đắc tâm linh rất hiếm, cho nên lễ nhạc hiện thời bị lai căng và phá sản...

Ông đề nghị lập một ban sư tằm những hình thức lễ nhạc và kiến trúc của Phật giáo để phân tích, tìm hiểu, bảo tồn, truyền bá, để Phật tử Việt Nam có thể tìm cảm hứng ở đây mà sáng tác. Ông lại nhấn mạnh đến sự tổ chức lại nếp sống thanh quy để tăng già có được sở đắc tâm linh và cư sĩ lại có tận tâm thuần cần, để cho những hình thức lễ nhạc Phật giáo mới được hiển lộ và tiếp nối dòng thực tu thực chứng. (16)

Song song với loạt bài của Minh Hạnh, còn có những bài viết về những đề nghị xây dựng trong các ngành giáo dục và hoằng pháp do Dã Thảo viết. Về vấn đề đào tạo tăng tài, Dã Thảo đề nghị phân biệt năm ngành chuyên môn của tăng già:

1- Những vị *tinh tu* ẩn cư ở các tu viện và ở các thiền thất.

2- Những vị *giảng sư*, tốt nghiệp cấp trung học Phật giáo và có kiến thức trung học chuyên khoa ngoài đời. Phạm vi hoạt động của các vị này là thuyết pháp tại các chùa tỉnh hội, chi hội và khuôn hội và góp sức trong việc hoàn bị tổ chức cơ sở căn bản của giáo hội từ đơn vị tỉnh trở xuống.

3- Các vị *giáo sư* dạy tại các trường trung tiểu học do giáo hội quản trị và tại các đơn vị thanh thiếu niên của tổ chức Gia đình Phật tử. Các vị này có trình độ trung học Phật giáo và có bằng cấp cần thiết để làm giáo sư các trường tư thực. Họ cũng đảm nhiệm dạy những giờ Phật pháp tại các trường tư thực Phật giáo.

4- Các vị *giáo sư Phật học viện*. Họ phải học xong cấp đại học Phật giáo nếu là giáo sư cấp trung học. Nếu dạy cấp đại học, họ phải có trình độ cao hơn, hoặc họ đã trước tác những tác phẩm hữu danh hoặc đã trình bày một luận án mà ban giáo sư của Phật học Viện đã khảo duyệt.

5- Các vị *trú trì* đã học những năm giáo lý quy định cho cấp bậc trú trì các chùa tại các Phật học viện. Họ đã được huấn luyện về nghi lễ, quản trị tự viện, tổ chức tín đồ, hướng dẫn sự tu học của Phật tử địa phương.

Về chương trình đào tạo tăng tài, Dã Thảo đề nghị chỉ đầu vào Phật học Viện những vị nào có trình độ trung học phổ thông. Nếu



Chùa Ân Quang xưa, ảnh chụp năm 1955

cần, ông nói, thì tổ chức những lớp dự bị cho những trẻ em chưa có trình độ đó. Chương trình lớp này là bốn năm. Sau đó các em được vào Phật học Viện học bốn năm. Những người có trình độ trung học phổ thông thì chỉ cần học nửa năm để có vốn liếng Hán tự và giáo lý phổ thông trước khi vào Phật học Viện. Học xong bốn năm trung học, nếu có điều kiện khả năng, họ có thể thi lên đại học. Nếu không muốn lên đại học, họ có thể học bổ túc một năm để ra làm việc trong ba ngành giảng sư Phật học, giáo sư tư thực hoặc trú trì chánh pháp. Sau năm năm hành đạo, họ có thể phát nguyện tu trọn đời hoặc hoàn tục trở về làm cư sĩ để hỗ trợ chánh pháp. Ở cấp đại học, học tăng sẽ học Phật bằng Hán văn và tham khảo bằng các sách Anh, Pháp, Đức và Nhật văn.

Về giáo dục ni sinh, Dã Thảo đề nghị không có ngành trú trì mà chỉ có các ngành giáo sư, giảng sư và cán bộ xã hội. Các ni sinh trong thời gian học Phật cần được học thêm về khoa nuôi dạy trẻ em, điều dưỡng bệnh nhân, quản trị bệnh xá, tổ chức các vườn trẻ và các trường nữ tư thực (17).

### CON ĐƯỜNG BẤT BAO ĐỘNG ĐI TỚI HÒA BÌNH, ĐỘC LẬP VÀ THỐNG NHẤT

Được xuất bản dưới chế độ kiểm duyệt của chính thể Ngô Đình Diệm, *Phật Giáo Việt Nam* không nói ra được một cách công khai lập trường và nguyện vọng của con đường thứ ba tức là con đường tranh đấu bất bạo động để đi tới hòa bình và một nền trung lập quốc gia đối với hai khối Cộng sản và Tư bản. Tuy vậy, ý hướng này cũng đã được đọc thấy rõ rệt trong từng số *Phật Giáo Việt Nam*. Đạo Phật được trình bày trong tạp chí *Phật Giáo Việt Nam* như là một đạo hòa bình, vì những lý do sau đây:

1- Đạo Phật không dựa trên những tín điều bất di dịch.

2- Giáo lý Phật giáo bao trùm được những giáo lý và học thuyết có vẻ như mâu thuẫn chống đối nhau.

3- Đối tượng tranh đấu của đạo Phật là tham sân si chứ không phải con người.

4- Đạo Phật tôn trọng sự sống trong mọi hình thức.

5- Động lực hành động của Phật giáo là tình thương mà không phải là căm thù (18).

Vì những lý do đó, Phật tử mọi nơi cần "liên kết thành một khối duy nhất, sáng suốt, có đường lối và chương trình hoạt động rõ ràng, thiết thực... Những người Phật tử cũng như những nước mà đại đa số là Phật tử phải long trọng tuyên bố và cam kết rằng sẽ không vì một lý do gì mà giết người, hoặc gây chiến tranh, hoặc tham gia trực tiếp hay gián tiếp vào những khối người hay những tổ chức có thể là những ngòi lửa chiến tranh. Khối Phật tử chỉ hợp tác với những tổ chức, những đoàn thể và những khối người có mục đích phụng sự hòa bình như mình thôi. Đối với Phật tử, hòa bình phải có tính cách thiêng liêng như là một tôn giáo thứ hai của mình" (19).

Nhưng tranh thủ hòa bình thì Phật tử phải áp dụng phương thức bất bạo động. Bất bạo động là tranh đấu mà không phải là bất động. Trong bài *Đạo Hòa Bình Trong Nền Hòa Bình Thế Giới*, ký giả Minh Đức nói đến cuộc tranh đấu bất bạo động của Gandhi để giành độc lập cho Ấn Độ, và nói rằng thủ tướng Nehru tuy là người Ấn Độ giáo nhưng đã ý thức được tiềm lực lớn lao và quan trọng của Phật giáo trong việc xây dựng hòa bình thế giới nên đã đứng ra phát động phong trào chấn hưng Phật giáo tại Ấn Độ. Ông viết: "*Chủ trương bất bạo động, ảnh hưởng di truyền của đạo Phật, đã được đem ra thử thách bao nhiêu lần trước mũi súng làn đạn của chủ nghĩa đế quốc Anh. Và người đề xướng ra - Gandhi - đã trở thành một bậc thánh, không phải chính vì đã dùng tay không mà toàn thắng súng đạn đó sao? Và Nehru đã nối tiếp sự nghiệp hòa bình của Gandhi, người đã nhẫn nhục chịu đựng suốt 20 năm trời vào tù ra khám trong các cuộc biểu tình im lặng mà hùng hồn, dưới những làn mưa roi da của cảnh binh Anh hùng hổ - người ấy ngày nay đã trở thành kẻ hòa giải vĩ đại trong các cuộc tranh chấp thế giới, không phải chính vì đã trung thành với chủ trương bất bạo động của mình đó chăng?" (20).*

Người Phật tử Việt Nam, do những suy tư và nhận xét như trên, đã dần dần thấy được rằng giữa những lực lượng súng đạn và bạo động, mình vẫn còn một con đường thoát: Con đường tranh đấu bất bạo động.

Ý nguyện đem tình thương hóa giải hận thù, thực hiện đoàn kết dân tộc và thống nhất đất nước cũng được nói lên bằng những

bài ca dao mới của Tâm Kiên như:

*Tiếng chuông lay bóng Bồ đề  
Con chim trắng cánh bay về Tây Thiên  
Mong sao dân tộc bình yên  
Đạo hiền che chở dân hiền thương yêu  
Dù cho đất sập trời xiêu  
Lòng tôi vẫn nhớ nhiều điều giá gương  
Khắp nơi đồng ruộng phố phường  
Nhớ lời Phật dạy, hãy thương nhau cùng...*

(21)

Hoặc:

*Tay bưng đĩa muối chấm gừng  
Gừng cay muối mặn xin đừng bỏ nhau  
Bắc Nam chung một mối sầu  
Thương nhau thì đừng, bỏ nhau sao đành  
Đêm ngày một dạ định ninh  
Nhớ lời nguyện kết giữa mình với ta:  
"Bao giờ chạch đẻ ngọn đa  
Sáo đẻ dưới nước thì ta bỏ mình  
Bao giờ rau diếp làm đình  
Gỗ lim thái ghém thì mình bỏ ta"  
Muốn cho đoàn kết một nhà  
Cùng nhau xây đắp đạo ta muôn đời.  
Từ Bi ta nhớ lấy lời  
Nuôi gương trí tuệ trau dồi thân tâm  
Diệt trừ tham giận kiêu căng  
Thương nhau một niệm, tình thâm lâu dài  
Khôn ngoan đá đáp người ngoài  
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau  
Nhớ ơn Đức Phật nhiệm màu  
Ta xây cuộc sống bền lâu muôn đời.(22)*

Tạp chí *Phật Giáo Việt Nam* không phải là một tờ báo khô khan; trái lại nó chú trọng nhiều tới mặt văn nghệ. Trên mặt báo này người ta đọc truyện ngắn, nhạc, thơ, kịch và kịch bằng thơ nữa. Thỉnh thoảng lại có những bài nghiên cứu văn học, luận bàn về thi văn của các thiền sư đời Lý và đời Trần, về Nguyễn Du, về Nguyễn Công Trứ, về Albert Camus, v.v... Trong số những người cộng tác cho tờ báo ta thấy có Tuệ Uyển, Thiện Hoa, Nguyễn Văn Hầu, Nguyễn Hữu Ba, Huyền Không, Thạch Đức, Trí Đức, Minh Châu, Thanh Từ, Kao Khả Chính, Tắc Phước, Như Huyền, Vô Đỉnh Cường, Thiên Ân, Đức Nhuận, Tâm Quán, Tâm Hỷ, Tâm Châu, Minh Đức, Trọng Đức, Thiệu Chi, Lê Văn Định, Thẩm Oánh, Tống Anh Nghị, Dã Thảo, Trúc Diệp, Dương Xuân Dưỡng, Kiêm Minh, v.v...

### THIÊN SƯ HUỆ QUANG

Thiền sư Huệ Quang, chủ nhiệm của tờ *Phật Giáo Việt Nam* là phó hội chủ của Tổng hội Phật giáo Việt Nam. Ông tên là Nguyễn Văn Ân, sinh năm 1888 tại quận Ô Môn tỉnh Cần Thơ. Hồi còn nhỏ ông theo thân mẫu về Trà Vinh. Năm 19 tuổi, ông xuất gia tại chùa Long Thành ở quận Trà Cú và theo học với thiền sư Thiện Trí. Gần thiền sư Thiện Trí, ngoài kiến thức Phật học, ông còn được trao truyền kiến thức y học Đông phương

nữa. Ông được thiền sư Thiện Trí đặt tên là Thiện Hải.

Một hôm đi ngang Tiểu Cần, thấy một ngôi chùa đổ nát, ông bèn phát tâm trùng tu lại. Dân chúng ở Tiểu Cần thấy thể sinh lòng kính mến, bèn mời ông về làm trú trì ngôi chùa này – chùa Long Hòa – và hết sức ủng hộ ông trong việc trùng tu. Chùa Long Hòa trở thành một đạo tràng hưng thịnh.

Năm 1919, ông đắc pháp với thiền sư Từ Vân và được tặng pháp hiệu là Huệ Quang. Nhờ đọc tân thư Trung Hoa, biết đến phong trào chấn hưng Phật giáo tại các nước, ông bèn hợp tác với các thiền sư Khánh Hòa và Khánh Anh để xúc tiến việc chấn hưng Phật giáo nước nhà. Ông rất tích cực trong việc thành lập hội Lục Hòa năm 1923 mà trụ sở được đặt tại chùa Long Hòa do ông trú trì. Hội Lục Hòa là viên đá đầu của nền Phật giáo chấn hưng tại Nam Kỳ. Rồi ông cộng tác với thiền sư Khánh Hòa để thành lập hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học năm 1931, thành lập Liên đoàn Học xã năm 1933 và thành lập hội Lương Xuyên Phật học 1934. Từ *Duy Tâm* của hội Lương Xuyên Phật học ra đời vào tháng Mười năm 1935 là do ông chủ nhiệm. Ông lại còn giữ chức tổng lý Phật học đường Lương Xuyên thành lập năm 1934.

Từ năm 1937, ông đã chú trọng đến vấn đề thống nhất Phật giáo Việt Nam. Viết trong tạp chí *Duy Tâm* số 25 ra ngày 1.10.1937 ông đề nghị các tạp chí Phật học trong xứ thương lượng với nhau để định ngày họp Đại hội Lâm Thời của các hội Phật giáo trong nước để đi đến việc thống nhất. Ông đề nghị đại hội này được tổ chức tại miền Trung và trước ngày đại hội, các hội phải họp đại hội đồng riêng từng hội để công cử đại biểu. Ông lại đề nghị Đại hội Phật giáo Toàn quốc vạch ra chương trình hoạt động thống nhất và bầu ra sáu ban chuyên môn để quản lý Phật sự. Đó là các ban Kiểm Duyệt, Đạo Sư Giáo Dục, Luật Sư, Giảng Sư, Hộ Pháp và Thanh Tra. Từ *Duy Tâm* đề cập tới vấn đề thống nhất gần như mỗi số.

Năm 1948, thiền sư Huệ Quang đứng ra làm chủ tịch Ủy ban Phật giáo Cứu quốc tỉnh Trà Vinh. Ông cũng nhận chức ủy viên Xã Hội trong Ủy ban Hành chánh tỉnh bộ Trà Vinh. Năm 1951, từ hậu phương ông trở về tham dự Phật sự của Giáo hội Tăng già Nam Việt. Năm 1953 ông được suy tôn làm pháp chủ của Giáo hội Tăng già này (23).

Năm 1956 trong Đại hội Tổng hội Phật giáo Việt Nam tại Sài Gòn, ông được bầu làm phó hội chủ và chủ nhiệm tạp chí *Phật Giáo Việt Nam*. Ngày 11.11.1956, ông lãnh đạo phái đoàn Phật giáo Việt Nam đi dự hội nghị lần thứ tư của hội Thế Giới Phật giáo Liên Hữu (World Fellowship of Buddhists) tổ chức tại Nepal từ ngày 15 đến ngày 21 tháng Mười

một năm 1956. Cùng đi với ông có thiền sư Tịnh Khiết và cư sĩ Trần Thanh Hiệp. Tại Calcutta, phái đoàn được thiền sư Minh Châu, lúc ấy đang du học tại Nalanda, tiếp đón và đưa đi thăm hội Mahabodhi Society và các Phật tích trong vùng. Ngày 13.11.1956, phái đoàn đi Kathmandu, có thiền sư Minh Châu tháp tùng. Tại Hội nghị Thế giới Phật giáo Liên hữu, thiền sư Huệ Quang đã trình bày bản tham luận *Vai trò Đạo Phật Trong Xã Hội Loài Người* (24).

Ngày 22.11.1956, phái đoàn rời Kathmandu trở về New Dehli dự lễ Buddha Jayanti do chính phủ Ấn Độ tổ chức. Lễ Buddha Jayanti bế mạc chiều 30.11.1956.

Ngày 3.12.1956, chùa Ấn Quang nhận được một điện tín do thiền sư Tịnh Khiết gửi về báo tin thiền sư Huệ Quang viên tịch lúc 18 giờ 15 ngày 2.12.1956 tại bệnh viện Willingdom ở New Dehli. Phật tử thủ đô kinh hoàng khi nghe tin đó. Thì ra sau lễ Buddha Jayanti thiền sư Huệ Quang đã lâm bệnh và được chở vào bệnh viện. Một gân máu đã đứt và các bác sĩ tại bệnh viện ở Willingdom đã bó tay. Lễ an táng được tổ chức ngày 3.12.1956. Phái đoàn Việt Nam trở về Sài Gòn ngày 10.12.1956, thiếu mất một vị cao tăng, đạo hạnh vào bậc nhất.

Nhục thân thiền sư Huệ Quang được an táng tại chùa A Dục Vương New Dehli. Linh vị được cung nghinh về nước. Tại phi trường Tân Sơn Nhất linh vị được rước về chùa Ấn Quang. Số Phật tử đi cung nghênh linh vị, trong đó có các phái đoàn từ các tỉnh về, đông đảo đến nỗi chật cả các đại lộ Lý Thái Tổ, Minh Mạng và đường Sư Vạn Hạnh.

Năm 1964, một phái đoàn Việt Nam dự Hội nghị Thế giới Phật giáo Liên hữu lần thứ 7 tại Ấn Độ đã đến chùa A Dục Vương làm lễ hỏa thiêu nhục thân thiền sư Huệ Quang và rước xá lợi về chùa Ấn Quang. Một phần của xá lợi này được đưa về thờ tại chùa Long Hòa, nơi mà ngày xưa thiền sư đã trú trì và hành đạo.

Thiền sư Huệ Quang viên tịch khi tạp chí *Phật Giáo Việt Nam* mới ra đời được ba số.

Sau khi ông viên tịch, vị chủ bút của *Phật Giáo Việt Nam* là thiền sư Nhất Hạnh kiêm nhiệm luôn trách vụ chủ nhiệm của tạp chí.

Như chúng ta đã biết, tập thể tăng già Việt Nam đã được thống nhất từ khi Giáo hội Tăng già Toàn quốc được thành lập năm 1951 tại Hà Nội và vị thượng thủ đầu tiên của giáo hội là thiền sư Tuệ Tạng. Thượng thủ Tuệ Tạng mất vào năm 1959 tại Hà Nội, năm năm sau khi đất nước bị qua phân. Năm 1959, Đại hội Tăng già Toàn quốc lần thứ hai họp tại chùa Ấn Quang đã suy tôn thiền sư Khánh Anh làm thượng thủ.

(còn tiếp)

[9] *Phật Giáo Việt Nam*, số 1, ra mắt ngày trăng tròn tháng Tám năm Bính Thân, (1956).

[10] Xem bài *Hướng Đi Của Người Phật Tử Việt Nam*, *Phật Giáo Việt Nam*, số 1, ra ngày trăng tròn tháng Tám năm Bính Thân, (1956).

[11] Xem bài *Hướng Đi Của Văn Hóa*, *Phật Giáo Việt Nam* số 2, (1956).

[12] Dã Thảo: *Phật Giáo Với Tinh Thần Dân Chủ*, *Phật Giáo Việt Nam*, số 3, (1956).

[13] Đọc bài *Sự Nghiệp Của Phật Giáo Trong Triều Lý* của Thạch Đức trong *Phật Giáo Việt Nam*, số 1, Bính Thân, (1956).

[14] Vị thiền sư đầu tiên đem thiền học tới Việt Nam là Dharmadeva (Pháp Thiên), thầy của thiền sư Huệ Thắng. Ông đến Giao Châu vào khoảng giữa thế kỷ thứ năm (xem *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận*, quyển I, trang 64) và có lễ trước chuyến đi của Bồ Đề Đạt Ma sang nước Lương.

[15] Minh Hạnh: *Giáo Lý Của Phật Giáo Việt Nam (Phật Giáo Việt Nam)*, số 11 Đinh Dậu, 1957.

[16] *Phật Giáo Việt Nam*, số 12, Đinh Dậu, 1957.

[17] Dã Thảo: *Vấn Đề Đào Tạo Tăng Tài*, *Phật Giáo Việt Nam* số 11, 1957.

[18] *Đạo Phật Và Nền Hòa Bình Thế Giới*, *Phật Giáo Việt Nam* số 28, Kỷ Hợi, 1959.

[19] Bài đã dẫn.

[20] *Phật Giáo Việt Nam* số 8, Đinh Dậu, 1957.

[21] *Phật Giáo Việt Nam* số 1, Bính Thân, 1956.

[22] *Phật Giáo Việt Nam* số 2, Bính Thân, 1956.

[23] Lễ suy tôn được tổ chức ngày 8.3.1953 tại chùa Ấn Quang, Sài Gòn.

[24] *Phật Giáo Việt Nam* số 4, Bính Thân, 1956.



## THƠ MUÔN ĐỜI SỐNG VỚI CHÚNG TA

*Nhiều người trong chúng ta vẫn nghĩ thơ là chuyện tâm phào*

*Chuyện vu vơ, trà dư tửu hậu*

*Và thực tế cũng có nhiều thơ thô lậu*

*Viết nhặng nhịt, viết quá tào lao*

*Làm mất đi cái ý nghĩa thanh cao*

*Mà xưa nay đã từng vốn có*

*Thơ oản mình như con thuyền chớ đạo*

*Cụ đồ Ba Tri nhắc nhở, nhắc lời*

*Thơ ca ngợi cái đẹp tình đời*

*Là tấm gương phản chiếu hồn người và xã hội*

*Lưu dấu ấn trần trở tâm tư thời thế*

*Có một sự thật cũng ít ai ngờ*

*Thơ được trọng vọng xứng danh đoạt giải Nobel*

*Thơ đồng đọc ngày nhậm chức của tân tổng thống*

*Cô gái Amanda Gorman duyên dáng trước bàn dân thiên hạ*

*Thơ lên bục vinh quang*

*Gởi thông điệp đến muôn người khắp cả thế gian*

*Cái đẹp ngàn đời vĩnh viễn*

*Thơ cổ vũ tôn trọng luật pháp, trật tự và nhân quyền*

*Văn minh phương tây và truyền thống phương đông*

*Thơ như ngọn hồng thắp sáng niềm tin*

*Thơ không thể ẩn trú trong tháp ngà nghệ thuật*

*Mà còn vì nhân sinh tất bật của đời thường*

*Cổ xúy khoan dung và lòng yêu thương*

*Bài thơ đẹp sẽ tỏa hương khắp chốn*

*Nhiều kẻ nghĩ thơ đang chết trong thời cơ khi hiện đại*

*Khoa học kỹ thuật tân tiến thì thơ sẽ tàn phai*

*Thưa rằng không, chắc chắn sẽ là không!*

*Kỹ thuật cao cũng không thể lấy đi linh hồn chúng ta*

*Còn tâm hồn, còn trái tim rung động*

*Còn bình minh, còn ráng đỏ mây hồng*

*Chúng ta còn tồn tại thì thơ còn bay bổng*

*Thơ đồng hành cùng con người và với non sông*

*Thơ được đọc lên trong ngày nhậm chức của tân tổng thống*

*Ngọn lửa hồng cháy sáng giữa mùa đông*

*Lòng tin yêu như bồi thêm hy vọng*

*Thơ muôn đời sống với chúng ta.*

thơ

TIỂU LỤC THẦN PHONG

Ất Lãng thành, 01/2021

## **ỜN NGÀY BAO DUNG**

1.  
*Tạ ơn buổi sáng rất đầy  
Có con nắng ấm rót ngày vào tôi  
Xôn xao phò lạ dòng người  
Ban mai gần lại tiếng cười thân quen*

2.  
*Sáng ơi. Nắng ơi. Và tôi ơi  
Tan nhau đi giữa mắt người đang xanh  
Nghiêng xuống hết ở trên cành  
Tròn một hạt sương long lanh cả trời  
Còn tìm những ở đâu nơi*

3.  
*Mỗi buổi sáng. Một nụ cười  
Đóa hướng dương nở mặt trời của tôi  
Dưới kia một dòng sông trôi  
Nước đi nước chờ một nôi nắng đầy  
Trời xanh chờ cánh mây bay...*

4.  
*Giữa đường, tại một vẫy tay  
Rủ rê ta ở lại, ngày rất vui...  
Thì thôi nhè mộng chân trời  
Anh trắng ử lại ngọt bụi mai sau  
Xin quy y nắng nhiệm màu*

## **ỜN NỤ CƯỜI**

*Hôm qua hạt lệ thấu canh  
Sáng nay đọng lại trên cành, hạt sương  
Mắc cỡ vì sao đã buồn...*

*Hôm qua, lấm mộng đêm trường  
Hôm nay ngơ ngạc bên đường, bình minh  
Hoá ra còn mặt đất xinh...*

*Hôm qua ngó lên trời xanh  
Sợ cái mệnh mông làm thành cỏ mọ  
Hôm nay nhìn lên lần nữa  
Mâu xanh ơi lộng gió lòng tôi*

*Ăn thua là ở nụ cười...*



## **ỜN TRẦN GIAN**

1.  
*Mây trắng ngó xuống trần gian  
Ngạc nhiên sao nắng vui tràn thế kia  
Vây trên này hay dưới kia  
Cõi nào là cõi thuộc về trời xanh?*

2.  
*Đêm qua đất mở mịt mùng  
Sáng nay đất chờ vô cùng nhịp vui  
Trời chung cả cái xanh trời  
Tôi thêm nữa, những nụ cười nhân gian  
Thế là, một cõi trần gian...*

3.  
*Ồ trần gian có phải nơi  
Để lòng rộng mở để hơi thở đầy  
Cho tôi biết cuộc sống này  
Từng phút trôi là từng giây sống người  
Từng thương yêu. Để yêu người*

4.  
*Một điều đã ở hôm qua  
Bao điều còn ở rất xa. Bên trời  
Lưng chừng. Bao nhịp khơi vơi  
Sấy chân. Nghe khoảnh khắc rơi bên đường  
Dường như chưa vẹn yêu thương  
Xin trở lại. Về gần hơn. Bước mình  
Về gần hơn. Mặt đất xinh  
Một vòng tay. Ấm nỗi tình nhân gian.*

*thơ*

**NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH**



# BA PHÁP ẨM

(*Câu Chuyện Cuối Tuần*— bài viết hàng tuần của GDPT do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Thưa Anh Chi Em (ACE) áo Lam bốn phương,

Khi con nhỏ, học Phật pháp, bài BA PHÁP ẨM:

*"Các hành vô thường,  
Các pháp vô ngã  
Niết bàn tịch tĩnh."*

Chúng ta hiểu rõ vô thường, vô ngã là gì nhưng đến Niết bàn thì chúng ta có hơi "sợ".

Cũng may, nhờ có học và hành - vì Đạo Phật là để thực hành, không phải chỉ để đọc, nói... nên chúng ta đã thực hành đạo Vô Thường trong đời sống hằng ngày.

Này nhé, vì biết **"các hành vô thường,"** thiên nhiên thì mưa nắng thất thường, sáng nắng chiều mưa, xuân qua mát mẻ, hạ tới nóng bức... Con người thì nay vui mai buồn, sáng khoẻ chiều bệnh, trẻ già gì cũng không qua khỏi "4 núi Sinh, Già, Bệnh, Chết..." Biết vậy nên ACE chúng ta biết sống THUẬN PHÁP, TỰ DUYÊN.

Sống an nhiên trong sự thay đổi của 4 mùa, không đòi hỏi mưa thuận gió hoà luôn, không than trách khi đau ốm, bệnh hoạn, hay gặp tai trời ách nước, không tuyệt vọng khi gặp khó khăn trong đời sống hay gặp bạn xấu, xui xẻo trong công ăn việc làm... cũng không đắm say trong thành công, giàu sang phú quý mà quên giúp đỡ người nghèo, neo đơn...

Trong hoàn cảnh nào cũng cố gắng giữ "trong sạch từ lời nói đến việc làm, sống hỷ xả để đứng tiến trên đường ĐẠO."

Học biết **"các pháp vô ngã,"** chúng ta không vì chấp "cái tôi" mà sinh bất hoà với

mọi người quanh mình. Người Huynh trưởng GDPT khi ở Đơn vị thì nghĩ đến đàn em trước, về nhà thì nghĩ đến cha mẹ, anh chị và các em trước, không tranh giành, hơn thua, đổ kị mà luôn nghĩ đến châm ngôn HIẾU và THƯƠNG để làm la bàn chỉ hướng cho những hành vi, cử chỉ, lời nói và suy nghĩ của mình, để có thể "sáng cho người thêm niềm vui, chiều giúp người bớt khổ."

Nếu sống được như vậy chúng ta sẽ hiểu được pháp ấn thứ 3 **"NIẾT BÀN TỊCH TĨNH"**.



Thật vậy, muốn sống được thuận pháp tùy duyên thì có phải chúng ta cần tinh thức (mindfulness)?

Muốn có tinh thức cần phải có định Tâm, muốn có định Tâm cần phải sống thanh tịnh, giới luật tự tâm - không phải chỉ tụng Giới mà phải luôn có Giới trong Tâm mình.

Tóm lại, chúng ta thấy rằng khi có

Giới, Định, Tuệ thì chúng ta đã ở trong trạng thái An Nhiên Tự Tại, ngoại cảnh không khuấy động tâm mình, là Sống Thiền, đến giai đoạn không cần ngồi thiền hay đi thiền hành nữa.

Thân mến kính chúc ACE Áo Lam, đặc biệt là Huynh Trưởng GDPT đương nhiệm, sống và thực hành 5 điều luật của Thanh Thiếu và Huynh trưởng để sống THUẬN PHÁP, TỰ DUYÊN AN NHIÊN, TỰ TẠI trong thời bình hay thời kỳ đầy thiên tai, hoạn nạn, tật bệnh "từ trên trời rơi xuống" như hiện nay.

Trân trọng,  
**NAL**

# THÔNG ĐIỆP ĐẦU TIÊN

Thị Giới

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

**T**hông điệp đầu tiên của đạo Phật là hình ảnh một em bé bước đi trên bảy bông sen. Đó là hình ảnh những bước đi thanh tịnh vô nhiễm của một cái tâm không có sự phân biệt, chất chứa. Và em bé đó đã thốt lên: “*Trên trời dưới trời chỉ có Ta là tôn quý*”.

Vâng. Sự đản sinh của Đức Thế Tôn là sự kiện vĩ đại nhất trong lịch sử Phật giáo. Ngài cũng là bậc tối thượng của hoàn vũ. Giáo lý của Ngài, tùy theo căn cơ của từng lớp chúng sinh mà thâm nhuần, là thuốc trị khổ, để mọi người được thanh thoi, an lạc, xa rời mọi chấp trước nhị biên. Mọi hữu vi đều vô thường, phải chịu sanh diệt, chỉ có Không, Vô vi, mới thoát Vô thường, thoát Sanh diệt, tức là thoát Khổ. Nhưng vô vi ở đâu? Vô vi ở ngay trong hữu vi. Do đó mà hữu vi cũng trọn vẹn, đầy đủ, toàn hảo. Chỉ cần quán sát sự vật thật cụ thể, không lý luận, không suy diễn, từ đó có thể đi vào Không tính, cả nội tâm và ngoại cảnh. Thế thì một sự vật, một thực tiễn, một thực tế tâm thường vốn toàn hảo, đầy đủ, trọn vẹn, không dư không thiếu...

Sự tôn quý mà Đức Phật tuyên bố là sự tôn quý của bậc giác ngộ và sự giác ngộ, của cái Tâm rộng suốt thấy được tánh Không đồng thời thấy được tính toàn hảo của chính mình và thế giới, và hướng dẫn chúng sanh thấy được điều đó để giải thoát.

Thông điệp đó không khác với hai thông điệp quan trọng về sau của Phật giáo nói chung và Thiền Đông Độ nói riêng. Đó là hai thông điệp của Bồ-đề-đạt-ma và Lục tổ Huệ Năng.

Khi thỉnh Bồ-đề-đạt-ma vào cung, Lương Vũ Đế hỏi Tổ: “*Thánh đế đệ nhất nghĩa là thế nào?*”. Đạt-ma trả lời: “*Trống không không Thánh*”. Vua hỏi: “*Ở trước ta là ai?*” Đạt-ma trả lời: “*Không biết.*” Vua không lãnh hội. Sau đó Bồ-đề-đạt-ma qua sông đến Thiếu Lâm ngồi quay mặt vào vách núi chín năm.

Cái “trống không” và “không biết” đó là thông điệp chính thức của Thiền Đông Độ. Và phải chăng chỉ có tâm hồn trẻ thơ mới “trống không” và “không biết”?

Bồ-đề-đạt-ma ngồi chín năm quay mặt vào vách núi là ngồi chín năm với cái “rỗng không không biết” đó. Và chính cái “rỗng không không biết” đó đã tạo nên Thiền Đông Độ, thuốc chữa bệnh cho trời và người, cũng như cái ngã trẻ thơ nguyên sơ rỗng lặng và vô nhiễm trong thông điệp của Đức Phật đã là thuốc chữa bệnh cho trời, người và các loài chúng sanh.

Tịch tịch ngồi lạnh Thiếu Lâm  
Lặng yên toàn bày chính lệnh  
Thu trong, trăng chuyển vành sương  
Hà[1] lợt, sao đầu xuống thấp  
Không dừng y bát truyền con cháu  
Để thành thuốc chữa bệnh trời, người.

*Liêu liêu lãnh toạ Thiếu Lâm  
Mặc mặc toàn đề chính lệnh  
Thu thanh nguyệt chuyển vành sương  
Hà1 đạm đầu thùy da bình  
Thăng thăng y bát phó nhi tôn  
Tùng thử nhân thiên thành dược bệnh.*  
(Thung Dung lục)

Và đây là thông điệp của Lục tổ Huệ Năng.

Trong bài kệ đối lại bài kệ của ngài Thần Tú trình Ngũ tổ Hoảng Nhẫn, ngài Huệ Năng viết:

*Bồ đề vốn không cây  
Gương sáng không có đài  
Xưa nay không một vật  
Lấy gì dính trần ai.*

*(Bồ đề bốn vô thọ  
Minh kính diệc phi đài  
Bốn lai vô nhất vật*

*Hà xứ nhạ trần ai).* (Pháp Bảo Đàn kinh)  
Cái “gương sáng không có đài” rỗng không tịch tĩnh, tự tại không nương dính vào thứ gì đó được ngài Động Sơn Lương Giới của phái Tào Động gọi là Thiên Chân, là Gương Quý.

Trong Bảo Kính Tam Muội, ngài Động Sơn viết:

Thiên Chân vi diệu,  
Không thuộc mê, ngộ.  
Theo thời theo duyên,  
Tịch tĩnh sáng láng.  
Nhỏ không chỗ trống,



Lớn không chỗ chứa...  
(*Thiên chân nhi diệu,  
Bất thuộc mê ngộ  
Nhân duyên thời tiết,  
Tịch nhiên chiêu trước  
Tế nhập vô gian,  
Đại tuyệt phương sở...*).  
(Bảo Kính Tam Muội Ca)



Đó là cái ngã không ngã, rỗng không, sáng láng, trải rộng toàn khắp, thâm nhập toàn khắp... Đó là tánh Phật.

Người Phật tử sống tách rời với thông điệp đầu tiên của Đức Phật thì không thể gần Phật. Hành giả Tổ sư Thiên tách rời hai thông điệp của Sơ tổ Bồ-đề-đạt-ma và Lục tổ Huệ Năng nêu trên thì không thể đến gần Tổ sư Thiên.

Thêm nữa. Như trên đã nói, mọi sự vốn đã tự hoàn hảo từ đầu. Ta, người, rừng tre, bụi trúc, cây tùng trong sân... vốn đã tự hoàn hảo. Một vị Tăng hỏi ngài Triệu Châu: "Ý của Tổ sư từ Tây qua là gì?". Triệu Châu trả lời: "Cây tùng trong sân". Cái hoàn hảo đó được gọi là Chân như, là Tánh Không...

Khi Đức Phật chứng ngộ, tức lúc Ngài nhận ra chính ngài, Ngài thốt lên: "Tất cả mọi chúng sanh, mọi sự vật, và đại địa ngay lúc này đều giác ngộ và toàn hảo".

Vâng, mọi sự vật vốn đã hoàn hảo, toàn vẹn từ đầu. Và cái hoàn hảo đó là cái tự nhiên nhất, bình thường nhất. Đó là nền tảng, là sự toàn vẹn trong mọi lúc mọi nơi. Mọi thứ là toàn bộ và toàn vẹn, chúng ta là toàn bộ và toàn vẹn. Và cái đó thì không gì hơn.

Một tâm hồn trẻ thơ bước đi trên bông sen thấy và sống với cái đó.

Nói về cái "trống không", cái "ta", cái "tôi", Gerry Shishin Wick viết:

"Nó không phải là khoảng không thăm thẳm hay hư vô hay không có gì hết. Nó cũng không phải là cái trống rỗng khi chúng ta phàn nàn tôi cảm thấy trống rỗng.

Mọi sự đều vô thường, không có gì cố định. Nhận ra sự trống không này, thể nghiệm nó một cách trực tiếp, là một trong những điều quan trọng nhất trong việc tu tập của chúng ta.

Không có cái cố định được gọi là 'tôi' - không có gì để bám, không có cái nên bền vững để đặt chân, không có tri kiến đúng để đạt. Ngay khi nghĩ rằng đã nắm bắt được nó, thì đã mất nó. Khi trực tiếp nhận ra nó, cửa tự do rộng mở.

Khi những phóng đại về cái ngã khởi lên, những xác lập ảo tưởng về một cái tôi độc lập, chúng ta chụp giữ chúng. Vì sao chúng ta chụp giữ chúng? Chúng ta sẽ là gì nếu không ảo tưởng về một cái ngã cố định? Cái

gì sẽ còn lại?

Có một câu trong trong Thiên thích hợp ở đây: 'Ngay cả nước tan ra từ những đỉnh tuyết cũng tìm đường về đại dương'. Nó tìm con đường cho nó ngay cả khi không biết phương hướng và những chướng ngại. Chúng ta nghĩ rằng chúng ta cần kiểm soát mọi thứ. Vì ngu muội, chúng ta xác định cái ngã sai lầm này để cảm thấy an toàn và cảm thấy rằng chúng ta điều khiển đời sống của chúng ta.

Chúng ta tin rằng chúng ta là kho chứa những tư tưởng, quan niệm, cảm nhận, phản ứng... của chúng ta. Chúng ta ngăn chặn cái thấy rằng chúng ta là 'Cái Trống Không Lớn', chối bỏ bản chất sâu xa vô hạn của chúng ta" (The Book of Equanimity, Gerry Shishin Wick).

Vâng. Chúng ta hãy ngồi xuống và rỗng không. Chỉ như một vật rỗng. Thiên đàng có thể hiện ra, địa ngục có thể hiện ra, đại không có thể hiện ra, các cạnh có thể hiện ra... Hãy chỉ là cái rỗng. Rỗng không, không biết, không thêm, không bớt, không theo, không bỏ... Rỗng không không biết đó là cái ngã vô ngã, là tâm hồn trẻ thơ bước đi trên bông sen.

Sawaki Kôdô Rôshi viết: "Trong đời sống thế gian, luôn luôn có thắng và bại, công và trừ. Nhưng trong tọa Thiền thì là 'Không'. Điều tốt nhất chính là 'Không'. Đó là lý do nó là cái lớn nhất và bao trùm nhất" (To You, Sawaki Kôdô Rôshi).

Kinh Kim Cang nói "Không quá khứ, không hiện tại, không tương lai". Và chính cái "không" đó cho chúng ta sự trưởng thành. Trưởng thành có nghĩa là tự làm chủ, là không nương tựa vào bất cứ điều gì hay nơi chốn nào.

Các vị Thầy dạy về "tại đây bây giờ", về "thực tại", về "nền tảng"... thật sự chỉ là trò đùa của các vị để dẫn học trò dần dần vượt qua. Một trò đùa nghiêm túc.

Tam tổ Tăng Xán nói: "Đừng cầu chơn, chỉ cần dứt sở kiến". Chỉ để cho những đám mây hư dối tan đi. Nếu không ôm giữ hư dối, trí tuệ sẽ tự nhiên chiếu.

Kinh nói "Nếu có một chút tri kiến về chân, sẽ rơi vào lâm lỗi". Nếu tạo ra một sự hiểu biết về chân lý, liền bị kẹt trong vũng nước bùn. Ngay lúc biết, cái biết trở thành nhị nguyên, và ngay lúc trở thành nhị nguyên, nó không còn là thực tại. Chỉ "rỗng không, không biết".

Chú thích: 1. Hà ở đây là Thiên hà.

# Một lần đáp xuống...

HUỆ TRÂN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

**Đ**ó là cánh chim Hạc trắng, một lần bay ngang vùng đồi núi, miền Nam California và đáp xuống sân trước một đạo tràng Tịnh Độ.

Hạc trắng đáp xuống, đứng ngay bên Tôn Tượng Chư Phật, khi chúng đang tụng Kinh A Di Đà. Hạc trắng đáp xuống không phải để tìm kiếm thức ăn vì quanh sân không có gì là thực phẩm cho chúng.

Vậy, sao Hạc đáp xuống, rồi đứng yên bên tượng Phật, đứng lặng lẽ, bình an như đây là nơi chốn mà Hạc chủ tâm tìm về?

Trong chánh điện, tiếng tụng kinh vang vang "... *Bạch-hạc, Khổng-tước, Anh-võ, Xá-lợi, Ca-lăng-tần-già, Công-mang chi điều, thị chư chúng điều, trú dạ lục thời, xuất hoà nhã âm, kỳ âm diễn xuống, ngũ căn, ngũ lực, thất bồ đề phần, bát thánh đạo phần, như thị đẳng pháp, kỳ độ chúng sanh, văn thị âm dĩ, giai tất niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng ...*"

Qua khung cửa sổ chánh điện, một vài người đã nhìn thấy Bạch-hạc và bồi hồi cảm động vì Hạc đứng yên như thế, như nghe tiếng kinh A Di Đà mà đáp xuống rồi cùng đại chúng tụng Bốn Kinh mà chính Đức Thích Ca đã truyền thuyết.

Khi đại chúng bắt đầu kinh hành thì hầu như mọi người đều nhìn thấy cảnh tượng bất khả tư nghì này, và một vài vị đã mở phone tay, đưa lên chụp, ghi lại hình ảnh vi diệu mà

ống kính của những nhiếp ảnh gia chuyên nghiệp có sắp xếp cũng không tạo được!



Bạch-hạc đứng lặng thình như thế, rất lâu, rồi di chuyển chậm, như cùng kinh hành với đại chúng. Tới gần cuối sân, Hạc bước nhanh hơn, lấy đà, rồi tung cánh bay lên, biến mất trong không gian mênh mông trời xanh, mây trắng...

Có những hạnh phúc bất ngờ, không gì đổi được, không gì mua được! Hành giả tu niệm Phật ở một đạo tràng Tịnh Độ xa nơi phố thị, không thể tượng tượng được rằng trong khi đại chúng cùng nhất tâm tụng kinh A Di Đà thì bên ngoài kia đang chợt hiện lộ cảnh giới Tây Phương Cực Lạc, như lời kinh đang trì tụng!

Bạch-hạc không chỉ một lần đáp xuống mà những khoá tu sau, thình thoảng lại về, không phải chỉ một, mà có khi hai, ba cánh Hạc cùng về, cùng đứng yên bên tôn

tượng Chư Phật.

Giải thích cách nào hơn, là niềm tin vào sự mầu nhiệm mà Đức Thế Tôn đã "vô vấn tự thuyết". Không chờ ai hỏi và Ngài đã chọn đối tượng là Tôn Giả Xá Lợi Phật để thuyết giảng về Tịnh-Độ-Quốc. Nơi đó chỉ tràn ngập niềm an lạc, không có danh từ ác, huồng chi là sự ác, nên những loài chim kia không phải do nghiệp báo sanh ra, mà do Đức Giáo Chủ cõi Tây Phương biến tạo ra, mang hình ảnh tự tại và tiếng hót hoà nhã kỳ diệu mà truyền lưu giáo pháp.

"... *Xá Lợi Phật, kỳ Phật quốc độ thượng vô ác đạo chi danh, hà huồng hữu thiệt. Thị chư chúng điều, giai thị A Di Đà Phật dục linh pháp âm tuyên lưu biến hoá sở tác ...*"

Thế nhưng, cõi tạm Ta-bà không ngừng biến động. Giữa thế giới vô thường không ngừng những còn, mất, đến, đi, nên bãi biển có hoá nương dâu cũng chỉ là chuyển hoá trong bao hoạt cảnh vô thường mà thôi.

Một ngày khá bất ngờ, đại chúng phải chia tay, mỗi người một ngả, tùy hoàn cảnh và khả năng của mỗi người khi đó. Họ tạm biệt nhau bằng lời ân cần dặn dò, vẫn giữ công phu, vẫn chuyên tâm niệm Phật nhé!

Tự thân mỗi người đều biết rằng họ còn rất cần tha lực của nhau, đồng thời cũng hiểu rằng những biến động khiến phải xa nhau có thể là cơ duyên để họ kiếm

tra và nhận diện tự lực của mình mà sửa đổi những sai lầm hoặc phải tinh tấn hơn lên.

Rồi lòng hoài niệm và chạnh nhớ nhau đã khiến nhóm đồng tu ngày nào, gọi nhau để cùng có một ngày gặp mặt. Sau nhiều tháng xa nhau, họ đã hội ngộ trên căn gác nhỏ của một bạn đạo.

Phút gặp lại nhau, ngỡ sẽ xôn xao thăm hỏi cho thoả lòng nhớ nhung, nhưng lạ thay, không ai bảo ai, họ đều hết sức từ tốn, nhẹ nhàng cầm lấy tay nhau, nhưng qua ánh mắt thì đều biểu lộ tràn đầy tấm lòng bấy lâu vẫn nhớ nghĩ nhau; nên khi câu chào "A Di Đà Phật" vừa thốt ra, đã như thác lũ không chặn nổi bờ đê mong manh! Lời chào tuôn theo những hạt lệ mừng vui... Chỉ thế thôi.

Sau khi lạy Phật rồi ngồi xuống bên nhau, đồng tụng Kinh A Di Đà thì họ đã cảm nhận ngay được một điều rõ rệt, là họ **chưa từng xa nhau, chưa từng chia cách!**

**Chánh Báo ở ngay trong trái tim ta khi lòng ta chí thành và tâm ta chánh niệm.**

Xin đừng cố giải bày những gì mẫu nhiệm chỉ có thể cảm nhận qua sự cảm thông của muôn lòng như một, bởi ngôn ngữ nhân gian có giới hạn, mà sự mẫu nhiệm thì vô hạn!

Lần hội ngộ đó, họ có với nhau một ngày tu trọn vẹn, như từng ngồi bên nhau niệm Phật suốt đêm trong những khoá tu 24/24 mấy năm trước, tại một đạo tràng vùng đồi núi yên tịnh. Bằng tín nguyện chí thiết, có lẽ, họ đã gieo được trong tâm, chúng từ "cùng nhau niệm Phật miên mật" mà nếu không có thử thách của tình cảnh "bãi biển hoá nương dâu" thì họ chưa nhận biết được phước báu đã có.

Cũng với niềm tin này thì năm xưa, khi Bạch-hạc hân



## Nhớ Nhà

*Thăm thăm đường xa ngại bước chân  
Mỗi năm hoa rụng báo tàn xuân  
Quê nhà biệt biệt bao mùa gió  
Thổi quanh qua lòng bao nhớ mong.*

## Nhớ Bạn

*Bạn đã xa từ mấy độ xuân  
Nhớ đêm đối ẩm dưới trăng rừng  
Giang hồ phiêu lãng quên quê cũ  
Ký thác trong lòng chút khói sương.*

thơ PHÙ DU

hoan đáp xuống nơi đang vang vọng âm thanh tụng kinh, niệm Phật, nếu ngày nay Hạc có ghé thăm cảnh cũ những người xưa đã xa, hẳn niềm băng khuâng chỉ là thoáng chốc, vì đã từng gieo được chủng tử vi diệu thì dù chỉ một lần đáp xuống, Chánh Báo cũng đã ngự trong tim.

Bạch-hạc sẽ vẫn hoan hỷ tung cánh bay cao, bay xa, tuyên lưu trách nhiệm Đức Phật A Di Đà giao phó là "...Ngày đêm sáu thời kêu tiếng hoà nhã diễn thuyết những pháp mẫu như Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần, v.v... để chúng sanh nào nghe được tiếng chim xong, thấy đều niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng ..."

Bạch-hạc ơi! Một lần đáp xuống, công ích vô lượng lần bay xa...

**Chí tâm đánh lễ Phương Tiện Thánh Cư Độ, A Di Đà Như lai, thân căn giới Đại Thừa, khắp pháp giới Chư Phật.**

Huệ Trân  
*(Thân tặng các bạn đồng tu đã từng ngồi bên nhau, cùng hành trì miên mật trong những khoá tu niệm Phật 24/24)*



# HÔI MIỆNG

*Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức*

Y KHOA PHỔ THÔNG



Ở loài người, miệng là cửa ngõ của sự tiêu hóa và hô hấp, nơi mà không khí cũng như thực phẩm ra vào. Cấu trúc của miệng cũng khá phức tạp với phía trước là cặp môi và hàm răng; hai bên cạnh là xương hàm và má, phía sau thông với cuống họng. Phía trên là hàm ếch, mặt dưới là lưỡi.

Miệng có nhiệm vụ quan trọng trong việc tiêu hóa thực phẩm.

Răng để nhai nhuyễn món ăn với sự trợ giúp của lưỡi. Tuyến nước miếng tiết ra nước miếng để làm món ăn nhuyễn nhỏ đồng thời cũng để giữ gìn vệ sinh răng miệng, giúp phát âm hoạt bát. Nước miếng còn chứa men tiêu hóa amylase để chuyển hóa tinh bột ra đường.

Miệng còn chứa thanh quản, một cơ quan phát âm. Không khí cũng ra vào theo miệng mặc dù mũi là cơ quan chính sự hô hấp.

Xét vậy thì miệng có vai trò quan trọng trong vấn đề sức khỏe, như các cụ ta thường nói "Bệnh từ miệng mà vào, và tử miệng mà ra". Ý giả các cụ bảo là nhiều bệnh gây ra do sự ăn uống cầu thả mà nhiều tai ương cũng tử cửa miệng khi phát ngôn bừa bãi mà nên chuyện. Chẳng khác chi câu nói cổ nhân "miệng nhà sang có gang có thép".

Miệng quan trọng như vậy mà không khéo giữ gìn thì cũng bệnh, cũng đau. Mà hôi miệng là một trong những bệnh đó.



Sanh ra em bé miệng thơm tho sạch sẽ, ai cũng muốn "thơm" một tý. Vì em chỉ bú sữa mẹ dễ tiêu, và cũng vì chưa có răng cho nên vi sinh vật có hại chưa có nơi ẩn nấp. Lớn lên, răng bắt đầu nhú mà kém vệ sinh răng miệng là lúc bắt đầu có vấn đề.

Hôi miệng, hơi thở hôi hoặc thối miệng là dấu hiệu một bệnh nào đó của cơ thể. Đây là một chứng bệnh rất phổ biến với nhiều nguyên nhân phức tạp. Thậm chí danh từ chuyên môn y học gọi là Halitosis cũng bắt nguồn từ hai ngôn ngữ khác nhau: "halitus" từ tiếng La tinh có nghĩa là hơi thở, và suffix Hy Lạp "osis" là tình trạng.

Thường thường, khi nói tới hôi miệng thì nhiều người cứ cho là do bao tử mà nên nổi. Nhưng thực ra những 85% trường hợp hôi miệng lại chính từ miệng, còn lại 15% đến từ nhiều lý do khác nhau, trong đó có vấn đề dinh dưỡng, ăn uống.

## Nguyên nhân

Có nhiều nguyên nhân đưa tới hôi miệng.

### a- Từ miệng

Miệng được một số khoa học gia ví như một sở thú, trong đó chen chúc sinh sống cả dăm ba trăm loại vi sinh vật lành dữ khác nhau, đặc biệt là ở phần sau của lưỡi. Đa số các vi khuẩn này thuộc nhóm kỵ khí nghĩa là chúng chỉ tăng sinh trong môi trường không có oxy như trong bựa răng, khe răng, túi nha chu nhất là ở mặt sau của lưỡi.

Khi há miệng soi vào gương, ta thấy lợn cợn những vệt trắng với nhiều vi khuẩn phủ trên lưỡi. Thức ăn sót lại trong miệng hoặc ở các kẽ răng là món ăn hấp dẫn đối với chúng và sẽ bị phân hóa tạo ra mùi hôi.

- Nhiễm trùng ở nướu răng cũng lại mảy mòi vi khuẩn bám vào các cục bựa chất béo, calci ở chân răng mà ra. Bựa vôi đóng vào chân răng là môi trường tốt cho vi khuẩn tác dụng vào và đưa đến hôi miệng.

- Khi miệng khô, như ngủ ban đêm thở bằng miệng hoặc dưới tác dụng của vài dược phẩm, hút thuốc lá khiến cho miệng khô,

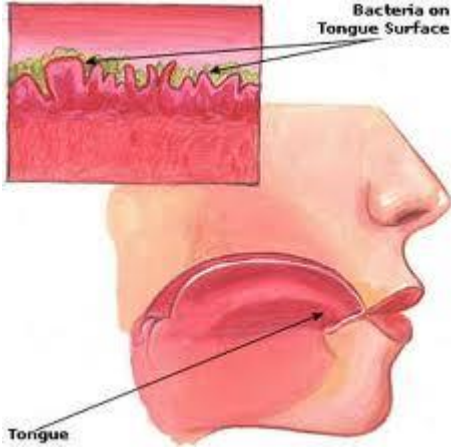
đóng bựa, vi khuẩn tác dụng vào và tạo ra mùi hôi.

- Các bệnh nấm trong miệng tạo mùi ngọt trái cây

- Răng giả không được chùi rửa sạch sẽ.

b- Một số thực phẩm có chất dầu gây hôi cho hơi thở như tỏi, hành. Các thực phẩm này sau khi được tiêu hóa, chất bay hơi của chúng đều được hấp thụ vào máu, lên phổi và theo không khí hít thở mà bay ra cửa miệng.

Mùi rượu sau khi uống vào cũng thoát ra như vậy trong hơi thở.



- Một số bệnh về bộ máy hô hấp như nhiễm trùng phổi kinh niên, viêm xoang mãn tính, chất lỏng ở sau miệng nhỏ giọt xuống cuống họng, ung thư phổi, viêm cuống họng, tiểu

đường với mùi trái cây hư hỏng, bệnh gan mật trứng thối, thận mùi tanh cá ươn, rối loạn tiêu hóa cũng tạo ra hơi thở hôi. Đặc biệt là bệnh nhân tiểu đường là hay bị bệnh nứt răng, máu lưu thông giảm, dinh dưỡng kém, nước mau hư.

Những bệnh về bao tử ít gây ra hôi miệng vì van thực quản-dạ dày luôn luôn khép kín, hơi không bốc lên được ngoài trừ khi ói mửa hoặc ợ chua, trào ngược nước chua từ bao tử vào thực quản, thoát vị khe thực quản (hiatal hernia) hoặc hẹp môn vị (pyloric stenosis).

Nhiễm trùng tổng quát, bị nóng sốt làm cho miệng khô.

d- Rối loạn về sự co bóp của bao tử, thực phẩm chậm tiêu hóa ở lâu trong dạ dày, bị lên men cũng tạo ra mùi hôi, nhất là khi ta ợ.

e- Một nguyên nhân Tâm Lý là nhiều người quá chú tâm tới dung nhan mình, có ảo tưởng là cơ thể mình hư hỏng, phát tiết ra mùi khó chịu. Nhiều người mỗi khi nói chuyện là che miệng, như thể là miệng mình hôi.

g- Trong thời kỳ kinh nguyệt cũng hay có mùi hôi lưu huỳnh từ miệng gây ra do thay đổi kích thích tố trong cơ thể.

h- Dược phẩm gây ra khô miệng cũng gián tiếp tạo mùi hôi như thuốc chống dị ứng benadryl, trị tâm thần, trầm cảm, thuốc lợi tiểu tiện, trị bệnh Parkinson, cao huyết áp

## Phân tích mùi hôi

Đa số mùi hôi là do chất hơi có lưu huỳnh (Sulfur), như hydrogen sulfide có mùi hôi trứng thối, methyl mercaptan, và dimethyl disulfides. Đôi khi, mùi hôi do những chất hơi acids béo (fatty acids) như propionic, butyric, hay valeric acids hay những chất amin (indole, skatole, cadaverine và putrescine).

Bình thường các chất này được hòa tan trong nước miếng và hấp thụ vào tế bào ở miệng. Nhưng khi có quá nhiều hoặc miệng quá khô, chúng sẽ tỏa ra hơi thở từ miệng, khiến cho hơi thở kém thơm tho.

## Chẩn đoán hôi miệng

Nhiều người cứ tự hỏi không biết miệng mình thơm hôi ra sao nhất là khi cần rù rì tâm sự sát với tai người khác. Sau đây là mấy phương thức:

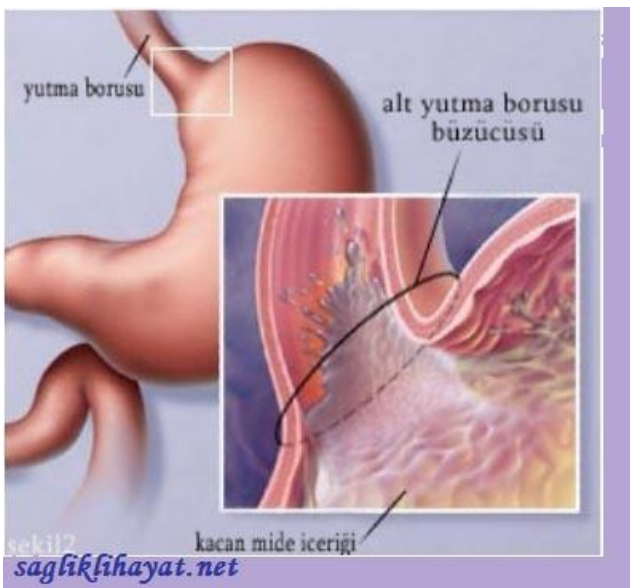
- Tự mình tìm hiểu bằng cách thở hoặc bôi nước miếng vào lòng bàn tay đợi vài giây cho nước miếng khô rồi hửi xem thơm hôi ra sao.

- Khi ta bịt mũi thở ra bằng miệng mà thấy hôi thì đa phần là mùi xuất phát từ miệng. Ngược lại ngậm miệng thở ra bằng mũi mà hôi là do bệnh cơ quan nội tạng. Mùi hôi ngấm vào máu, thoát lên phổi rồi thở ra ngoài.

- Nhờ người khác khám phá khi họ kề sát mũi vào miệng mình hửi hơi thở. Nhớ giữ khoảng cách an toàn, tránh nước miếng văng vào mũi miệng mình.

- Dùng máy khám phá mùi hôi (Halimeter). Máy rất chính xác có thể đo nồng độ cao thấp khác nhau của mùi lưu huỳnh trong hơi thở.

Thử duyệt lại các nguyên do kể trên,



xem mình ở vào trường hợp nào rồi ta từ từ loại bỏ, chữa trị.

### Điều trị

Về điều trị thì xin đề nghị các phương thức sau đây:

a- Nguyên nhân thông thường nhất của hôi miệng là từ miệng.

Đề nghị với cô để ý nhiều đến vấn đề vệ sinh răng miệng. Đánh răng sau khi ăn, nhất là nếu có thói quen hay ăn vặt, ưa món ăn ngọt. Không cần dùng kem đánh răng, mà chỉ cần chà nhẹ mặt trong mặt ngoài của răng cho sạch hết thức ăn sót trong miệng, đặc biệt là ở kẽ răng.

- Mua thêm dây chỉ nylon (Dental Floss) để chà khe răng cho sạch thức ăn kẹt ở đó.

- Nên khám Nha sĩ coi có bị sâu răng, nhiễm độc nướu thì xin chữa.

- Giữ miệng ẩm ướt bằng cách lâu lâu uống một chút nước.

- Nếu lưỡi đóng bựa, bám nhiều vi khuẩn thì cạo cho hết, nhất là mặt sau của lưỡi.

b- Xin bác sĩ khám nghiệm coi có các bệnh kinh niên như tôi kể trên và điều trị.

Có thể tạm thời làm giảm mùi hôi với:

- Nhai kẹo cao su không đường để tăng tiết nước miếng mà công dụng là vừa loại các miếng bựa vừa diệt vi khuẩn trong miệng,

- Súc miệng với các mỹ phẩm làm thơm miệng. Các chất này chỉ có tác dụng che đậy, làm bớt hôi miệng trong thời gian ngắn sau khi dùng, chứ không trị dứt được hôi miệng.

- Trái cây có nhiều chất xơ như táo, cà rốt, lê khi nhai có thể làm sạch miệng.

- Ăn một ly sữa chua, một miếng pho mát cũng có tác dụng sạch miệng, trừ hôi.

- Các loại cây lá có mùi thơm như quế, gừng, rau mùi tây, bạc hà, hồi, chè xanh... cũng tạm thời át mùi hôi ở miệng.

- Pha một chút bột nở baking soda với nước cũng diệt vi khuẩn, giảm mùi hôi ở miệng.

- Mạnh hơn nếu pha 50% nước oxy già hydrogen peroxide với 50% nước rồi súc miệng. Đây là dung dịch diệt trùng rất tốt.

Nhớ đừng quá chén, nhiều rượu hoặc cà phê, vì các chất này lợi tiểu, làm miệng mau khô, lời nói không dẻo mà vi khuẩn lại tăng sinh, hôi miệng.

**Bác sĩ Nguyễn Ý Đức M.D.**

[www.bsnguyenyduc.com](http://www.bsnguyenyduc.com)



## CHIỀU NGHE TIẾNG CHIM CU

*Nghe tiếng chim Cu phương trời viễn xứ  
Chạnh lòng ta miền cố xứ xa xôi!  
Áo vai mỏng, gót mòn đời lữ thứ,  
Nẻo mây ngàn còn đọng bóng chiều trôi.*

*Giữa bộn rộn bao sắc màu dâu bể  
Muôn âm thanh lay động mấy vui buồn!  
Theo dòng đời, dẫu lên tuông ngạo nghễ  
Cát bụi mê lâm chìm dưới hoàng hôn.*

*Trăng vẫn nhớ bao mùa về Hiệp Phố  
Con thuyền xưa, dù tách bến xa xưa.  
Vẫn lay động mái chèo trên sóng nước,  
Tình trăng sao còn hẹn buổi giao mùa.*

*Chim Cu gáy, tiếng rơi trong bóng nắng  
Dấu thời gian chầm phá xuống quê hương.  
Trời cố xứ vẫn muôn trùng xa vắng,  
Nhưng lòng ta nào lạc giữa mê đường!*

Florida, tàn đông 2021

*thơ* MẶC PHƯƠNG TỬ

# CON THUYỀN NGƯỢC NƯỚC

(Phần 8, Chắp Tay Lạy Người)

Nguyễn Minh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

*tiếp theo kỳ trước)*

Tô Đông Pha am hiểu Phật pháp, thường giao du thân thiết với thiền sư Phật Ấn (佛印) và cùng vị này trao đổi về sở học. Thiền sư Phật Ấn là một cao tăng thời bấy giờ, chẳng những uyên thâm về Phật pháp mà cũng rất giỏi về văn chương. Tô Đông Pha là bậc văn tài cái thế, thường cùng ngài Phật Ấn bàn luận về văn thơ, Phật pháp, đôi bên đều rất tâm đắc. Những tác phẩm của Tô Đông Pha thường không chỉ là văn chương điêu luyện, ngôn từ mỹ lệ, mà ý nghĩa cũng rất sâu sắc, hàm chứa những đạo lý thâm thúy mà ông học được từ Phật pháp. Vì thế, ngoài thiền sư Phật Ấn ra ông cũng ít khi tìm được người tri âm tri kỷ để giải bày hay trao đổi về những thơ văn hàm chứa đạo vị.

Một hôm, Tô Đông Pha ngẫu hứng làm được một bài thơ hay, ý tưởng sâu xa, rất lấy làm đặc ý, nguyên văn như sau:

稽首天中天,

毫光照大千,

八風吹不動,

端坐紫金蓮。

Khể thủ Thiên trung thiên,

Hào quang chiếu đại thiên,

Bát phong xuy bất động,

Đoan tọa tử kim liên.

Tam dịch:

Đê đầu lễ Thế Tôn,

Hào quang soi khắp chốn,

Tám gió thổi không lay,

Trang nghiêm ngự sen hồng!

Tô Đông Pha làm được bài thơ rồi, hứng chí muốn tìm người để chia sẻ, liền nghĩ ngay đến thiền sư Phật Ấn. Khổ nỗi, ông đang Hoàng Châu, bên bờ phía nam của Trường giang, còn chùa Quy Tông mà ngài Phật Ấn đang trụ trì lúc đó lại nằm bên bờ phía bắc của con sông. Vì thế, ông không tiện đến gặp thiền sư, liền chép ngay bài thơ bỏ vào phong bì niêm lại, giao cho một tiểu đồng, dặn phải gấp rút đi thuyền sang bên kia sông trình cho thiền sư Phật Ấn xem, trong lòng

định ninh thế nào thiền sư cũng sẽ hết lời khen ngợi kiệt tác này.

Mà bài thơ của Tô Đông Pha quả là hay thật, lại hàm ý rất sâu xa! Xem ra khi làm bài thơ này, ông đã thấy biết được hết thảy mọi công phu tu tập chẳng qua chỉ là để vượt thoát sự chi phối của bát phong, tám ngọn gió đời. Vì thế, khi xưng tán đức Phật ông đã chọn không nói đến công hạnh nào khác mà chỉ nêu bật một câu: “Bát phong xuy bất động.” Theo như bài thơ này mà hiểu, thì ông cho rằng bất cứ ai đã thoát khỏi hoàn toàn sự chi phối của tám ngọn gió đời, người ấy xứng đáng được tôn xưng là Phật. Hay nói cách khác, chỉ có đức Phật mới hoàn toàn thoát được sự chi phối của bát phong, có thể an nhiên bất động trong mọi hoàn cảnh.

Nhưng muốn thoát được sự chi phối của bát phong, như đã nói trên, không có cách nào khác hơn là phải phá trừ hoàn toàn chấp ngã. Trong Thành duy thức luận (quyển 1) có nói: “Phiền não của chúng sinh vô số chủng loại, đều có gốc rễ nơi chấp ngã. Nếu không có chấp ngã, ắt không có phiền não.” Dứt sạch phiền não, đó chính là Phật! Cho nên, cách hiểu của Tô Đông Pha như vậy không phải là không có lý.

Nhưng chấp ngã có nhiều mức độ, từ thô (dễ thấy) đến tế (tinh vi, khó thấy), nên chỗ hiểu của Tô Đông Pha tuy đúng mà chưa đủ, bởi ông chưa có công phu tu tập để thấy được phần vi tế nhất của chấp ngã, do đó mới ngỡ rằng mình đã thông đạt được vấn đề.

Chính vì vậy, bài thơ của ông còn có một hàm ý thứ hai. Ông không chỉ dùng những câu trên để xưng tán đức Phật! Vì bài thơ chia làm hai khổ rõ rệt, nên người đọc tinh ý sẽ nhận ra ngay là khổ thơ đầu (2 câu) ông xưng tán đức Phật, còn khổ thơ sau ông hàm ý muốn bày tỏ chỗ sở đắc của mình trong sự tu tập. Nói cách khác, nhà thơ khi ấy cho rằng mình đã đạt được đến chỗ “bát phong xuy bất động”.

Thiền sư Phật Ấn là người uyên thâm Phật pháp, lại rất giỏi văn chương, nên vừa xem qua đã nhận ra ngay điều đó. Ngài thầm

ngĩ, người bạn này tuy đã có chút sở đắc về Phật pháp, nhưng hiện đang bị sự kiêu mạn xô đẩy đi lầm đường lạc hướng, nhất định cần có một tiếng chuông cảnh tỉnh. Nghĩ rồi, ngài không nói lời nào, chỉ lặng lẽ cầm bút phê ngay vào bên dưới bài thơ hai chữ “phóng thí” (放屁) thật lớn. Xong, ngài niêm kỹ lại và giao cho tiểu đồng mang về.

Phóng thí có nghĩa là xả hơi trong người ra về phía dưới, hay trung tiện, mà nói nôm na là đánh rắm. Đọc một bài thơ mà phê vào hai chữ ấy, khác nào như ta nói “văn chương thối”! Đây không phải là chê bai nữa, mà là miệt thị, khinh bỉ.

Tiểu đồng mang thư về trao lại, Tô Đông Pha nôn nóng hỏi: “Thầy đọc thơ có nói gì chẳng?” Tiểu đồng thưa: “Không nói gì, chỉ thấy phê vào mấy chữ rồi đưa con cầm về.”

Tô Đông Pha trong lòng hoài nghi, lập tức mở thư, không biết thiền sư nhận xét về bài thơ của mình như thế nào. Ngờ đâu mở ra chỉ thấy hai chữ “phóng thí” thật lớn. Lửa giận bốc lên, khí uất tuôn tràn, trong lòng ông thầm nghĩ: “Có lý nào lại như thế? Đã chẳng khen ngợi thì thôi, bài thơ này có chỗ nào thô thiển đến nỗi phải phê vào hai chữ như thế! Lão tăng này quả thật quá đáng!”

Càng nghĩ càng tức, cho đến lúc không chịu được nữa, ông nhất định phải thân hành đến gặp Phật Ấn để hỏi cho ra lẽ. Thế là ông lập tức đi ra bến sông, lên thuyền vượt Trường giang để đến chùa Quy Tông. Trên đường đi, gió sông lồng lộng mà ông vẫn thấy như đang ngồi trên đồng lửa, trong lòng nôn nóng chỉ mong sao cho thuyền đi nhanh đến nơi.

Ngờ đâu, khi ông lên chùa rồi, vừa vào đến nhà khách thì vị tăng tri khách đã lạnh lùng thông báo: “Hôm nay thầy không tiếp khách!” Hóa ra ngài Phật Ấn đã dự liệu trước mọi chuyện, nên dặn thầy tri khách nói với ông như vậy. Lúc này, Tô Đông Pha không còn kiềm được cơn giận, lập tức đứng dậy xông thẳng vào phương trượng, không thềm dếm xia gì đến những lời của thầy tri khách.

Vừa đến phương trượng thì ông nhận ra là cửa vào đã khép kín. Ông dùng đũa gõ nổi giận, vung tay lên định đập cửa, bất chợt nhìn thấy phía trên cửa có dán một mảnh giấy lớn ghi hai câu thơ, rõ ràng là nét chữ của ngài Phật Ấn:

八風吹不動，

一屁過江來。

Bát phong xuy bất động,  
Nhất thí quá giang lai.

Tạm dịch:

**Tám gió dù thổi không động,  
Một “cú” vượt sông sang ngay!**

Tô Đông Pha vừa đọc qua hai câu thơ ấy, như người bị dội gáo nước lạnh, lập tức

bừng tỉnh thốt lên ngay: “Ta hiểu sai rồi!” Liền lặng lẽ quay về không nói thêm gì nữa. Từ đó ông ra công tu tập hành trì, không dám cho rằng mình đã thấu đạt Phật pháp.

Tô Đông Pha về sau có soạn tập Đông Pha thiên hỷ, gồm 9 quyển, trong đó quyển thứ 9 có ghi lại một số đoạn văn đáp với thiền sư Phật Ấn. Tập sách này được lưu hành rộng rãi trong nhà thiền và được rất nhiều người khen ngợi. Điều này cho thấy sau khi nhận được bài học từ ngài Phật Ấn, ông đã thức tỉnh và biết tu tập đúng hướng nên mới đạt được những kết quả tiến bộ thực sự về Phật pháp.

Bài học mà thiền sư Phật Ấn dành cho Tô Đông Pha cũng là một bài học quý giá cho tất cả chúng ta. Trong Phật pháp, sự nghiên cứu học hỏi tuy không phải là vô ích, nhưng nếu không đi đôi với công phu tu tập hành trì thì không thể mang lại kết quả lợi ích thật sự. Tô Đông Pha khi suy xét về tác hại của tám cơn gió đời hẳn đã hiểu được hết sức thấu đáo, nhưng lại chưa có sự thực hành chống chọi với chúng. Vì thế, thiền sư Phật Ấn chỉ cần khơi dậy một cơn gió trong số đó cũng đủ để ông phải điều chỉnh, khổ não. Đến khi thiền sư đưa ra hai câu thơ “tả thực” giúp ông nhìn lại được chính mình, ông mới biết sự cảm nhận trước đó của mình là hoàn toàn sai lầm. Sự hiểu biết về lý thuyết không thể giúp ta chống lại được tác hại của bát phong! Vì thế, ông mới bắt đầu chú trọng đến thực hành tu tập và không còn tự mãn về sự uyên bác của mình nữa.

Mấy người trong chúng ta có thể được như Tô Đông Pha, biết kịp thời tỉnh ngộ? Chỉ cần có thể được như thế, sự tu tập phá trừ chấp ngã tuy có khó khăn nhưng không phải là chuyện không làm được. Hơn nữa, chỉ cần chúng ta không rơi vào sự tự mãn, biết chuyển cần tu tập thì lợi ích của công phu tu tập sẽ ngày càng tăng thêm, giúp ta có thể chống chọi một cách vững vàng hơn. Cho dù chưa đạt đến mức “bát phong xuy bất động”, nhưng cũng không đến nỗi bị chúng cuốn đi tan tác và đánh mất hoàn toàn sự tự chủ của bản thân mình.

Và như đã nói, sự phá trừ chấp ngã cũng khó khăn như kẻ chèo thuyền ngược dòng nước xiết, chúng ta không thể không liên tục nỗ lực, bởi chỉ cần một chút biếng nhác buông lơi là sẽ lập tức bị cuốn trôi theo dòng nước.

Tuy nhiên, ta cũng có thể mô tả theo một cách khác để vấn đề được hình dung tích cực hơn. Quan niệm chấp ngã của chúng ta giống như một gốc cây đại thụ đã lâu đời, nếu ta tiếp tục nuôi dưỡng, nó sẽ ngày càng cao to hơn nữa. Nhưng nếu ta nhận hiểu được vấn đề, không còn chăm bón tưới tẩm cho nó nữa, lại dùng búa rìu chặt vào từng



nhất để đốn hạ, thì cho dù chưa thể đốn ngã nó ngay nhưng trước mắt cũng đã làm cho nó ngưng không còn phát triển, và còn bị ta ngày ngày đẻo gọt cho suy yếu đi, thì chắc chắn rồi cũng sẽ có một ngày nó hoàn toàn bị ta đốn ngã.

Như vậy, ta phải đẻo gọt cây đại thụ chấp ngã như thế nào? Hãy thường xuyên quán chiếu về tính chất giả tạm và vô thường của chính bản thân ta và thế giới quanh ta, cũng như sự giả hợp của năm uẩn tạo thành "cái ta" tạm bợ này. Không có gì là chắc thật, bền lâu! Tất cả đều do các nhân duyên hòa hợp tạo thành, mà bản thân các nhân duyên đó vốn luôn biến đổi, không có gì bền chắc, nên ta không thể tìm thấy bất kỳ điều gì thật sự bền chắc trong thế giới nhân duyên giả hợp đó.

Với sự quán chiếu thường xuyên như thế, ta sẽ bắt đầu tỉnh táo nhận ra được những tác động của quan niệm chấp ngã đối với mỗi một tư tưởng, lời nói và hành vi của ta. Khi nhận biết được như thế, ta sẽ bắt đầu có được sự tự chủ nhiều hơn trước khi quyết định làm bất cứ điều gì, thay vì chỉ hành xử theo một quán tính từ lâu đời, theo khuynh hướng bảo vệ và vun đắp cho một bản ngã vốn là không thật.

Sự quán chiếu thường xuyên xuyên về vô thường và vô ngã cũng giúp ta dập tắt hoặc ít ra cũng làm giảm nhẹ đi sự say mê và hứng khởi đối với những đối tượng trần cảnh. Không có sự say mê và hứng khởi đó, ta sẽ không bị lôi cuốn vào sâu hơn trong thế giới của ngũ dục, và do đó cũng không chịu nhiều tác động của bất phong. Khi ta không tham đắm nhiều đối với tiền bạc, của cải, thì những cơn gió lợi, suy không thể xô đẩy, lay chuyển được ta; khi ta biết xem danh vọng thế gian là bọt bèo giả tạm, thì những cơn gió hủy, dự, xứng, cơ đối với ta cũng không còn chiếm được tầm quan trọng; khi ta biết rằng mọi sự việc trong thế gian này đều vô thường, thoát có thoát không, thì những cơn gió khổ, lạc đối với ta cũng không có nhiều tác dụng...

Tuy nhiên, điều quan trọng nhất cần phải luôn ghi nhớ vẫn là bài học của Tô Đông Pha mà chúng ta vừa nhắc lại ở trên. Mọi sự thuyết lý vẫn chỉ là lý thuyết, và nội lực của chúng ta có được vững vàng hay không luôn tùy thuộc vào sự thực hành tu tập chứ không phải là sự am hiểu lý thuyết suông.

(Nguồn: rongmotamhon.net)

## TRÙNG TRÙNG DUYÊN KHỞI

*Người về- tưởng mộng còn xa  
Ngò đầu cuối tuyết bóng tà liêu trai  
Hùng đông cánh én miệt mài  
Nguyên xuân- kìa giọt sương mai nằm chờ  
Trùng trùng duyên khởi ban sơ  
Ngàn hoa- nở- thắm- trên tờ thư kinh...*

## GIỌT LỆ

*Anh không thể khóc - khi cần khóc  
Nắng-hạ-bên đời giọt đã khô  
Chỉ xin mẹ chút làn hơi ấm  
Như thuở vừa sinh- bật khóc rồ*

*Anh không thể khóc - khi cần khóc  
Trời đã sương chiều - chỉ thiếu mây  
Ngàn năm- dậm biển - đầu non gió  
Sao nở cảm chân... giọt lệ đây?!!!*

## thơ XUYÊN TRÀ



# The Story of the Bhikkhu Who Had Been a Trainer of Elephants

## *Dhammapada, Verses 323*

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (323) of this book, with reference to a bhikkhu who had previously been an elephant trainer.

On one occasion, some bhikkhus saw an elephant trainer and his elephant on the bank of the river Aciravati. As the trainer was finding it difficult to control the elephant, one of the bhikkhus, who was an ex-elephant trainer, told the other bhikkhus how it could be easily handled. The elephant trainer hearing him did as told by the bhikkhu, and the elephant was quickly subdued. Back at the monastery, the bhikkhus related the incident to the Buddha. The Buddha called the ex-elephant trainer bhikkhu to him and said, "O vain bhikkhu, who is yet far away from Magga and Phala! You do not gain anything by taming elephants. There is no one who can get to a place where one has never been before (i.e., Nibbana) by taming elephants; only one who has tamed himself can get there."

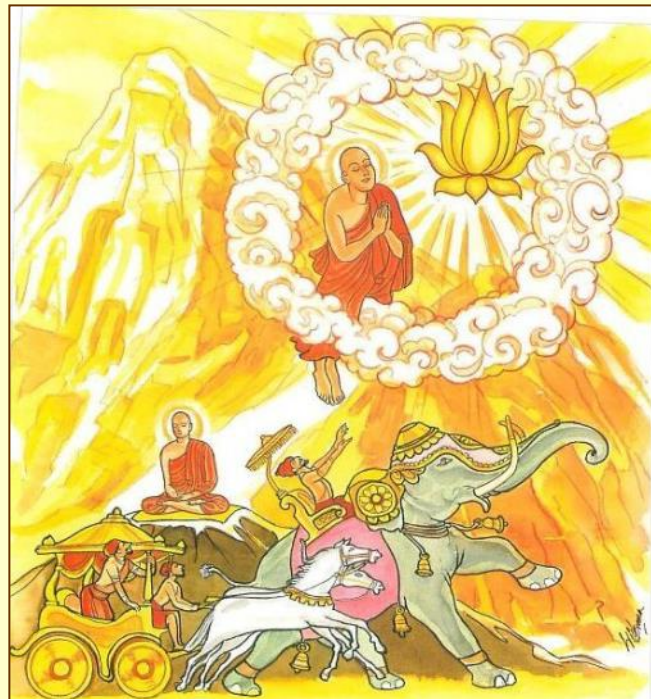
Then the Buddha spoke in verse as follows:

**Verse 323:** Indeed, not by any means of transport (such as elephants and horses) can one go to the place one has never been before (i.e., Nibbana); but by thoroughly taming oneself, the tamed one can get to that place (i.e., Nibbana).

Translated by

**Daw Mya Tin, M.A.,**

Burma Pitaka Association,  
Rangoon, Burma.



*With a true discipline one gets to that ungone region of Nibbāna, and not by any other means.*

323. *Nahi etēhi yānēhi  
gaccheyya agatāṃ dīsaṃ  
yathā'tanā sudantēna  
dantō dantēna gacchati. (23:4)*

Surely not on mounts like these  
one goes the Unfrequented Way  
as one by self well-tamed  
is tamed and by the taming goes.



## CHIM CÚ MÈO

Ngày xưa trên một cành cây  
Cú mèo làm tổ nơi đây lâu rồi  
Tổ chim gáy cũng gần thôi  
Đôi bên thân mật rong chơi tà tà.  
Cú mèo một bữa ghé qua  
Giã từ chim gáy, dọn nhà khỏi đây  
Ngạc nhiên chim gáy hỏi ngay:  
"Bác đi đâu thế? Chốn này đang yên!"  
Cú mèo: "Tôi phải dọn liền  
Dời nhà cho lẹ qua miền phía Tây!"  
Tò mò chim gáy: "Lạ thay  
Nơi đây sinh sống bao ngày êm xuôi  
An lành, thoải mái, vui tươi  
Tại sao bác lại muốn dời tổ đi?"  
Cú mèo: "Tôi chẳng dẫu chi  
Vùng này dân chúng ưa gì tôi đâu!"  
Dịu dàng chim gáy khuyên mau:  
"Chúng mình hàng xóm thân nhau lâu rồi  
Nên tôi thành thật ngỏ lời  
Chính vì tiếng bác người đời chẳng ưa  
Tiếng kêu buồn thảm vang đưa  
Nghe vừa chết chóc lại vừa tang thương  
Tưởng như xui xẻo trăm đường Cho nên nếu

bác bỏ phương Đông này  
Dọn nhà qua phía phương Tây  
Tiếng kêu chẳng chịu đổi thay chút gì  
Người ta cũng chẳng ưa chi  
Để rồi tìm cách đuổi đi sớm chiều,  
Bác mà thay đổi tiếng kêu  
Người ta chuyển ghét thành yêu mấy hồi!"

\*

Sau khi chim gáy dứt lời  
Cú mèo giận dữ về dời tổ ngay  
Bỏ đi mãi tận miền Tây  
Xa miền Đông bấy lâu nay muộn phiền  
Đúng lời chim gáy như khuyên  
Đúng như chim gáy đã tiên đoán rồi  
Tới miền Tây ít lâu thôi  
Cú mèo chẳng được mọi người mến ưa  
Người ghét bỏ, kẻ đuổi xua  
Cú mèo nửa hận, nửa như chán đời  
Bèn bay xa lánh loài người  
Xa luôn loài vật, mặt trời, mặt trăng  
Tìm núi thẳm, kiếm rừng hoang  
Nơi đây làm tổ vương mang hận lòng.

(thi hóa truyện cổ Phật giáo)

thơ

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

TRỞ VỀ MỤC LỤC

## BÁNH TRÁNG TRỘN XOÀI CHAY

(VNAC) - Món bánh tráng trộn này có vị chua chua của xoài, giòn giòn của đậu phộng và mùi thơm đặc trưng của rau răm, dùng chung với trà đá chanh hoặc bia chay (không cồn), vừa nhẹ nhàng mà vừa... rẻ nữa!



**Nguyên liệu:** (1 phần ăn)

- 2 bánh tráng, cắt sợi
- 1/2 mặt xoài xanh vàng, còn giòn (không sống cũng không chín), thái sợi
- 9 lá rau răm, thái nhỏ
- 1 miếng đạm chay (có thể thay thế bằng đậu hủ ky chiên, hoặc đậu hủ chiên), cắt sợi
- 2 muỗng canh đậu phộng rang

**Nước chấm:**

- 1/2 muỗng cà-phê ớt tỏi băm
- 1 muỗng cà-phê nước tương
- 2 muỗng cà-phê đường
- 3 muỗng cà-phê nước cốt chanh (khoảng 1/2 quả chanh)
- 4 muỗng cà-phê nước

**Thực hiện:**

- Cho bánh tráng, đạm chay, rau răm vào tô. Thêm xoài. Rưới nước chấm.



- Cho đậu phộng lên trên.



- Trộn đều tất cả nguyên liệu, để thấm chừng 2-3 phút cho bánh tráng vừa mềm. Thường thức ngay nhé, để bánh tráng không bị dính lại, sẽ dai đi.

**Hồng Hương / Việt Nam Ăn Chay**



## ĐỨC PHẬT

*Thân ngồi đây mà lòng mơ ngoài đời  
Cuộc đời hồng như mầu sơn trên môi  
Ước chi người ở khắp chốn nơi nơi  
Thấy, biết được cái hay của Phật giáo!*

*Càng ngẫm nghĩ lòng càng thâm cảm phục  
Phật xuất thân từ dòng dõi quân vương  
Áo hoàng bào, hia mào rực oai hùng  
Cả triều thần phải tung hô vạn tuế.*

*Quyền vua chúa con dân phải khuất phục  
Khấp sơn hà xã tắc nắm trong tay  
Muôn vui u, mỹ nữ cả một bầy  
Trong cung cấm toàn giai nhân quốc sắc.*

*Ngài nhất quyết gát cuộc đời vương giả  
Vui sao đành, khi nhân thế khổ đau  
Dem tài năng siêu việt cứu muôn loài  
Dem trí tuệ khai quang đời tăm tối.*

*Ngài từ chối ngai vàng ngôi tôn quý  
Chỉ một y, một bát, không cửa nhà  
Đôi chân trần giẫm đất máu tuôn trào  
Đá dăm nhọn, gai rìng đâm đau buốt.*

*Cơm một bữa, thợ trai bên rìng vắng  
Đôi mắt hiền, quanh đó là bầy nai  
Thoáng dăm chiêu hiện trên nét mặt Ngài  
Thương nhân thế đắm chìm trong khổ hải.*

*Tham, sân, si ngập tràn lòng nhân loại  
Khiến trầm luân sanh tử mãi đọa đày  
Phật mong sao xóa sạch nẻo luân hồi  
Đưa nhân loại đến con đường tươi sáng.*

*Ôi! Thế gian mịt mù mầu sương khói  
Mãnh hình hài có đó rồi lại không  
Tất cả đều lịm chết lửa vô thường  
Bên dòng đời thánng năm trôi lặng lẽ!*

*Con người từ lâu đi tìm chân lý  
Nhưng không ai có Phật nhãn như Ngài  
Phật thấu suốt tận: Góc-rẽ-ngọn-cành  
Trong khi bao chủ thuyết chỉ thấy cành, là.*

*Với con mắt tâm linh nhìn thấu thẳm  
Cả biển trời mây nước, khắp tam thiên  
Cho đến núi sông, cây cỏ, muôn loài  
Đều từ trong một Tâm này mà thôi.*

*Cái này có bởi cái kia cũng có  
Cái này không bởi cái nọ cũng không  
Chẳng phải thần linh, thượng đế làm ra  
Mọi hiện tượng do nhân duyên sinh khởi.*

*Ơn giáo hóa, ơn sâu dày vô tận  
Danh thơm Ngài muôn thuở mãi đề cao  
Đến chư thiên còn không ngớt ngợi khen  
Huống gì kẻ phàm phu còn thấp kém.*

*Đạo giải thoát, đây con đường lý tưởng  
Trước Phật đài xin thành kính ghi ơn  
Nguyện cho con cùng hết thầy chúng sanh  
Muôn ngàn kiếp đồng quy y Tam Bảo.*

(Kỷ niệm Mùa Phật Đản)

thơ **DIỆU VIÊN**

# Aida Mitsuo và Những Vận Thơ Thức Tỉnh Mộng Đời

HOÀNG LONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

**N**ếu xem thơ ca như là một cái cây bám rễ sâu vào lòng đất thì những nhà thơ với nhiều cách tân sáng tạo là những cành lá không ngừng đâm chồi làm cho cây vươn cao mạnh mẽ qua hàng ngàn năm. Cây haiku và tanka mọc lên từ nền đất văn hóa bản địa Nhật Bản với suối nguồn Phật giáo, không ngừng được vun bồi bằng những yếu tố hiện đại với những làn gió Tây phương để phát triển thêm những cành xanh mới, lá mới và hoa mới trong khu vườn Đông phương trầm mặc. Một trong những dòng thơ tiêu biểu đó là Aida Mitsuo (相田みつを), thi nhân và thư pháp gia lỗi lạc thời hiện đại, người được xưng tụng là “nhà thơ của sinh mệnh” (いのちの詩人).

Aida Mitsuo sinh ngày 20 tháng 5 năm 1924 tại Tochigi, một tỉnh nằm gần như chính giữa đảo Honshu, Nhật Bản. Sau khi tốt nghiệp trường trung cấp Ashikaga, ông bắt đầu quan tâm đến thơ ca, thư pháp và đã thụ giáo với Yamashita Mustu và Iwasawa Keiseki. Aida Mitsuo đã phát triển một dòng thơ độc sáng của riêng mình với tinh thần Thiền Tông. Thơ và thư pháp của ông gần như là những câu Thiền cú, thiền ngữ giúp người đọc thức tỉnh cơn mê lầm giữa dòng đời vội vã. Tác phẩm đầu tiên của ông “Bởi vì chúng ta là con người” (Ningen damono にんげんだもの) xuất bản năm

1984 đến nay đã bán được hơn bốn triệu bản. Ngoài ra ông còn để lại những tác phẩm “Mang ơn” (Okagesan おかげさん) và “Sinh mệnh toàn mãn” (Inochi ippai命 いっぱい). Ông mất năm 1991 tại tỉnh Tochigi vì xuất huyết não. Bảo tàng Aida Mitsuo đã được thành lập tại Tokyo để vinh danh ông cũng như để trưng bày các tác phẩm thư pháp và thơ ca. Aida Kazuto, con trai đầu của ông hiện là giám đốc của bảo tàng này.



Chân dung thi nhân, thư pháp gia Aida Mitsuo

Ta hãy bắt đầu hành trình thơ ca của Aida Mitsuo bằng bài thơ “Sinh mệnh”:

いのち  
アノネ  
にんげんはねえ

自分の意志で  
この世に生まれて  
きたわけじゃねんだな  
だからね  
自分の意志で  
勝手に死んでは  
いけねんだよ

## Sinh mệnh

Này bạn hỡi  
Con người sinh ra giữa  
trần gian  
Không phải do ý chí của  
mình riêng mang  
Vì thế  
Không bao giờ ta có thể  
Dùng ý chí cá nhân  
Tùy tiện chấm dứt sinh  
mệnh của mình (1)

Muốn sống hạnh phúc điều đầu tiên ta phải biết trân quý sinh mệnh của mình. Ta phải hiểu rằng có rất nhiều cơ duyên ta mới có thể được hiện diện nơi trần gian này. Theo như Aida, ta được sinh ra vì có việc gì đó ta nhất định phải làm. Đó là nhiệm vụ cũng chính là ý nghĩa cuộc sống.

私がこの世に生まれてきたのは  
私でなければできない仕事があるから  
何かひとつこの世にあるから  
なのだ  
Tôi được sinh ra trên trần gian  
Là vì trên cuộc thế

*Có việc gì đó mà chỉ riêng  
tôi mới có thể hoàn thành*

Muốn vậy ta cần phải  
dừng cảm để trở thành chính  
mình, chứ không phải trở  
thành con người mà xã hội  
hay người khác mong muốn  
ta trở thành. Sống trái bản  
tính của mình là điều phi lý.  
Nó không bao giờ mang lại  
cho ta được hạnh phúc và  
thành công.

トマトにねえ

いくら肥料をやったってさ

メロンにはならねんだなあ

*Cho dù bao nhiêu phân  
bón, khoai tây cũng không  
thể trở thành dưa gang.*

Và:

自分が自分にならないでだれ

が自分になる

*Nếu ta không trở thành  
chính mình*

*Thì ai sẽ trở thành chính  
mình đây?*



*Thủ bút bài thơ của Aida  
Mitsuo*

Nơi chính bản thân mình  
đã đầy đủ tất cả, không cần  
phải tìm kiếm xa xăm hay  
vọng tưởng làm gì.

そのままでもいいかな

*Cứ như vậy là được rồi*

Bài thơ đơn giản này thực  
ra cũng chính là điều bao

hiều thi nhân nhắn nhủ.  
Như Tagore đã từng nói "em  
thể nào thì cứ thế mà đến,  
chớ có loay hoay sửa soạn  
áo quần". Đây cũng là lời  
nhắc nhở để người Nhật và  
cả chúng ta đôi lúc phải bỏ  
qua chủ nghĩa cầu toàn,  
chấp nhận sự không hoàn  
hảo để rồi tiếp tục cố gắng  
chứ không thiêu đốt mình  
trong công việc. Biết dừng  
lại, biết bỏ qua nhiều khi  
cũng đồng nghĩa là biết  
sống. Và chân lý cao nhất  
của vũ trụ phải được thể  
hiện và tự thành trong  
những điều nhỏ bé mà kỳ  
diệu của cuộc sống hàng  
ngày.

Trong quá trình vươn lên,  
trở thành con người như  
mình mong muốn, việc thất  
bại là một phần cuộc sống,  
một nấc thang cho sự  
trưởng thành. Theo Aida  
Mitsuo thì đó cũng chính là  
một phần của bản tính con  
người.

つまづいたっていいじゃな

いか。にんげんだもの

*Vấp ngã thì đã sao?  
Chúng ta đều là con người  
cả.*

Ngoài ra đôi khi ta phải  
chấp nhận hoàn cảnh,  
những điều không thể thay  
đổi vì vũ trụ nhân sinh luôn  
lớn hơn bản thân mình.

雨の日には雨の中を

風の日には風の中を

*Vào những ngày mưa  
gió, ta đi về trong gió mưa*

Câu này sao nghe xa  
xăm đồng vọng với Taneda  
Santoka:

山あれば山を觀る雨の日は

雨を聴く

*Có núi thì ngắm núi ngày  
mưa thì nghe mưa.*

Hoàn cảnh nào cũng có  
nét thi vị riêng của nó, tạo  
thành những cung bậc và  
cảm xúc cuộc đời. Tất cả  
đều là chất liệu làm nên  
chính ta.

あのときの

あの苦しみも

あのときの

あの悲しみも

みんな肥料になったんだなあ

自分が自分になるための

*Tất cả những nỗi buồn  
đau khi ấy*

*Đều là chất liệu*

*Để trở thành tôi của ngày  
hôm nay*

Vì thế chúng ta phải nhìn  
sâu vào chính bản thân mình  
thay vì ngược nhìn ra ngoại  
giới, để hiểu mình biết mình  
thì mới có thể trở thành  
chính mình được. Đừng bị lừa  
bởi vẻ hào nhoáng bên ngoài.  
Điều quan trọng nhất luôn  
nằm ẩn giấu, khuất sâu. Như  
một câu Thiền ngữ nổi tiếng  
"đĩ tâm truyền  
tâm" (ishindenshin 以心伝心),  
chân lý không thể thấy được  
bằng mắt, không thể truyền  
đạt bằng lời mà phải cảm  
nhận bằng tâm trong cõi tịch  
lặng.

花を支える枝

枝を支える幹

幹を支える根

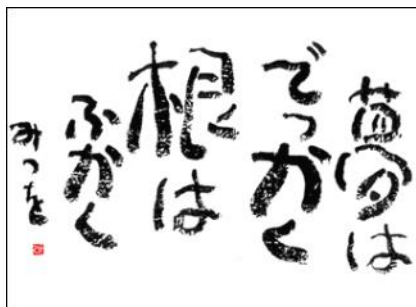
根は見えねんだあ

*Cành nâng hoa, thân đỡ  
cành, rễ nâng cây, nhưng  
không ai nhìn thấy rễ.*

Hơn một lần Aida Mitsuo  
nhắc lại điều quan trọng căn  
cơ và cốt tủy rằng "mộng  
càng lớn rễ càng sâu" (Yume  
wa dekkaku ne wafukaku 夢は

でっかく根はふかく) để nhấn  
mạnh đến sự chú tâm vào  
những điều quan trọng sâu  
xa ẩn kín và tập trung tu  
dưỡng thân tâm. Mượn hình  
ảnh của cây cao để nói về  
mộng lớn. Cây muốn vươn  
cao lên trời xanh bao nhiêu  
thì rễ phải cắm sâu vào lòng  
đất đen bấy nhiêu. Rễ càng  
sâu thì cành càng vững, hoa

nở càng lâu càng bền. Muốn nở bung đóa hoa sinh mệnh thì ta phải tập trung vào điều cốt tủy là rễ cây chứ không phải tập trung vào chính những đóa hoa. Cái điều tưởng như đơn giản này vậy mà ít người nhận thấy để cứ suốt đời đuổi theo mộng ảo phù du, ngắm hoa của kẻ khác. Và có lẽ sứ mệnh của thi ca là làm thức tỉnh những điều hiển nhiên mà vẫn không ngừng bị chúng ta che giấu bằng huyền ảnh của chính mình.



*Bức thư pháp "mộng càng lớn rễ càng sâu" của chính Aida Mitsuo*

Aida Mitsuo dạy cho chúng ta sự quan sát từ bậc

thầy thiên nhiên để thức tỉnh:

名も無い草も実をつける

いのちいっぱいの花を咲かせて

*Ngay cả loài cây không tên, cũng đều kết trái*

*Hãy nở bung trọn vẹn đóa hoa sinh mệnh chính mình*

Đừng quên sống trọn vẹn giây phút hiện tại:

人生において

最も大切な時

おれはいつでも

いんです

*Khoảnh khắc quan trọng nhất của cuộc đời luôn luôn là hiện tại.*

Và cứ như thế, những cố gắng mỗi ngày sẽ làm nên cuộc đời ta và tạo cảm hứng cho người sau và ngày mai chưa biết.

毎日毎日の足跡が

おのずから人生の答えを出す

綺麗な足跡には

きれいな水がたまる

*Vết chân đi mỗi ngày  
Hiện ra câu trả lời về cuộc sống*

*Nơi dấu chân đẹp để  
Vũng nước đọng cũng đẹp để thay*

Những dòng thơ đơn giản nhưng sâu sắc, gợi mở vô cùng của Aida Mitsuo sẽ luôn làm ta phải giật mình, ngẫm nghĩ và thức tỉnh về điều quan trọng nhất của bản thân mình, về thành công và cuộc sống hạnh phúc. Cũng như các câu Thiền ngữ, thơ Aida Mitsuo là một kho báu, cho chúng ta dùng mãi không bao giờ với cạn. Và cửa vào kho báu đó chỉ đơn giản là "ima koko" (いまここ). Tất cả sự nhiệm màu đều nằm trong phút giây hiện tại, cái khoảnh khắc "bây giờ" và nơi chốn "ở đây". Bởi khi biết sống trọn vẹn trong hiện tại thì đồng nghĩa ta đã "viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết Bàn" và đất trời sẽ là một mùa xuân bất diệt.

*Sài Gòn, tháng 4 năm 2021  
Hoàng Long*





# ĐỐI THOẠI VỚI “QUỶ VƯƠNG PHIÊN NÃO”

ĐÀO VĂN BÌNH

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Tại Kinh Thành có một vị cư sĩ, có thể nói là bậc “Thiên kinh vạn quyển”, viết không biết bao nhiêu bài bình giảng về giáo lý, ăn chay trường, tụng kinh niệm Phật, qua tận Ấn Độ học Thiền. Nói tóm lại đây là bậc tu hành tới nơi tới chốn... thế mà trong lòng vẫn cứ phiền não.

Phiên não ở đây là vẫn còn xao xuyến, lo âu về cái sống cái chết. Ngoài ưu tư chuyện gia đình, tiền bạc, lại còn mắc mứu vào chuyện đời, chuyện cộng đồng, chuyện làng, chuyện nước và thậm chí cả chuyện thể giới. Chuyện đá bóng World Cup cũng làm ông vui buồn cả tháng trời. Trong những lúc ngồi Thiền, quán tưởng thấy mình tu hành như thế thật uổng công. Hơn ba chục năm vẫn là phàm phu cho nên theo lời dạy của Đức Phật, ông viết tên của Đức Phật Bất Động Trí Quang trên một tờ giấy, đánh lễ và tha thiết cầu xin Đức Phật chỉ bảo cho phương tiện giải trừ phiền não. Một ngày kia, trong lúc đang quán tưởng thì từ không trung có tiếng nói vang lên:

- Ta là Phật Bất Động Trí Quang. Ta hiểu được “căn bệnh” của ông. Muốn giải trừ căn bệnh này không gì hơn là nói chuyện với Quý Vương Phiên Não. Ta sẽ đưa Quý Vương Phiên Não tới gặp ông.

Trong chớp mắt, từ trên không trung có tiếng nói vang vang cất lên:

- Chào cư sĩ. Tôi là Quý Vương Phiên não do Đức Phật

Bất Động Trí Quang sai tới. Cư sĩ muốn hỏi tôi chuyện gì?



- Dạ, tôi muốn ông giúp tôi đoạn trừ phiền não.

Từ trên không trung có tiếng cười lớn:

- Cư sĩ mời tôi đến để tìm cách đoạn trừ phiền não, vậy cư sĩ muốn giết tôi phải không?

Nghe hỏi đùa như thế, vị cư sĩ lúng túng, nhưng cuối cùng không còn cách nào khác nên nói bừa.

- Dạ đúng vậy.

Từ trên không trung tiếng của Quý Vương Phiên Não cất lên:

- Tôi vốn không có hình tướng, không hề hiện hữu trên thế gian này. Thế nhưng do chúng sinh tham-ái mê luyện vào cuộc sống này cho nên tôi mới có mặt. Tôi thống trị thế gian này từ khi có con người. Do đó

muốn đoạn trừ phiền não thì phải hiểu tôi là ai. Tôi có mặt ở khắp hư không, ba đời, hiện tại, quá khứ, vị lai. Không nơi nào mà không có phiền não. Không nơi nào mà không có sự hiện diện của tôi. Tôi có thể vào trong cung vàng điện ngọc để náo loạn vua chúa dù vua chúa ở Tử Cấm Thành hay có thiên binh vạn mã canh giữ. Tôi có thể vào trong chùa, trong tịnh thất, trong thiền đường để làm cho cao tăng, cư sĩ, vui buồn sướng khổ. Tôi làm việc 24/24 giờ không bao giờ ngưng nghỉ. Điều đó có nghĩa là phiền não có thể nảy sinh bất cứ giây phút nào từ lúc con người sinh ra cho đến khi diệt mất, không trừ một ai.

- Khi cư sĩ khởi một niệm thương-ghét là tôi có mặt liền.

- Khi cư sĩ khởi một niệm ham muốn, dù ham muốn bất cứ cái gì thì tôi sẽ đến chào cư sĩ ngay.

- Khi cư sĩ thọ nhận một số tiền, một ân tình, một quà biếu... là tôi đã có mặt ở trước cửa nhà cư sĩ giống như một người giao hàng vậy.

- Khi cư sĩ khởi một niệm đúng-sai, chấp trụ vào Có - Không, thì bằng mọi giá tôi sẽ đến gặp cư sĩ ngay.

- Khi cư sĩ cầu mong cái gì. To lớn như cầu mong đắc quả, cầu mong trúng số, cầu mong giàu có. Nhỏ bé như cầu mong đội bóng mà cư sĩ yêu thích chiếm giải vô địch... thì tôi đã nằm ngay trong tim não của cư sĩ rồi.

- Khi cư sĩ thấy ai hơn mình mà khởi một niệm ghen

ghét thì làm sao thoát khỏi tôi.

- Khi cư sĩ vui khi có ai khen mình, buồn khi có ai chê mình thì tôi sẽ gõ cửa nhà cư sĩ.

- Khi cư sĩ còn ham mê chức vụ, danh vọng, tầm tiếng tức là cư sĩ muốn tôi ngồi cùng bàn với cư sĩ.

Nghe Quý Vương Phiền Nã nói thế, vị cư sĩ buồn rầu nói:

- Phiền Nã có đầy ở hư không, cái gì cũng gây phiền não cả, nếu nói như ngài thì chỉ có gỗ đá mới không có phiền não sao?

Quý Vương Phiền Nã cười lớn, hỏi:

- Đức Phật có phải là gỗ đá không?

- Dạ thưa không?

- Hàng Bồ Tát, A La Hán có phải là gỗ đá không?

- Hoàn toàn không.

- Vậy tại sao các vị này không có phiền não? Thưa cư sĩ, mọi chúng sinh đều có thể đoạn trừ phiền não. Chỉ vì chúng sinh không biết cách làm mà thôi.

Nghe tới đây vị cư sĩ đáp lại:

- Ngài trách chúng sinh như vậy là không đúng. Một số chư Tổ dạy rằng "**Phiền não là Bồ Đề**". Nếu "Phiền não là Bồ Đề" thì chúng sinh cần gì tu hành, cần gì tìm cách đoạn trừ phiền não? Cứ sống khời khời, ngụp lặn trong phiền não là có Bồ Đề thôi. Vậy thì lỗi đâu phải tại chúng sinh?

Nghe nói vậy Quý Vương Phiền Nã cười lớn:

- Xin cư sĩ đừng hý luận. **Phiền não là khổ đau. Bồ Đề là giác ngộ, an vui, giải thoát.** Nếu "Phiền não là Bồ Đề" thì chẳng khác nào đám cưới là đám ma, mất tiền là được tiền, thi rớt là thi đậu, trí tuệ là ngu si, bệnh tật là sức khỏe, lêu lổng là tu hành! Nếu như vậy thì chư Phật, chư vị Bồ Tát ra đời để dạy dỗ chúng sinh phương pháp diệt khổ để làm gì? Xin chớ nói "**Phiền não là Bồ**

**Đề**". Tôi làm sao có thể ví với Phật, Bồ Tát, A La Hán và thánh tăng?

Dường như bị thuyết phục bởi lý luận quá sắc bén của Quý Vương Phiền Nã, vị cư sĩ thờ dài nói:

- Tôi tu hành công phu miệt mài hơn ba mươi năm, nhưng tại sao vẫn cứ phiền não? Tu như vậy mà không đúng cách sao?

Nghe nói thế, Quý Vương Phiền Nã lại cười lớn, nói:

- Cư sĩ chỉ tu tướng chứ không tu tâm. Tụng kinh niệm Phật, ăn chay, đi lễ chùa, thuyết giảng cho hấp dẫn nhiều người nghe vẫn là tu tướng. Chỉ có tu tâm mới đoạn trừ được phiền não. Tôi có thể gây phiền não cho hằng hà sa số chúng sinh nhưng không sao nhiều loạn được các bậc tu hành như sau. Tất cả các bậc tu hành như thế này - tôi đều cúi đầu đánh lễ.

- Đối cảnh mà vô tâm.

- Ứng vô sở trụ.

- Niệm Phật nhất tâm bất loạn.

- Luôn luôn giữ gìn chánh niệm từng bước đi, từng hơi thở, từng động tác.

- Thấy mọi vật hiện ra trước mắt như hoa đốm giữa hư không, như một giấc chiêm bao, như coi màn tuồng diễn trên sân khấu.

- Dù không ngồi thiền mà đầu óc luôn luôn ở trạng thái Định.

- Thưa cư sĩ, các bậc tu hành như vậy nếu không là Phật thì cũng là Bồ Tát, A La Hán, thánh tăng hay thiện sư và tôi không thể nào nhiều loạn họ được.

Nghe tới đây, vị cư sĩ hốt nhiên đại ngộ, thấy mình như vừa ra khỏi cơn mê, bái vọng Đức Phật Bất Động Trí Quang rồi nói với Quý Vương Phiền Nã rằng:

- Cảm ơn ngài và tôi hy vọng sẽ không bao giờ gặp lại ngài nữa. Chào tạm biệt!





# Chùm tứ cú lục bát về “Mở & Khép”

## NGÀY MỚI

Chào nhau ngày mới nắng vàng  
Từng tia hi vọng âm tràn ước mơ  
Chào nhau ngày mới bài thơ  
Tiễn ngày qua đã xa xưa nụ cười.

## MẮC CẠN

Vẫn còn đó nước xanh nguồn  
Câu thơ chén rượu buồn tuồng tử sinh  
Bãi tình bờ oán lung linh  
Ngu ngơ mắc cạn bất bình khóc thơ.

## LỤC BÁT

Em khui câu lục mướt mà  
Tôi bưng câu bát vô nhà xông hương  
Xương tuyền ngâm khúc yêu đương  
Trời quang mây tạnh, khắp vườn nở hoa.

## Ở ĐÂY, Ở ĐÂU?

Ở đây, tôi đã ở đây  
Là tôi hiện hữu, kiếp này có tôi  
Trả thân tro bụi lâu rồi  
Còn nghe bia mộ hỏi lời ở đâu?

## TRI ÂN

Chữ A em đọc nên vần  
Em run nét chữ với lần đầu tiên  
Bóng thầy tỏa mát một bên  
Chữ Ân em khắc tim mình không phai.

## HOA GIẤY

Tường xưa hoa giấy phủ rào  
Sớm chiều qua lại nhìn vào tìm ai  
Môi nàng chúm chím nắng soi  
Ba mươi năm đã nhạt phai đồ hồng.

## VẼ TÔI, VẼ EM

Vẽ tôi đầu góc si mê  
Vẽ em một suối tóc thè gió reo  
Vẽ tôi thân đối xác nghèo  
Vẽ em tuyệt mỹ đã theo gót chồng.

## ĐAU

Biết rằng có hợp có tan  
Mà sao lúc rã nóng rang mặt mày  
Niềm tin còn một chút này  
Mai sau chẳng biết có ngày tái sinh?

## NÓI & NÍN

Huyền thiên xấu tốt, đất trời  
Cổ kim lưu loát tuôn lời người nghe  
Bóng trầm hoạt bát khen chê  
Tôi chiều gặp vợ lúc về nín câm.

## LỜI THẬT

Chỉ xin ba phút cuối cùng  
Trung ngôn nghịch nhĩ một lần trút trao  
Khi vun đắp, lúc vơi hao  
Ván bài lật giữa ghen ngào làng vắng!

## CÓ HƯƠNG

Nhau chôn rón cắt đất mềm  
Bôn ba ôm những nỗi niềm nhớ thương  
Một ngày đẹp quy cố hương  
Bóng thu bé bóng, chân vương nặng tình.

## NGÓNG TRÔNG

Mái tây vắng vẻ ưu sầu  
Còn tôi hiu quạnh đứng lâu mái đông  
Mặt trời vừa mọc đã trông  
Hoàng hôn vừa xuống cõi lòng nóng sôi.

## LE LÓI

Tình như đóm đóm lập lòe  
Phiêu linh rơi xuống tay xòe đón sao  
Đêm buồn sưởi ấm cho nhau  
Chút tình le lói mai sau nhắc đời.

## MỞ & KHÉP

Văn chương gói ghém tự tình  
Một ngày trần trụi tìm mình vỡ đôi  
Em cười, mưa đội, nắng soi  
Tôi co quắp lại đất trời khép duyên.

## VỠ MỘNG

Thêm hoang loang lỗ gạch mềm  
Bụi vương, mưa hắt nỗi niềm xa xưa  
Chính trường vua giặc thắng thua  
Mộng dài vỡ bọt giỡn đùa giai nhân.

thơ

TÂM KHÔNG VĨNH HỮU

# Truyện cực ngắn

STEVEN N.

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



## AI BIẾT RỒNG RA SAO

Miền đông Nam Bộ năm ấy có người bỗng dưng hô hoán mình chứng đắc A La Hán. Việc này làm xôn xao dư luận cả Phật tử tại gia lẫn hàng xuất gia. Một số ít tin thật, ra sức quảng bá ca tụng vị ấy như thánh tái xuất. Đại đa số thì phản đối, có người bảo:

- Đã chứng đắc thì hãy chứng minh đi?

Cũng có kẻ lý luận:

- Phạm xưa nay những bậc chứng đắc rất lặng lẽ, chẳng lộ hành trạng, người đời tuyệt nhiên không hay biết. Bồ Tát bằng đất qua sông thì nguy hiểm lắm!

Đệ tử đem sự việc hỏi thầy, lần đầu thầy cười mỉm, lần thứ hai vẫn cười mà không nói chi, hỏi lần thứ ba thì thầy kể chuyện:

- Năm xưa trạng Quỳnh nhúng mười đầu ngón tay vào nghiên mực vẽ ngoằn nghèo trên giấy bảo là rồng. Thiên hạ cãi nhau chí chóe, kẻ bảo rồng, người nói giun. Có ai biết rồng ra sao mà dám khẳng định đó là rồng hay giun!

## Ở Đâu RA

Có người thuộc lòng Tâm Kinh nên ngỡ mình giỏi, hiểu biết hết Phật pháp. Ý chấp không mà lý sự:

- Tứ đại giai không, họa phúc cũng không, tất cả đều không.

Bạn y vả vào má y một phát thật mạnh, y nổi giận:

- Đau lắm à nhen! Một lần nữa tui hồng nhin đầu!

Bấy giờ bạn y cười:

- Tứ đại giai không, vậy cái đau từ đâu ra? Cơn giận từ đâu tới?

Y ngượng nghịu không trả lời được:

- Hóa ra Tâm Kinh không đúng ư?

Người bạn không cười nữa, bảo y:

- Tâm Kinh không sai, chỉ có người hành trì và hiểu văn tự không thì chưa thể dụng được việc chi.

## CHUỘC TỘI

Thời buổi dịch bệnh tràn lan, xã hội cấm túc nên việc tu học ở các đạo tràng cũng đình chỉ, may thay có mạng internet nên các nhóm trực tuyến được mở ra. Một Phật tử hỏi:

- Bạch thầy, có nhiều người hành xác như xiên lìn, làm chảy máu, mang vác vật nặng... Họ hy vọng chuộc tội để cứu rỗi, vậy có thật giải được tội chăng?

Thầy nhả nhủ:

- Mình nói chuyện mình, đừng đề cập đến đức tin của người khác.

Anh ta lại hỏi:

- Hành xác có thể giảm nghiệp xấu?

Thầy:

- Tại anh không chịu học và đọc, vấn đề này Thế Tôn đã thân chứng từ thuở ban đầu. Giả sử có một ly nước muối, anh muốn bớt mặn thì cho thêm nước lọc vào, còn

nếu suốt ngày bái lạy hay liếp láp ly nước đến mòn lưỡi nước muối cũng đâu thể nào hết mặn.

Cuối buổi gặp mặt, thầy nhả nhủ cả nhóm:

*Hành xác hoại thân chỉ thêm đau khổ phiền não chẳng thể đoạn*

*Hưởng lạc mê tâm đâu phải hạnh phúc giải thoát không có đường.*

## XUÂN CẢ

Chúa xuân lại về, vườn xuân rực rỡ từng bừng sắc hương, muôn hoa đua nở, ong bướm rập rờn. Mẫu đơn ngược nhìn hoa đào.

- Tôi nghe thiên hạ bảo rằng: Năm ấy Thôi Hộ để thơ ở trang viên thành nam, nhờ thế mà tên tuổi các hạ vang danh bốn bể, cổ kim nhớ hoài, người đời yêu thích.

Hoa đào khẽ lay trong gió, gật đầu:

- Tôi cũng nghe họ mẩu đơn nhà bạn nhờ bị đày về Giang Nam mà danh sắc lẫy lừng, thiên hạ đều mê mẩn.

Những đóa mẫu đơn lung lay e thẹn nói phải. Mấy cụm thủy tiên vàng rực cười:

- Họ nhà hoa vốn đủ đầy hương sắc, lại nhờ thêm huyền thoại của thi nhân gán cho nên nổi danh với người đời. Cái đẹp đông tây nào khác gì nhau. Bấy giờ cả khu vườn hòa điệu khúc từ xuân ca:

*Hiển dâng hương sắc cho đời*

*Khảm vào thơ bởi những người tài hoa*

Vinh danh văn sử sơn hà  
Hoa huyền thoại hóa khúc  
là xuân ca.

## PHẢI LÀM THỂ NÀO

Sau buổi lễ Phật, bà bạn già tâm sự với ông cụ Phật tử quen thân:

- Anh đạo này khỏe không? Gia đạo ra sao? Tui tụng kinh niệm Phật đều đặn, rằm, mồng một đều dâng hoa quả lễ Phật, lên chùa công quả... vậy mà chẳng thấy được phò hộ tí nào, cuộc sống vất vả chật vật quá.

Ông cụ Phật tử thất kinh:

- Bà chị tính hồi lộ Phật sao? Tụng kinh cho Phật nghe, dâng hoa quả cho Phật ngắm? Thế thì hỏng rồi! Cuộc sống hôm nay là cái quả từ xa xưa. Tụng kinh để hiểu Phật dạy gì, niệm Phật để định tâm, tu học để ba nghiệp thanh tịnh.

Bà già ngơ ngác hỏi lại

- Vậy tui phải làm sao?

Ông cụ nói:

- Chị cứ tụng kinh niệm Phật nhưng bỏ cái tâm mong cầu đi, phước đức vốn tự nhiên sanh ra từ việc mình làm.

## CỨ LÀM NGƯỢC LẠI

Mỗ vốn giàu có lại là chức sắc trong xã hội, quan hệ rộng rãi, ăn chơi thả giàn, bia bọt, gái gú... không thiếu món nào, đã thế lại lười vận động nên chỉ sau mười năm là đổ bệnh: béo phì, cao mỡ, cao máu, tiểu đường, thống phong... Y đi phòng mạch, sau khi khám bệnh và cho thuốc. Bác sĩ còn bảo:

- Lẽ ra ông không dính vào những thứ bệnh này, tuy muốn nhưng còn chữa trị được, giờ ông về cứ làm ngược lại những gì ông thích thì một thời gian sau bệnh sẽ giảm.

Mỗ nghe thế thì ngơ ngác, lòng sanh nghi nên hỏi lại. Bác sĩ giải thích rõ hơn:

- Trước thích rượu thịt thì giờ ăn thực vật, trước nằm ì

lướt mạng thì giờ tập thể dục mỗi ngày...

Mỗ uống thuốc và cố gắng làm theo chỉ dẫn, một thời gian sau thân thể có khá dần lên. Bạn thân của mỗ trêu:

- Chữa thân chưa đủ, cần điều trị tâm nữa, trước thích ăn chơi, đàn đúm thị phi thì giờ học thiền, thanh lọc tâm nhé!

Mỗ gật gù ra vẻ tâm đắc:

- Vô thường thay đổi liên miên, tốt xấu là tại ta.

## THẦN Y

Không biết duyên cớ từ đâu mà y bỗng dưng trở thành lang y. Y xưng mình chữa trị được cả cam, điếc, bại liệt, thần kinh... Những bệnh này y vẫn thế giới chưa từng thấy có ca nào chữa được. Thiên hạ đồn um lên, báo chí truyền thông thổi ống đu đủ:

- Thần y chữa bá bệnh. Hoa Đà tái xuất, Biển Thước tái sanh!

Từ đó quan chức từ thôn ấp đến trung ương thì nhau thỉnh thần y đến thăm, chụp hình quảng bá. Có ông tăng quyền thế lớn cũng mời thần y về bốn tự:

- Thần y cứu nhân độ thế!

Đặc biệt đại gia lò dậu cung phụng thần y như một ông thần, sau thời gian dài thì vị đại gia kia phát hiện y chỉ là tên bịp bèn tố cáo những trò lừa gạt với bá tánh. Trước những bằng chứng không thể chối cãi thì thần y xin trả lại tiền, những kẻ trước kia đưa thần y lên mây xanh giờ quay lại đập y xuống bùn đen. Người trong thiên hạ có kẻ bảo:

- Y là tên bịp nhưng chưa phải là cao thủ!

Nói xong hấn ta viết:

*Thần y chữa bá bệnh bá tánh mê muội bấy lâu nay*

*Thánh bịp gạt muôn người muôn dân cam chịu bao thế hệ.*

## CÁI NÀO QUYẾT ĐỊNH

Y là quan lớn, nổi tiếng là tay có lý luận, lập trường quan điểm vững chắc, lại được trui rèn qua những khóa huấn luyện và bồi dưỡng nên rất quyết liệt:

- Vật chất quyết định ý thức!

Ngày kia khi hai đứa con lớn lên, khổ nổi thằng con trai thì yêu đàn ông, đứa con gái lại yêu đàn bà. Y xấu hổ và giận dữ cực độ:

- Chúng mày phải từ bỏ cái ý thức sai lầm, đó là cái ý thức đồi trụy của bọn tư bản. Chúng mày nhiễm lối sống hư hỏng của Tây phương. Nếu chúng mày không từ bỏ cái ý thức đó thì tao sẽ từ chúng mày và sẽ cắt hết trợ cấp!

Hai đứa con đau lòng lắm, chúng không thể sống trái với bản tánh tự nhiên. Cả hai bỏ nhà ra đi. Người thân và bạn bè y khuyên nhủ y nhưng y chẳng để ý. Một người bạn thân thấy thế bảo:

- Vật chất đâu có quyết định được! Thân xác chúng nó không quyết định được giới tánh hay tâm lý chúng nó! Cả ông cũng vậy, vật chất phủ phê nhưng ý thức đâu được như ý muốn.

Y ngẫm nghĩ thấy cũng phải, lần đầu trong đời y thấy nghi ngờ, miêng lấm bầm:

- Vật chất quyết định ý thức ư? Thân thể hai đứa con chẳng thuận theo tâm sinh lý, tài sản của ta không làm chúng thay đổi ý nghĩ, thế thì cái nào quyết định?

STEVEN N  
Georgia, 05/2021



# Màu nắng vô ưu

LAM KHÊ

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

**T**ọa lạc dưới chân ngọn núi tuyết, khu vườn xinh đẹp với những thảm cỏ xanh non trải dài trở nên nổi tiếng hơn khi câu chuyện hạ sanh của Thái tử Siddhartha Gautama được lan truyền khắp xứ.

Để đánh dấu sự kiện đáng nhớ, đức vua Tịnh Phạn đã cho xây trong khu vườn thiêng một tòa lầu đài cùng ngôi đền nhỏ để thờ người vợ quá cố. Khi mùa hạ đến, vua cùng hoàng tộc từ kinh thành ra đây để nghỉ ngơi tránh nắng và cũng là mở tiệc mừng sinh nhật cho Siddhartha. Tưởng niệm ngày mất hoàng hậu - sinh mẫu của thái tử cũng thường tổ chức tại cung điện mùa hè này.

Một ngày trăng tròn tháng tư, Hoàng hậu Maya rời kinh thành Kapilavastu trở về quê nhà để sanh con đầu lòng theo tục lệ. Đoàn tùy tùng đưa Hoàng hậu ngang qua khu vườn, bà nhìn thấy phong cảnh hữu tình liền cho dừng kiệu vào đó nghỉ ngơi, xuống hồ tắm rửa, rồi cùng thị nữ khoan thai dạo cảnh. Khi đến một tán cây cổ thụ, hoàng hậu đưa tay ngắt lấy cành hoa thì chuyển dạ sanh Thái tử. Đứa trẻ sanh ra liền đứng lên đi bảy bước, có bảy bông sen đỡ chân, hàng chư thiên trên các tầng trời bay đến chúc mừng rải hoa cúng dường ngày Bồ Tát xuất thế.

Thái tử Siddhartha Gautama chào đời được hơn tuần lễ thì mẫu hậu Maya mãn phần tạ thế. Vương phi

Mahà Pajapati - em ruột hoàng hậu, đảm nhận trọng trách nuôi dưỡng đứa cháu thơ mồ côi mẹ. Là một thái tử cao sang quyền thế, được vua cha trân quý thương yêu, Di mẫu hết lòng chăm lo bảo bọc, trăm họ bá quan thần phục cúi đầu. Thế nhưng từ khi còn thơ bé, Siddhartha Gautama đã thể



hiện tính cách khác biệt, không chơi đùa nghịch ngợm như bao đứa trẻ đồng trang lứa. Lớn lên ngoài việc học hành, dùi mài kinh thư võ nghệ thì thái tử không bận tâm đến vương quyền địa vị, không thích sự xa hoa hưởng thụ, không tụ tập chốn đông người phù phiếm. Những lần theo các vương tôn công tử dự tiệc vui chơi hay vào rừng săn bắn, Siddhartha thường tách riêng đến chỗ vắng vẻ ngồi thiền hoặc đi gặp các vị đạo sĩ ẩn tu để tham vấn về đạo pháp.

Biết được điều đó và nhớ lại lời tiên đoán của vị tiên nhân năm xưa, vua cha

tìm mọi cách để hưởng thái tử đi theo con đường thế tục, nuôi chí nổi nghiệp làm vua trị vì thiên hạ. Đến tuổi trưởng thành, thái tử là một chàng trai tuấn tú, văn võ song toàn, tài trí hơn người, tâm đức lại bao dung độ lượng. Vâng lời phụ hoàng, Siddhartha kết hôn với công chúa Yasodhara, con vua nước láng giềng và cũng là em họ của mình. Cuộc sống hạnh phúc vương giả tưởng chừng sẽ trọn vẹn khi đứa con trai của họ chào đời. Nhưng rồi vào một đêm khuya, Thái tử lia bỏ ngai vàng điện ngọc, từ bỏ vợ đẹp con thơ... cùng người hầu Xa Nặc vượt sông A Nô Ma vào tận rừng sâu quyết chí xuất gia tầm đạo.

... Thấm thoát đã bảy năm trôi qua rồi. Thời gian là sự lãng quên, là nỗi thương nhớ mong chờ trong ưu tư thâm lắng của đời người. Khi Thái tử dứt áo ra đi, Ruhala - đứa con trai của người chỉ mới vài tháng tuổi. Nay hoàng tử nhỏ cũng đã lên bảy, chỉ hình dung bóng dáng người cha qua lời kể của mẫu thân. Bảy năm trong thâm cung lạnh lẽo với đứa con thơ, công chúa Yasodhara còn phải hứng chịu bao lời thị phi chê trách của người đời. Không trang điểm sơn phấn lụa là, cũng không một lời oán than trách móc, Yasodhara chỉ biết chờ đợi và hy vọng một ngày không xa Thái tử sẽ trở về. Cuộc xum vầy vợ chồng cha con sẽ xóa tan hết bao cay

đăng muộn phiền mà nàng hứng chịu lâu nay.

Qua thông tin Yasodhara biết Siddhartha đã trải qua những ngày tháng tu hành khổ hạnh đến hao gầy thân xác. Đạo nghiệp chưa thành nhưng sức tàn lực kiệt, cuối cùng người nhận ra chỉ có con đường trung đạo mới đạt được chơn lý giải thoát. Bấy giờ có cô gái tên Sujata đến cúng dường Bồ tát một bát sữa. Người thọ nhận, sức khỏe dần hồi phục. Siddhartha xuống dòng sông Ni Liên Thiên gần đó để tắm gội. Tiếp đến ngài trở lại dưới gốc cây tham thiền nhập định, phát nguyện khi nào chứng thành đạo quả mới rời khỏi nơi này.

Trải qua 49 ngày đêm thiền định định, Siddhartha phải chiến đấu với tầng lớp thiên ma kéo đến khuấy phá nhằm chi phối tâm trí, thử thách nghị lực, quyết ngăn không cho Bồ Tát đạt thành chánh quả. Ngài lại phải chiến đấu với ma quân phiền não luôn chực chờ khuấy động trong tâm, hầu làm chướng ngại bước đường tu tiến của bậc giác ngộ. Với trí tuệ cùng sự kiên định vững vàng, sau bảy tuần tĩnh tọa, trong đêm cuối cùng trước khi ánh ban mai tỏ rạng, ngài chứng đắc diệu quả chánh đẳng chánh giác. Ma vương thần phục, phiền não nội chướng tiêu tan. Đức Cồ Đàm rời cây Bồ đề, đến khu vườn nai để thuyết pháp độ cho năm người bạn đạo năm xưa.

Từ đó, người ta gọi ngài là Phật, là Như Lai, là đức Thế Tôn. Hành trình hoằng pháp của Phật trải dài khắp vùng châu thổ Trung Ấn. Những nơi Như Lai đến, hàng đệ tử xuất gia ngộ đạo theo về cả ngàn vị; mỗi bước chân Thế Tôn đi qua, giới cư sĩ lãnh thọ đạo pháp, phát tâm hướng thiện có tới vạn người. Đâu chỉ có người bình dân thấp hèn trong xã hội mà các vị Quốc vương, thân hào trưởng giả uy quyền tột bậc

cũng hết lòng kính ngưỡng quy y theo Phật. Người thì xin theo Phật xuất gia sống đời phạm hạnh, người trở thành cư sĩ hộ pháp rất tận tâm đặc lực.

Đạo nghiệp hoằng hóa lan rộng là vậy nhưng Phật vẫn chưa một lần ghé qua kinh thành Kapilavastu thăm phụ vương cùng hoàng tộc. Không thể chờ đợi mãi nên vua cha đã cử nhiều đoàn sứ giả đến cầu thỉnh Phật trở về quê một chuyến. Nhưng do vì quá kính ngưỡng nên những người ra đi đều ở lại xin xuất gia tu tập cùng chư Thánh chúng. Phải đến lần thứ bảy, với tất cả sự nỗ lực cầu thỉnh, Thế Tôn mới nhận lời hồi quy bốn xứ.

... Buổi sáng ngày hè trời trong nắng gắt, vậy mà Yasodhara cảm giác như cơn gió lạ vừa thổi vào tâm can lạnh buốt. Siddhartha đang trở về. Cả kinh thành và dân chúng đều hân hoan đón nhận tin này. Yasodhara cùng tâm trạng đó nhưng nàng biết sự trở về này sẽ không như lòng mình mong đợi lâu nay.

- Mẹ! Có phải cha con sắp về không? Ông nội và mọi người đã trở lại kinh thành. Sao chúng ta còn ở đây.

Hai mẹ con đang đi dạo trong vườn. Ý nghĩ về ngày trở về của một người từng rất thân thiết khiến tâm trí Yasodhara cứ miên man nghĩ ngợi. Nghe Rahula hỏi, người mẹ như sức tỉnh vội trả lời:

- Cha con... người đã tu hành đắc đạo thành Phật rồi con ạ. Mẹ nghe nói lúc này đang mùa mưa, nên cha con và đoàn thánh tăng dừng chân tịnh tu trong một ngôi Tinh xá. Đợi sau mùa an cư, thời tiết thuận lợi hơn thì mới trở về.

Rahula ngược nhìn mẹ dò hỏi:

- Mọi người ai cũng hân hoan chờ đợi. Vậy mà con thấy mẹ lại không được vui.

Mẹ không mong cha về sao?

Người mẹ ngồi xuống bên gốc cây, kéo đứa con nhỏ vào lòng rồi khẽ nói:

- Con trai yêu quý. Mẹ rất vui và cũng rất trông chờ cha con. Có điều... cha con xa nhà đã lâu. Nay đã là một đạo sĩ tu hành đắc quả, danh tiếng vang xa. Cha con về sẽ có hàng ngàn chúng đệ tử theo về. Mẹ đang nghĩ là ngày gặp lại người trong một hình hài khác hẳn... chẳng biết phải nói gì, phải xưng hô thế nào cho phù hợp.

Rahula vẫn không thôi thắc mắc:

- Con nghe bà nội nói cha tu hành kham nhẫn khổ hạnh lắm. Ngày ăn một bữa, đêm ngủ dưới gốc cây, chân đi đất, mặc áo vá trăm mảnh. Trước kia khi còn là thái tử, cha ở trong cung điện cao sang rộng lớn, ăn ngon mặc đẹp, uy quyền thế lực hơn người. Vậy sao cha lại bỏ tất cả để đi tu... hả mẹ?

- Cha con có chí lớn nguyện lớn nên đâu mãi chấp nhận sự ràng buộc trong vòng vây tham ái thế tình. Người khổ tu là để tìm ra chơn lý diệu mầu, tìm ra con đường thoát khỏi khổ đau sanh tử. Chánh đạo người tìm ra cũng là mở lối cho ba cõi chúng sinh cùng quay về bến giác. Đạo nghiệp đã thành, ngọn đèn tuệ giác đang lưu truyền và mai này sẽ về đến Đất nước chúng ta. Không chỉ triều thần mà muôn dân cũng rất nóng lòng mong được gặp, được lắng nghe những lời kim ngôn của bậc giác ngộ...

- Mẫu thân! Mẹ nói nghe hay lắm đó. Vậy thì khi gặp cha... con sẽ hỏi gì trước tiên. Người chưa từng gặp con, không biết có nhận ra không?

- Cha con tình cảm thiêng liêng nên dù con có đi cùng những đứa trẻ khác, người cũng sẽ nhận ra Ruhala là con của mình. À! Ngay khi gặp người thì con hãy nói như thế này... Thưa cha! Con là chủng tử của



cha. Con biết người là có một kho tàng vô giá. Vậy xin cha hãy trao tất cả tài sản của người cho con.

Rahula reo lên:

- Vậy thì tuyệt lắm. Mẹ yên tâm. Con sẽ theo cha để xin cho được tài sản. Vì tài sản của cha cũng chính là của con mà.

Yasodhara giật mình. Rahula còn nhỏ tuổi nhưng thông minh lại có chí hướng như người cha vĩ đại của mình. Cậu bé luôn có những suy nghĩ chính chắn và tính tình cũng rất cương quyết mạnh mẽ. Có thể vì tò mò, vì muốn nhận gia sản của cha... Rahula sẽ không ngần ngại rời xa vòng tay mẹ.

Ngày mai Siddhartha về thăm quê hương, kinh thành Kapilavastu sẽ có nhiều biến động. Cơn lốc ánh đạo mầu sẽ cuốn đi hết những truyền thống vốn đã định hình lâu nay. Thật không dễ dàng chấp nhận khi phải xa dần những người thân yêu. Chỉ

nghĩ tới điều đó thôi, trái tim Yasodhara đã quặn thắt. Nàng nhắm mắt lại và chợt nghe có tiếng Siddhartha vọng lại từ nơi xa xăm nào đó.

- Tiệc vui rồi cũng phải tàn. Tình cảm yêu thương rồi cũng tới ngày chia lìa xa cách. Nhan sắc mỹ miều, anh tài xuất chúng cũng đâu tránh khỏi định luật vô thường sanh tử. Cuộc đời giả tạm này chẳng có gì là trường tồn vĩnh cửu để chúng ta phải khổ đau lưu luyến. Vậy thì Yasodhara ơi! Nàng hãy cho đi những gì không mãi thuộc về mình. Buông bỏ cũng là cách để cõi lòng thanh thản. Hạnh phúc chân thật rồi sẽ mỉm cười. Con đường an vui giải thoát luôn rộng mở và đón chờ bước chân người giác ngộ tìm đến.

... Cũng đã đến lúc phải quay về, Yasodhara đứng lên nói với con:

- Sáng mai chúng ta

phải hồi cung. Mẹ vào chuẩn bị đây.

Yasodhara bước nhanh nhưng tai nàng vẫn nghe tiếng Ruhula nhắc lại những lời vừa nói:

- Mẹ ơi! Ngày mai cha trở về, con nhất định phải đi theo để xin tài sản vô thượng của người.

Không còn là ý nghĩ mơ hồ. Ngày mai... sẽ có rất nhiều người dứt bỏ mọi ràng buộc để cùng đi trên con đường giác ngộ an vui giải thoát. Yasodhara hiểu điều gì đến phải đến nên lòng nàng cũng bình thản đón nhận như đã từng đón nhận trong quá khứ.

Qua tâm cảm, Yasodhara cũng đã nhìn thấy... những người con gái đức Như Lai rồi đây sẽ được trở về trong ngôi nhà chánh pháp, cùng chung sống chan hòa, an vui tu tập dưới ánh đạo mầu vô ưu thánh thiện.



# Cầu Kiến

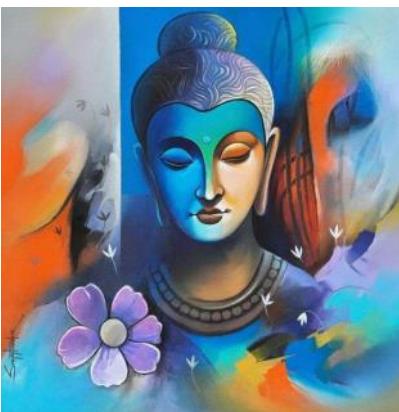
## TIỂU LỤC THẦN PHONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

**S**au khi dâng tâm thư lên đức Phật, con được một số đồng tham đạo hữu và bạn bè gần xa khen. Con cảm thấy vui, một chút vui thanh tịnh ở giữa cuộc đời đầy phiền não và nhiều hệ lụy. Cái quan trọng hơn là con cảm nhận hình như có sự gia hộ của chư Phật, bởi vì sau đó phiền não và những khuất tất trong lòng giảm đi rất nhiều, tâm trí thoải mái thành thới, tín tâm được gia cố, từ tâm vun bồi thêm. Lòng con sanh cảm kích lắm! Con đề đầu đánh lễ đức Thế Tôn, đánh lễ chư Phật ba đời mười phương, đánh lễ tất cả chư bồ tát, chư hiền thánh tăng. Nay con lại mong khởi tâm cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng.

Kính lễ chư bồ tát, chư hiền thánh tăng, phàm ở đời, người ta thích cầu kiến quan gia, cầu kiến những người có danh vọng, địa vị, thế lực... những cái cầu kiến này xem ra chẳng hay ho chút nào, nếu người thanh cao thì nhất định không làm. Người có liêm sỉ, quý danh dự, trọng khí tiết thì coi khinh. Quả thật những cái cầu kiến ấy đáng xem thường lắm! Nhưng việc cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng thì ngược lại, đây là việc nên làm, cần phải làm, nhất định làm. Nếu là người hướng thượng, người biết tu tâm dưỡng tánh, người biết cù bị tư lương cho tương lai thì ắt phải cầu kiến chư bồ tát, chư

hiền thánh tăng! Việc cầu kiến này chẳng phải hướng ra ngoài cầu, phải quay về bên trong mà cầu. Cầu chính bản tâm thanh tịnh của mình, cầu Phật tánh và tánh giác của mình, cầu cho linh tánh của mình tinh thức, cầu để cho mọi hành vi, suy nghĩ và nói năng của mình không sai quấy, cầu để trí huệ mình phát triển, tâm từ tăng trưởng, cầu để cho rộng lớn lòng bao dung, cầu để vững chãi trước sóng gió thử thách, cầu để chọ tâm bồ đề không thối chuyển.



Kính lễ chư bồ tát, chư hiền thánh tăng! Chư bồ tát, chư hiền thánh tăng là những hữu tình chúng sanh đã giác ngộ và đang giác ngộ cho những hữu tình chúng sanh khác. Với con thì chư bồ tát, chư hiền thánh tăng không phải ở trên mây, không ở trong những ngôi chùa đồ sộ lộng lẫy, càng không phải là những pho tượng bày la liệt kia. Chư bồ

tát, chư hiền thánh tăng đang khoác áo chúng sanh, lăn lộn trong cuộc đời ô trược phiền não này. Chư bồ tát, chư hiền thánh tăng có thể hiện thân ở một người nào đó, ở một hoàn cảnh nào đó để xả thân cứu người, cứu vật, để thức tỉnh người mê... Chư bồ tát, chư hiền thánh tăng ẩn tàng ở chính trong tâm mỗi con người chúng con. Con cầu kiến là để đánh thức chính tâm mình. Khi con làm việc gì đó hiền thiện và thanh tịnh tức là lúc ấy chư bồ tát, chư hiền thánh tăng đang hiện hữu. Còn giả như con làm việc gì mà trái với bản tâm hiền thiện, thanh tịnh tỷ như: sát, đạo, dâm, vọng, tửu thì lúc ấy con đã quên chư bồ tát, chư hiền thánh tăng. Ở trong đời ngũ trược, đầy dẫy phiền não, vô vàn trói buộc này thì việc cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng là một việc cấp bách, khẩn thiết và quan trọng biết bao. Bởi vì tài, sắc, danh, thực, thù nó rù quên chúng con; tam độc tham, sân, si nó sai xử chúng con. Nếu không cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng thì chúng con sẽ thối thất tâm bồ đề, sẽ mê mờ lạc lối, sẽ bị ma quân chiêu dụ dắt đi... Nhất là thời đại hôm nay, chủ nghĩa vật chất, chủ nghĩa kim tiền cực thịnh, con người ta đang lấy tiền bạc, vật chất, danh vọng, sắc dục... để làm thước đo sự thành công. Con người quay cuồng trong cái vòng danh vọng, quyền lực, sắc dục... không

có một giây an lạc, không có một cơ hội nào thoát ra được! Trong hoàn cảnh như thế này thì việc gặp được thiện hữu tri thức rất khó, thầy lành bạn tốt cũng chẳng dễ dàng. Đừng nói chi ngoài đời, ngay cả trong chốn A Lan Nhã cũng khó gặp thầy lành bạn tốt. Bởi thế, việc cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng mới là việc có thể, mới đem lại hữu ích lớn lao cho hiện tại và tương lai. Ngay việc cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng đã là một biểu hiện rõ ràng của phước báo và trí huệ. Thế gian có muôn vạn ức người nhưng chẳng có mấy người chịu cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng, cứ đào thải từng bậc thì biết thôi! Thế giới có mấy tí người nhưng có bao nhiêu người là Phật tử? Trong số Phật tử ấy có bao nhiêu người là hiểu và hành theo giáo lý Thế Tôn? rồi trong số biết đến giáo lý của Thế Tôn ấy có mấy ai chịu cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng? Ấy là con nói đến hạng Phật tử sơ cơ chứ không dám đề cập đến những bậc xuất gia, còn những người theo bàng môn tà đạo thì không nói đến làm gì!

Kính lễ chư bồ tát, chư hiền thánh tăng! Nhà Nho có câu: "Vô cầu phẩm cách tự nhiên cao", ấy là nói đến việc cầu tài lộc, cầu danh vọng, cầu kết thân với những người có thể lực... Quả là những cái cầu ấy thật nhọc thân, mệt tâm! Thật chẳng đáng để người có lòng tự trọng làm, một khi đã không cầu những việc ấy (danh lợi, địa vị, thế lực) thì phẩm cách người vô cầu tự nhiên sẽ cao là lẽ đương nhiên. Một khi đã không cầu thì những thứ ấy (tài lộc, danh vị...) không thể ràng buộc, không thể sai khiến được người ấy nữa. Nếu ở ngoài đời, việc vô cầu những thứ danh lợi, thế lực... thì phẩm cách tự nhiên cao.



Còn trong đạo, việc cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng thì phẩm cách mới cao. Làm người ai mà không có phiền não, vô minh, trong tâm ẩn tàng những niệm ngũ dục, cái ác ngũ ngầm cho nên mới có những hành động, suy nghĩ, nói năng lầm lạc. Chính vì những lầm lạc vô minh ấy nên mới cầu kiến bồ tát, cầu kiến chư hiền thánh tăng! Làm người, ai cũng có lúc khủng hoảng, suy sụp, thối tâm... những lúc ấy thì càng khẩn thiết cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng! Nếu bây giờ, mỗi ngày, mỗi phút giây đều cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng thì mình sẽ có những phút giây sống an lạc, từng giai đoạn sẽ có những cái ngộ nhỏ, sẽ biết buông bỏ dần dần... Nếu mình cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng suốt đời, phút giây chung cuộc có thể ngộ bồ tát, ngộ hiền thánh tăng. Còn giả như có phước báo lớn, đời đời cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng thì việc này không thể nghĩ bàn, nói như kinh điển là "bất khả tư nghị"!

Kính lễ chư bồ tát, chư hiền thánh tăng, con cầu kiến chư bồ tát, chư hiền

thánh tăng cũng chính là để dẹp bỏ cái ngã mạn, tiêu trừ cái vọng tưởng đảo điên, giảm bớt cái vô minh phiền não của chính thân mình. Giả dụ khi con chấp tay lễ bái một vị phàm tăng, ấy là con thật sự cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng vì lúc ấy con lễ bái cái bản tâm thanh tịnh, sự giác ngộ buông bỏ, cái trí huệ sáng suốt, cái tâm từ chứ không phải lễ bái cái xác thân tứ đại của vị ấy! Cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng là một việc đại phước, đại huệ. Người không biết cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng là người thiệt thòi đáng thương lắm thay! Người không cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng là những người đầy phiền não, vô minh nhưng lại ngỡ mình hay, mình mạnh! Cái sự cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng cũng chính là vô cầu, không phải cầu kiến để được phước, vì nếu cầu kiến mà được phước thì thiên hạ ai cần tu học chi nữa! Phước thì phải tự thân tạo lấy, tu phước thì có phước, tu huệ thì có huệ. Chư bồ tát, chư hiền thánh tăng không thể ban cho. Cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng là để mình vững chãi đức tin, dũng mãnh và tinh tấn trong tu phước, tu huệ. Cầu kiến để

mình thấy chư bồ tát, chư hiền thánh tăng luôn có ở chính tâm mình. Sở dĩ nói như thế là vì căn cứ lời Thế Tôn năm xưa đã dạy, chúng sanh ai cũng có Phật tánh, ai cũng có đức tướng của Như Lai, ai cũng có thể giác ngộ và thành Phật. Cái tánh giác trong con, trong mỗi con người giống như ngọc ở trong đá, phải phá đá mới lấy được ngọc, phải mài giữa thì ngọc mới sáng. Chúng con cũng thế, phải tu phước, tu huệ, phải cầu kiến chư Phật, cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng thì mới hiển lộ được Phật tánh của mình. Cái mức độ tỉnh thức, giác ngộ của mỗi người nó phụ thuộc vào mức độ tu tập và cầu kiến vậy!

Kính lễ chư bồ tát, chư hiền thánh tăng! Con cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng không phải có cao vọng gì, chỉ đơn giản là thực tập để sống an lạc trong phút giây hiện tại, bây giờ và ở đây. Cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng để trí óc bớt suy nghĩ bậy bạ, nói năng nhảm nhí và hành động không mạnh động. Cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng cũng chính là dẹp đi cái

bản ngã ích kỷ, ngã mạn hay hạ liệt của mình. Càng cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng thì càng thăng hoa và phát triển tâm linh của mình.

Kính lễ chư bồ tát, chư hiền thánh tăng! Ngày nay giáo pháp của Thế Tôn lan toả khắp năm châu, nhiều người da trắng, da đen đã vâng lời Như Lai buông bỏ tất cả để đi theo con đường giải thoát mà Thế Tôn đã vạch ra. Ngay hôm nay, nhiều vị tỳ kheo, tỳ kheo ni đủ màu da, đủ sắc tộc đang ngày đêm đem giáo pháp của Thế Tôn đến giới thiệu với những người xưa nay chưa từng biết hay nghe đến Thế Tôn. Ngày hôm nay có nhiều người với sắc vóc hình thể và màu da khác nhau, văn hoá và tập quán khác nhau, đức tin khác nhau... cũng đang quay về cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng.

Kính lễ chư bồ tát, chư hiền thánh tăng! Con thật sự vui mừng và cảm động khi tiếp cận những thông tin hay tiếp cận trực tiếp với những người da trắng, da đen, da nâu hay da vàng... quay về nương tựa Thế Tôn,

thực hành giáo pháp của Thế Tôn! Cho dù họ xuất gia hay tại gia con vẫn thấy vững tin, thấy con đường mình đi như có bạn đồng hành và thấy ấm áp hơn khi mình và họ cùng cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng! Là Phật tử sơ cơ, con luôn cung kính chắp tay kính lễ những người có hình tướng sa môn, cho dù họ là đàn ông hay đàn bà, cho dù họ có màu da vàng, trắng, hay đen. Con luôn kính lễ họ như kính lễ chư bồ tát, chư hiền thánh tăng (biết đâu trong số họ có người chính là chư bồ tát, chư hiền thánh tăng hiện thân phàm tăng để hành hoạt hoá độ chúng sanh). Con kính lễ họ, những vị sa môn, vì con thấy chư bồ tát, chư hiền thánh tăng ở trong họ.

Ở thế gian này, con người, sự vật, sự việc rất vô thường, thay đổi liên li, sanh - diệt không ngừng, tụ - tán vô kỳ, lên - xuống vô hồi, được - mất vô chừng, vui - buồn vô tình, có - không vô hậu, không - thời vô biên... cho nên việc cầu danh, cầu lợi, cầu ở người đời là việc khờ khạo, mà chắc gì cầu được! Duy chỉ có cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng mới là việc quan trọng, việc cần phải làm, nhất định phải làm!

Cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng! Không chỉ một đời này mà phải cầu kiến mãi mãi, nếu còn tiếp tục làm người. Cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng, chính là cầu kiến Phật tánh, tánh giác của mình, cầu kiến bản tâm thanh tịnh của mình, cầu kiến để tiêu trừ vô minh phát sinh trí huệ, tăng trưởng từ bi, kiên cố bồ đề tâm. Cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng không chỉ mỗi mặt lý hay đơn thuần mặt sự mà lý sự phải đi đôi thì mới không bị nghiêng lệch, phải lý sự viên dung thì mới thật sự là cầu kiến.

**Tiểu Lục Thần Phong**





# Dứt bỏ ảo tình

Soạn giả: THÍCH MINH CHIẾU

(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

**T**ừ khi Phật Thích Ca Mâu Ni lại thành Xá Vệ thuyết pháp, giáo hóa đại chúng thì nhân dân toàn thành này trở nên có đạo đức có lễ độ lại biết thương yêu giúp đỡ lẫn nhau, khiến cho nước Xá Vệ biến thành một cực lạc quốc.

Tin này truyền đi gần xa, có một số người khác đạo ở nước La Kiệt Kỳ rất khâm phục uy tín Đức Phật, liền không quản đường xá xa xôi, cố tìm đến nước Xá Vệ để cầu Phật dạy bảo. Nhưng trong khi chưa gặp được Đức Phật thì bỗng xảy ra một chuyện rất trái ý ở giữa đường.

Sở là nước Xá Vệ ở vào xứ nóng, thường có nhiều rắn độc, một khi rắn đã cắn phải người thì người ấy tức khắc chết liền, không có cách nào cứu sống được.

Hôm đó, người viễn khách vừa tới ngoài thành, ngồi nghỉ dưới bóng cổ thụ, nhìn xuống bên đường, thấy hai người, một già một trẻ, đang cuốc đất. Bỗng đâu có con rắn độc núp trong cỏ nhảy ra mổ chết người ít tuổi, người nhiều tuổi bỏ cuộc chạy lại thấy người ít tuổi đã tắt thở thì hơi lộ nét buồn rồi thản nhiên quay lại chỗ cũ cuốc đất.

Viễn khách thấy thái độ ấy làm lạ, liền tiến lại bên cạnh ông già mà hỏi rằng:

- Này cụ! Thanh niên vừa chết kia có là con cháu hay là gia nhân cụ?

Ông già đáp cách tự nhiên:

- Hẳn là con tôi.

- Ua, lệnh lang bị rắn cắn chết sao cụ lại không kêu gào khóc lóc thảm thiết như người xứ chúng tôi thường làm?

- Nó là con trai tôi đó, nhưng bây giờ đã chết rồi, thiết tưởng dù có khóc than chỉ là thêm phiền não mà cũng chẳng cứu sống lại được. Vậy khóc than có ích lợi gì...!

Trầm ngâm một lúc, ông lão nói tiếp:

- Ông ạ! Con người ở đời trước sau thế nào cũng chết, khác nào như mọi sự vật, có thành tựu thời phải có hoại không, đó là hiện tượng tự nhiên của tuần hoàn, nếu mà lúc sống gây nhiều nhân thiện thì sau có báo ứng tốt, ngược bằng gây nhiều nhân ác thì có ác báo không sai. Nay đã chết rồi, thì dầu gì chẳng nữa cũng là thừa.

Ông già nói xong thấy khách suy nghĩ dờ dẩn người ra liền hỏi:

- Phải chăng ông định tiến vào thành? Tôi muốn cảm phiền ông giúp cho một việc, phỏng có được không?

- Có việc gì xin cụ cứ nói!

- Thế thì hay lắm! Đây: nhà tôi ở ngay cổng thành đi vào, quẹo sang bên phải bỏ gian đầu đến gian thứ hai ấy chính là nhà tôi. Vậy xin ông, khi đi qua, ghé vào nói

giúp với bà nhà tôi rằng: Đứa con đã chết, vậy trưa nay chỉ đem một suất cơm cho tôi ăn mà thôi.

Viễn khách nghe ông già dặn thì điếng người, vừa đi vừa tự nghĩ: Ông già này keo quá, con đã chết mà còn đếm xỉa đến cả bữa cơm... Thật cả thế gian này cũng không đâu có người cha đến như thế! Kịp khi qua cửa thành, quẹo sang bên phải, cách hai nhà, quả nhiên thấy bà cụ vừa vịn đứng ở ngoài cửa. Viễn khách liền thỉ lễ và nói:

- Thưa bà, con trai bà bị rắn cắn chết, ông có nhắn tôi về bảo bà chỉ cần đem một suất cơm cho ông thôi.

Bà nghe khách nói xong thì tỏ vẻ buồn rầu thoáng qua nét mặt rồi trân trọng cảm tạ khách, viễn khách lấy làm lạ lòng hết sức và tự hỏi: "Tại sao bà nghe tin con chết mà không kinh hoàng hoặc té xỉu người đi?" Liền hỏi luôn:

- Này bà, xin thứ lỗi cho tôi hỏi câu đường đột: Bà không thương xót lệnh lang hay sao?

Bà lão thông thả đáp:

- Thưa ông! Cái đạo con cái với cha mẹ là tự túc nhân nghiệp báo nên mới có sự thác sinh vào nhà chớ không phải là do cha mẹ mời vào mà được, đến khi họ chết, cũng là do mẫn nhân, mẫn nghiệp mà họ đi, nên cũng không thể lưu họ lại. Cha mẹ khác nào như người chủ quán trọ chiều nay có khách lại ngủ đờ, sáng mai hay ngày

kia khách lại ra đi, chủ quán không thể lưu lại. Ấy sự liên quan giữa cha mẹ và con cái cũng thế đó. Vậy thì: Có thương tiếc hay kêu gào khóc lóc liệu có thể cứu sống lại được người đã chết không? Hay chỉ là gây thêm phiền não mà chẳng có ích gì?

Nghe câu trả lời của bà cụ, khách rất hoang mang cho rằng vợ chồng ông già này quả thật là xứng đôi vừa lứa. Cả hai đều có một tấm lòng sắt đá giống nhau. Giữa lúc này, từ phía trong nhà, một người con gái đi ra, bà lão giới thiệu là chị gái người vừa chết. Khách liền hỏi ngay:

- Em trai cô vừa bị rắn cắn chết, chắc cô thương xót lắm nhỉ?

- Thương xót là lẽ thường, nhưng thương xót có thể cứu người em sống lại được chăng? Tôi tưởng: Chị em một nhà, khác nào như các cây gỗ ở rừng hạ xuống đóng thành cái bè rồi thả vào nước cho trôi. Nếu sông hồ phẳng lặng thì bè trôi mãi, bằng có cơn phong ba bão táp nổi lên đánh tan chiếc bè thì mỗi cây trôi đi mỗi ngả, có bao giờ còn hy vọng lập lại liền với nhau? Tình chị em cũng thế. Đó là nhân duyên kiếp trước hợp rồi sinh vào một cửa. Tuổi thọ cũng tùy nghiệp báo, có người ngắn có người dài, và ngày chết cũng là vô thường, không sao biết trước được. Nay em tôi chết, mặc dầu tôi là chị hẳn, nhưng tôi có làm gì được đâu? Huống chi là khóc với lóc, có phải không ông?

Người này đang nói, bỗng ở đằng sau, thấy một người đàn bà nữa tiến ra, khi nghe cô chị nói xong thì kêu lên:

- Thế ra chồng tôi đã chết rồi?

- Đúng đấy! Chồng bà đã bị rắn cắn chết ở ngoài đồng. Vậy bà đau buồn lắm thì phải?

- Thưa ông! Chồng chết ai không đau buồn, nhưng cái

đạo vợ chồng ở đời khác nào như đôi chim trong rừng, tối đến cùng ngủ một cành, sáng ngày lại bay đi kiếm ăn, nếu có duyên thì trở về cùng nhau, nhưng bằng gặp tai họa thì mỗi con bay đi một ngả. Ấy nghĩa vợ chồng ở đời là thế, mỗi người có một số mạng riêng, không làm sao mà nối được rằng: Chồng chết thay cho vợ, hay vợ chết thay cho chồng. Như thế khóc lóc phỏng có ích gì?

Viễn khách nghe lời mọi người trong gia đình này nói ra thì lòng sanh hoài nghi cho thế tục nhân tâm ở xứ này, liền hồi hận đã mất công tìm đến xứ này để học cái hay cái tốt của Đức Phật giáo hóa dân chúng; nào ngờ dân chúng như thế hỏi còn học được cái gì ở đây? Chi bằng lui gót trở về quê hương xứ sở là hơn. Nhưng hồi lâu lại nghĩ: Mình chưa được gặp Đức Phật đã nóng nảy phê bình một vài thái độ của dân, rồi vội vã quay về, như thế là hành động nông nổi chưa chín chắn, chắc sau này có điều phải ân hận... Vậy ta phải đến thẳng tịnh xá tại vườn Kỳ Viên, để được gặp Đức Phật đã rồi sẽ hay. Nghĩ rồi, khách đi thẳng một hơi tới Tịnh xá và được ra mắt Phật.

Khi thấy Phật, khách khoanh tay cúi đầu thi lễ, đoạn lui sang ngồi một bên, không nói không rằng: Đức Phật đọc rõ ý kiến trong lòng khách, nhưng cũng cất tiếng từ bi hỏi:

- Tại sao viễn khách có bộ dạng buồn rầu?

- Bạch Thế Tôn, nhân vì con hy vọng một việc mà chưa được như ý nên trong lòng con không được vui vẻ.

- Có việc gì trái với bản tâm, tưởng cứ nói ra không nên để trong lòng phải ưu sầu không thể giải quyết được việc gì hết!

Lúc đó người khách mới thuật hết đầu đuôi câu chuyện đã gặp ở ngoài

thành, cuối cùng khách phê bình thái độ của gia đình nông dân ấy là trái với tình đời.

Phật nghe xong từ từ cười dạy rằng:

- Điều mà viễn khách cho rằng trái với tình đời là thuộc về "nhân tính". Còn chân lý thì không những không được thể hiện theo "nhân tính" mà còn phải tước bỏ nhân tính cho đến hết. Đó mới thực là điều khẩn yếu của kẻ tu hành xuất gia.

Nghĩ một chút, Ngài nói tiếp:

- Viễn khách đây vì chưa hiểu chân lý, nên thấy gia đình nhà nông kia hành động như thế thì vội cho là "phản tình đời". Nhưng đứng về mặt chân lý mà xét, thì những người ấy quả nhiên là không có hành động lỗi lầm, vì họ biết rõ thế nào là "cuộc đời vô thường", nghĩa là con người đời không thể nào nắm giữ vĩnh viễn được cái "sắc thân" làm sinh mệnh bất diệt của mình. Kia xem từ xưa tới nay, dù là phàm hay Thánh, cũng không ai có thể tránh được cái chết. Nếu vì một cái chết mà cả nhà theo nhau khóc lóc đến phát đau, phát ốm thì sự khóc lóc ấy hỏi có ích lợi gì cho cả người sống lẫn người chết? Và chẳng, con người ngay từ lúc sơ sinh, đã nắm chắc lấy cái chết trong tay rồi. Nay thấy sự chết mà gây phiền não trong lòng quá đời thì ta "mê hoặc" chưa hiểu cái lẽ sống chết. Nên biết rằng "sống" và "chết" là hai đầu mỗi luôn luôn tiếp diễn và luân chuyển không lúc nào ngừng. Hễ đã biết rõ được như thế là đã giải thoát rồi.

Viễn khách nghe Đức Phật giảng giải cho nghe một hồi thì lòng thoát nhiên tình ngộ. Liền nguyện xin ở lại làm đệ tử của Phật và qui y Phật pháp tức thì. Viễn khách này sau trở nên một vị Tỷ kheo rất tinh tiến.

**PHẠM NGỌC KHUÊ**

## LÊN HANG THẮT DIỆP NGUYỄN CẦU

*Tờ mờ sáng tinh sương,  
Gậy, nón lá, lên đường,  
Ai không khỏe ở lại!  
Vì leo núi đường trường,*

*Núi Thất Diệp rất cao.  
Cheo reo, cạnh vực sâu,  
Núi rừng mênh mông quá!  
Mây còn ngủ trên đầu.*

*Mỗi người: gậy, nón lá...  
Đường leo núi rất xa...!  
Gặp ghềnh nhiều sỏi đá  
Niệm PHẬT A DI ĐÀ.*

*Đồi núi quá mênh mông  
Mây lơ lửng chập chùng  
Đi mãi mà chưa tới...?  
Mặt trời vẫn chơi vui...*

*Thất Diệp, tên của hang,  
Kỳ Xà Quạt cùng tên,  
Có hình 7 chiếc lá,  
Trên vách động thiên nhiên...*

*Hang Thất Diệp ngàn năm,  
Nơi kết tập Diên Kinh,  
Của 500 La Hán,  
Nơi Phật đã tu hành...*

*Thời gian cũng qua mau,  
Leo núi một giờ sau,  
Vừa tới hang Thất Diệp...  
Vào lễ Phật nguyện cầu...*

*Bước vào tận hang sâu  
Lom khom đá vương đầu  
Tận sâu trong hang nhỏ  
Tượng Đức Phật trên cao*



*Phật tu trong khổ hạnh  
Suốt hơn 6 năm trường  
Thân gầy, da bọc xương  
Phật chuyển tu Trung Đạo  
Tìm giải thoát một đường...*

*Cầu khắp chốn yên an,  
Thế giới bớt lâm than,  
Không thiên tại, thù oán  
Khắp mọi miền hân hoan...*

*Cầu cho hết chiến tranh,  
Ta Bà sống an lành,  
Thế giới đầy nhân ái  
Muôn dân sống thanh bình.*

*Nguyện cuộc sống bình yên,  
Tinh thức, học chánh chuyên.  
Thực hành Bát Chánh Đạo,  
Nguyện về cõi CHÁN NGUYỄN.....*

*thơ*

**THỤC UYÊN**

Pd. Nguyệt Phương Thành

# Ngõ thoát

(tức **Phương Trời Cao Rộng 3**)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

## CHƯƠNG SÁU

Con đường theo ý riêng của tôi, xét ở một khía cạnh nào đó, trở thành chống đối lại Hoà thượng ân sư của mình. Một vài người bạn của tôi đã trách cứ tôi điều đó. Cho rằng, Hoà thượng có ơn nuôi dưỡng bảo bọc tôi yên ổn một thời gian để tu và học tại chùa Già Lam, tôi không nên làm điều gì đi ngược lại công việc của ngài. Nhưng riêng tôi, tôi tự thấy rằng nếu tôi hoàn toàn thụ động, không dẫn thân đấu tranh, không đếm kể gì đến nỗi suy vong của đất nước và giáo hội, thì hóa ra tôi càng phản bội ngài một cách trầm trọng đáng khinh hơn.

Trước mắt là Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất đã bị nhà nước mất nhiên giải tán sau kỳ đại hội thống nhất Phật giáo tổ chức tại Hà Nội với sự lãnh đạo của chính quyền cộng sản. Hoà thượng Trí Thủ là Trưởng ban Vận Động Thống Nhất Phật Giáo, nay đại hội bầu Hoà thượng làm Chủ tịch Hội Đồng Trị Sự Trung Ương, tương đương với chức vụ Viện Trưởng Viện Hóa Đạo

mà trước kia cũng do Hoà thượng đảm nhận trong giáo hội cũ (Giáo Hội Thống Nhất). Tầng ni và tín đồ Phật giáo bất mãn vô cùng, nhưng chẳng làm gì được, vì bị đặt vào cái thế khó xử: một số cao tăng đứng ra vận động công cuộc thống nhất (dưới sự chỉ đạo chặt chẽ của nhà nước) chính là những bậc thầy có uy tín, đức độ, và ân sâu đối với nhiều thế hệ tầng ni tín đồ tại miền Nam trước cũng như sau năm 1975. Trước ngày đại hội, một số tăng ni khác thuộc Giáo hội Thống Nhất đã cứng cỏi đứng ra chống lại âm mưu xen vào nội bộ Phật giáo của nhà nước, và họ đã bị công an bắt giam, hoặc bị lưu đày (như trường hợp Thượng toạ Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ). Đoàn Phật Tử Phụng Đạo được khai sinh trong thời gian bóng chày đau buồn đó.

Vào những buổi họp cuối cùng của Ban Chỉ Đạo Viện Hóa Đạo (trước khi hạ bệ giáo hội Ấn Quang để nhường chỗ cho văn phòng của giáo hội mới), tôi có đến thăm thầy Tịch Quang. Thầy

có vẻ nóng ruột về các chuyển biến của giáo hội, nhưng cũng chẳng phát biểu cảm nghĩ hay ý kiến rõ rệt nào cho tôi nghe cả. Buồn bã rời phòng thầy, tôi gặp vài người bạn ở sân chùa Ấn Quang, và tôi được thầy Tâm Hải (người bạn đã cùng tôi khai sinh ra Đoàn Phật Tử Phụng Đạo và giữ chức Đoàn Phó đặc trách ngoại vụ) giới thiệu một người bạn mới tên Hân. Hân trước kia xuất gia ở Đà Nẵng, học chung lớp với thầy Tâm Hải ở Phật học viện Liễu Quán (Phan Rang), hoàn tục từ năm 1975, có vợ con. Hân đã cùng hai thầy Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát thành lập Lực Lượng Việt Nam Tự Do vào năm 1977. Nghe rằng Tâm Hải cũng có dính líu vào vụ ấy. Thoạt gặp lại Tâm Hải, Hân đã hỏi:

"Này, thầy có học ở lớp Già Lam, phải không? Lớp ấy có một chú tên Tâm Quang. Thầy có quen thân không?"

Tâm Hải cười, quay qua giới thiệu tôi:

"Tâm Quang tức là chú Khang đây nè. Bộ anh nghe ai nói xấu gì chú Khang sao?"

Hân nhìn tôi, chào bằng một cái gật đầu:

“Hân hạnh biết chú. Hôm trước tình cờ gặp được thầy Tuệ Sỹ ở chùa Tập Thành, tôi có hỏi thăm về những sinh viên tăng xuất sắc của lớp học và được thầy Tuệ Sỹ nhắc tên chú.”

Hân mời tôi đến chơi chùa Tập Thành, do thầy Nguyên Như trụ trì. Ở đây, tôi còn được quen thêm một người bạn khác tên Sanh, cũng là một tu sĩ hoàn tục, sống độc thân. Sanh thành lập nhóm thân hữu sinh hoạt mỗi cuối tuần tại chùa Huệ Lâm ở quận 8, lấy tên là Nhóm Thi Văn Chánh Pháp. Cả thầy Nguyên Như, Sanh và Hân, đều là những người đã từng cùng thầy Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát sáng lập Lực lượng Việt Nam Tự Do vào năm 1977. Họ cho tôi biết rằng lực lượng ấy bị tan rã bởi những lý do có tính cách cá nhân. Thứ nhất, thầy Tuệ Sỹ bị bắt giam vì tội cư trú bất hợp pháp (hộ khẩu chính thức của thầy ở Phật học viện Hải Đức Nha Trang mà lại sống ở Sài Gòn). Thầy Nguyên Như bị bắt về tội tích trữ hàng hóa bất hợp pháp (thực ra đây là một hình thức kinh tài của lực lượng do một người Phật tử khác đảm trách và thầy trụ trì chấp nhận cho mượn nhà bếp của chùa để làm kho cất chứa). Hân thì bị bắt vì tội vượt biên sau khi hai thầy kia vào tù và vị lãnh tụ lực lượng là Thượng tọa Từ Mẫn đã vượt biên trước đó. Chỉ có Sanh và một số nhân sự khác là không bị dính vào vòng tù tội, nhưng cũng phải ẩn lánh một thời gian. Tuy các nhân sự trên bị bắt giam vì những lý do cá nhân, nhưng vì họ là những nhân tố cốt lõi nên sự vắng mặt của họ cũng mặc nhiên khiến Lực lượng Việt Nam Tự Do bị tan rã từ đó.

Như vậy, đây là lần đầu tiên, tôi thực sự tiếp xúc với những người đồng đạo có khuynh hướng dẫn thân cứu đời bằng con đường đấu tranh chính trị. Trọn một

buổi chiều tiếp xúc, tôi học được nhiều kinh nghiệm quý báu từ họ, và tinh thần tôi cũng nhờ họ mà phần chần nhieu hơn lên. Vì thầy Tâm Hải và Sanh đã về trước, buổi tối, Hân cùng tôi rời chùa Tập Thành một lúc. Trên đường đi, Hân còn cho tôi biết là Thượng tọa Thích Đức Nhuận có ý muốn gặp tôi. Thượng tọa nguyên là Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống, từng Là Khoa trưởng Phân Khoa Phật học của trường đại học Vạn Hạnh. Thượng tọa có viết vài cuốn sách về Phật giáo rất sâu sắc, được giới tăng ni Phật tử cả nước hâm mộ.

Tôi hỏi Hân:

“Thượng tọa muốn gặp tôi để dạy việc gì?”

“Cứ gặp đi rồi sẽ biết. Nhưng muốn gặp thì tốt hơn là Khang hãy chờ tôi trình Thượng tọa trước, rồi tôi sẽ sắp xếp ngày giờ cho Khang đến.”

Tôi ừ, nhưng rồi không chờ Hân, tự động một mình tôi đến bái kiến Thượng tọa. Vào chùa, tôi bị chú thị giả của Thượng tọa chặn lại ở bên ngoài. Chú bảo tôi ngồi chờ ở phòng khách để chú lên thưa trước. Tôi xưng tên rồi ngồi chờ chú thị giả lên lầu. Một chặp, chú thị giả trở xuống, mời tôi lên phòng Thượng tọa.

Là một bậc cao tăng khiêm cung, đức độ, Thượng tọa tiếp tôi, một chú sa-di học trò, với một cung cách cởi mở, thân tình, khiến tôi cảm thấy tự nhiên và mạnh dạn trình bày cùng ngài đường hướng và cương lĩnh hoạt động của Đoàn Phật Tử Phụng Đạo do tôi sáng lập. Ngài rất hoan hỷ biết được ý của tôi và đã khích lệ tôi rất nhiều, cũng hy vọng là tôi sẽ không dừng chân mãi trong khuynh hướng từ thiện xã hội. Theo Thượng tọa, con đường nhập thế của người con Phật, muôn đời vẫn đặt trên nền tảng giải thoát giác

ngộ, và phải khởi đi từ nỗ lực cải thiện nhân cách rồi sau đó mới hướng đến việc chuyển hoá xã hội. Chuyển hoá xã hội không phải chỉ là một cuộc thay đổi, cải tạo, cải cách, xoa dịu bề mặt xã hội, hoặc hoán chuyển những thể chế cầm quyền. Chuyển hoá là công trình lay chuyển trọn vẹn tâm thức và công nghiệp của xã hội để thể nghiệm tính bình đẳng, giác ngộ và toàn thiện, hầu mang lại phúc lợi thực sự cho con người xã hội ấy. Cụ thể hơn, ở khía cạnh tích cực và mang tính cấp thời, có thể nói rằng sứ mệnh thời đại của người con Phật trong hiện tình của đất nước dưới sự thống trị của một phe đảng độc tài, là phải dẫn thân vào công cuộc giải trừ những tham vọng, thù ghét và u mê của những kẻ cầm quyền hầu đem lại hạnh phúc thịnh vượng cho toàn dân. Công cuộc giải trừ đó đòi hỏi người con Phật phải vun bồi, thắp sáng, trang trải lòng thương, trí tuệ cùng hạnh nguyện kiên cường của mình để bước vào một lộ trình gian nguy, đòi hỏi nhiều thử thách, có khi đe dọa đến tất cả quyền lợi riêng tư và ngay cả đến tính mệnh của mình nữa.

Rời phòng Thượng tọa, lần đầu tiên sau bảy năm sống dưới chế độ cộng sản, tôi mạnh mẽ xác định con đường nhập thế mà tôi từng tìm kiếm và lựa chọn.

Bấy giờ đã vào mùa hè năm 1982. Đoàn Phật Tử Phụng Đạo kết nạp thêm nhiều thành viên. Ngoài các hoạt động từ thiện xã hội tiên khởi trong thành phố Sài Gòn, chúng tôi còn phải lo vấn đề tự túc kinh doanh, mở rộng các cơ sở của đoàn bằng cách kêu gọi đoàn viên (nếu là tăng sĩ) đảm nhận trụ trì các ngôi chùa bỏ trống ở vùng quê, hoặc kết nạp vào những tăng ni trẻ hiện đang trụ trì hay đang cư trú tại các chùa ở Sài Gòn, ở các vùng phụ cận. Khá nhiều tăng ni



trong thành phố hưởng ứng phong trào. Kẻ thì tích cực tham gia, kẻ thì hỗ trợ tinh thần, kẻ thì ủng hộ tài chánh... Đoàn Phật Tử Phụng Đạo còn cho ra một tờ báo phổ biến nội bộ, lấy tên *Diệu Âm* do thầy Tâm Tường phụ trách. Trong lớp học chùa Già Lam, gần một nửa tăng sinh viên tán trợ chương trình của Phụng Đạo. Nhưng hình như có một sự ngấm ngấm nào đó từ ban giám học khiến cho các tăng sinh viên này dè dặt trong sự liên hệ thường xuyên với tôi. Dù sao, những người này đã giới thiệu đến tôi một số nhân sự khác không có trong lớp học, và còn hứa sẽ tham gia Phụng Đạo sau khi tốt nghiệp tại lớp Già Lam.

Cùng thời gian Phụng Đạo thành lập và phát triển, có một lực lượng khác cũng vừa khai sinh ngay tại chùa Già Lam. Các tăng sinh viên ủng hộ Phụng Đạo đã cho tôi biết điều đó. Nhưng tôi biết rõ ràng hơn là do Tâm Huy. Vào dịp nghỉ hè, trước khi về quê ở Phú Yên, Tâm Huy đến gặp tôi tại phòng riêng khi tôi đang bận viết báo. Huy hỏi:

"Khang à, tôi không biết thầy Tuệ Sỹ có mời Khang tham gia lực lượng của thầy ấy không?"

Tôi cười đáp:

"Thầy ấy biết tôi đang lo Phụng Đạo mà. Tôi có việc của tôi, thầy ấy mời gọi làm gì. Nhưng thầy có nhờ tôi giới thiệu cho thầy một người. Tôi chỉ giới thiệu thôi, chứ không hề hỏi thầy ấy hay người kia về chuyện mà họ làm. Sao, thầy ấy mời anh cộng tác à?"

"Ừ, thầy có chọn lựa một số anh em trong lớp, mời cộng tác. Thầy ấy vừa cho ra đời một tổ chức đấu tranh cho tự do nhân quyền. Nhân dịp nghỉ hè này thầy trao cho mỗi người một bản tuyên ngôn của lực lượng để vận động kết nạp nhân sự khắp các tỉnh. Khang có bản tuyên ngôn ấy chưa? Đây nè, đọc xem."



*Chùa Long Quang năm 1983*

Tôi đón lấy bản tuyên ngôn được quay ronéo, đọc qua một lượt. Cuối bản tuyên ngôn không ký tên ai, chỉ để danh xưng của lực lượng, gọi là ỦY BAN BẢO VỆ PHẬT GIÁO và GIẢI CỨU DÂN TỘC. Vì đã tiếp xúc với Hân, tôi biết đây chỉ là tổ chức ngoại vi của Lực Lượng Việt Nam Tự Do mà thầy Tuệ Sỹ đang cố gắng tái lập và gầy dựng trở lại. Dù vậy, tôi vẫn thành thật góp ý:

"Khỏi cần phải bản rộng cũng thấy rõ nội dung bản tuyên ngôn rất súc tích, hợp lý, có chính nghĩa, rất hùng hồn, lời cuốn, nhưng danh xưng của lực lượng thì không ổn."

"Sao vậy?"

"Nếu tôi không phải là một người theo Phật giáo, tôi sẽ không tham gia ủy ban này vì đây là Ủy Ban Bảo Vệ Phật Giáo; còn nếu tôi là một người Phật giáo không có tinh thần dẫn dắt thân, không có ý thức chính trị, tôi cũng sẽ lánh xa ủy ban này, vì đây là Ủy Ban Giải Cứu Dân Tộc, khuyênh hướng chính trị đựợc nêu rõ ngay trong tên gọi. Như vậy, một danh xưng mà đã loại trừ hai thành phần đông đảo của đất nước, làm sao phát triển được!"

"Ừ, cũng phải. Thế mà thầy ấy giao mỗi người một bản, bảo mang đi về các tỉnh. Tôi ớn quá. Nội mang đi giữa đường đã thấy không ổn rồi, nói chi chuyện trình bày quan điểm của ủy

ban để kết nạp người khác! Như Khang biết, lần trước Khang rủ tôi bỏ học để cùng Khang dẫn thân hoạt động, tôi đã từ chối vì muốn tiếp tục con đường học vấn, đựợc chừng nào hay chừng này, khi nào tốt nghiệp rồi mới tính. Vậy mà bây giờ lại gặp lực lượng này, lý do nào để từ chối, vì nó phát sinh từ chính trong lớp học! Không phải tôi không muốn tham gia hoạt động, có điều, tôi thấy chưa đến lúc... Bây giờ ăn nói làm sao đây với thầy ấy?"

"Chuyện anh đi vận động hay chẳng muốn tham gia thì tôi không dám có ý kiến. Riêng chuyện góp ý về danh xưng, xin thêm rằng hãy chọn một trong hai, hoặc là Ủy Ban Bảo Vệ Phật Giáo hoặc là Ủy Ban Giải Cứu Dân Tộc. Không cần phải ôm đồm cả hai mà rồi chẳng đựợc thành phần nào hưởng ứng cả. Thực ra, với danh xưng này, thầy ấy đã có mục tiêu rõ rệt là gây một phong trào đấu tranh mà lực lượng chủ lực là thành phần Phật giáo, những người Phật giáo sẵn sàng dẫn thân chống lại chính quyền. Điều này có chỗ lợi là có thể chặt lọc cán bộ nòng cốt ngay từ khởi điểm, nhưng mặt khác, như đã nói, lại giới hạn vô cùng về mặt phát triển. Không phải tôi đặt nặng vấn đề số lượng, tuy nhiên, thực tế cho thấy, mang danh xưng đó đi vận động e rằng khó ăn khách, phải không?"

"Ừ, tôi sẽ trình bày với thầy ấy."

Đó là những gì tôi biết được về sinh hoạt của lực lượng do thầy Tuệ Sỹ thành lập. Nhưng từ lúc nói chuyện với Tâm Huy về sau, vì công việc càng lúc càng bề bộn của Phụng Đạo, tôi không có thời giờ để tìm hiểu hay nghe ngóng gì thêm về lực lượng đó nữa, dù rằng tôi hãy còn ở lại chùa Già Lam cho đến cuối thu năm 1982.

Mùa hè trước khi tôi rời chùa Già Lam, do lời giới thiệu của thầy Kiến Tánh ở huyện Long Thành, Đoàn Phật Tử Phụng Đạo cử thầy Minh Hào lên trụ trì chùa Long Quang, một ngôi chùa tranh nhỏ ở vùng kinh tế mới để phục vụ đồng bào nghèo khổ tại đây. Thầy Minh Hào biết châm cứu và trị bệnh bằng thuốc nam nên sự đóng góp của thầy nơi đó rất thiết thực, hữu hiệu, gây được cảm tình sâu rộng trong quần chúng. Nhưng sau vài tháng hoạt động tích cực, thầy Minh Hào thông báo giao lại ngôi chùa Long Quang ở kinh tế mới cho Đoàn Phật Tử Phụng Đạo vì phải trở về giúp việc cho ngôi chùa gốc của thầy bốn sư ở Cần Thơ. Ban điều hành Phụng Đạo họp để người đi kinh tế mới thay thế. Vì nhiều lý do, không ai xung phong đảm trách chuyện này. Tôi biết nhân sự Phụng Đạo sẵn sàng đóng góp thời giờ, công sức và tiền của để thực hiện các công tác từ thiện xã hội do đoàn đề ra và giao phó; nhưng quyết định rời bỏ thành phố Sài Gòn để lên sống và hành đạo trực tiếp tại vùng kinh tế mới thì không phải là chuyện đơn giản. Tất cả cử tọa trong buổi họp đều im lặng. Cuối cùng, tôi giao trách nhiệm điều hành Phụng Đạo tại thành phố lại cho hai vị đoàn phó và chính tôi quyết định lên đường đi kinh tế mới. Quyết định của tôi làm mọi người xôn xao, sợ rằng sự vắng mặt của đoàn trưởng tại

thành phố trong thời kỳ mới phôi thai, đang phát triển, sẽ làm phong trào bị xẹp xuống. Nhưng tôi lại tin rằng kết quả sẽ ngược lại: chuyện tôi đi kinh tế mới giúp đồng bào nghèo khổ sẽ làm cho phong trào lớn mạnh lên và gây được niềm tin sâu rộng hơn trong quần chúng về mục tiêu của Đoàn Phật Tử Phụng Đạo. Không ai tìm được lý do nào để ngăn cản quyết định của tôi.

Vậy là cuối năm ấy, gần Tết nguyên đán, tôi lên tịnh thất của Hòa thượng Già Lam, đánh lễ ngài.

"Chi rứa?" Hòa thượng hỏi.

"Bach thầy, con muốn đi Nha Trang."

Tôi buộc lòng phải nói vậy vì nếu nói thực là đi kinh tế mới, có thể sẽ làm Hòa thượng buồn lòng và không chừng ngài sẽ ngăn cản.

Hòa thượng im lặng một lúc rồi hỏi:

"Đi Nha Trang à? Có phải là con tìm được chỗ đi tốt không?"

"Dạ... cũng tùy nhân duyên. Có thể con sẽ đến nơi nào cần sự có mặt của con nhất. Nếu con không quay trở lại, ba lạy này xin khắc ghi ân sâu giáo dưỡng của thầy."

Thầy tôi cúi lạy mà rơm rớm nước mắt, Hòa thượng đoán biết tôi sẽ đi luôn, bèn dạy:

"Khi bồ đề tâm đã kết thành hoa trái thì ở trong hoàn cảnh nào cũng tỏa hương, cũng đem lại an lạc hạnh phúc cho cuộc đời. Cứ hết lòng vun bồi, phát triển cái tâm ấy thì không có thể lực nào, không có sức mạnh nào có thể ngăn trở hay huỷ diệt được con cả."

Cùng lên đường với tôi về chùa Long Quang kinh tế mới, còn có thầy Tâm Tường. Vài tháng sau, lại có thêm hai chú sa-di khác cũng là đoàn viên của Phụng

Đạo, từ Sài Gòn, muốn theo thầy Tâm Tường lên phụ giúp tôi. Một chú tên Tùng (sau này là thầy Thông Trí), một chú tên Minh (sau này là thầy Nhật Quang).

Đất ở vùng này khá xấu. Trước khi Phụng Đạo cử thầy Minh Hào đến đây, tôi đã cùng thầy Tâm Tường và thầy Tâm Minh đi xem đất rồi. Lúc ấy, thầy Kiến Tánh, vị cựu trụ trì của chùa Long Quang, không phải chỉ giới thiệu cho Phụng Đạo ngôi chùa Long Quang thôi đâu: còn có hai cơ sở khác nữa cũng thuộc phạm vi huyện Long Thành, cách Sài Gòn lối sáu mươi cây số. Một là chùa Bửu Lâm, nằm sâu trong rừng cao su; chùa xây bằng gạch, mái ngói kang trang, có điện nước, có nhiều cây ăn trái và nhiều phòng ốc cho chư tăng. Hai là một ngôi tịnh thất nằm gần quốc lộ, do một Phật tử người Hoa hiến cúng. Ngôi tịnh thất lợp tôn, vách ván, cũng khá kang trang và có điện nước đầy đủ. Tịnh thất được bao bọc bởi một khu vườn rộng với hàng trăm loại cây ăn trái mà mức thu lợi có thể nuôi sống được ít nhất là ba người. Chỉ có ngôi chùa Long Quang là tọa lạc ngay trên miếng đất cần cỗi thuộc vùng kinh tế mới. Thầy Tâm Minh nhìn ngôi chùa vách đất, mái tranh, không điện, không nước, không cây ăn trái, không có cây cao bóng mát... đã chắc lưỡi bàn ra:

"Coi kia, giếng nước đục ngầu. Đất có phèn. Đất như vậy chẳng làm ăn gì được. Chó ăn đá, gà ăn muối. Dân ở đây cũng nghèo rách, nghèo nát, làm sao mà phát triển nổi ngôi chùa này chứ."

Cũng may thầy Tâm Minh không phải là nhân sự của Phụng Đạo. Thầy ấy chỉ theo chúng tôi để xem vị thế đất mà góp ý thôi. Thầy đề nghị chúng tôi chọn ngôi chùa Bửu Lâm trong rừng cao su hoặc ngôi tịnh thất có vườn cây ăn trái cho khỏe, vì mọi thứ nơi đó đã ổn định. Nhưng tôi nhất quyết không chọn hai cơ sở



kia: tôi chọn chùa Long Quang, ngôi chùa tranh vách đất và cuộc đất cần cỗi chỉ có cỏ dại và tre gai với con đường đất đỏ tung bay mịt mù theo gió. Tôi không nói thẳng ý kiến của tôi cho thầy Tâm Minh nghe. Chỉ nói riêng với thầy Tâm Tướng, một thành viên tích cực của Phụng Đạo:

"Chúng ta rời Sài Gòn không phải để chọn chỗ yên thân, ẩn dật. Phụng Đạo chủ trương tìm đến những nơi đau khổ, đói nghèo nhất để hành đạo. Dù cho ngôi chùa Long Quang này có nằm ở vùng sa mạc, chúng ta cũng phải biến nó thành vùng đất lành có đủ bóng mát để che chở cho người dân đói khổ nơi đây."

Vài tháng sau lúc đi xem đất, thầy Tâm Minh tìm mua được một miếng đất ở Long Khánh để trồng tiêu và cà phê; trong khi đó, Phụng Đạo thì cử thầy Minh Hào đến chùa Long Quang, rồi cuối

cùng là chúng tôi kéo về. Chỉ hơn một năm sau, thầy Tâm Minh đã thành công với khu đất màu mỡ của Long Khánh; còn chùa Long Quang cứ ì à ì ạch như một con thuyền op ẹp, gắng sức chống chọi để sống còn giữa bao bão tố phong ba. Nhưng với riêng tôi, chính từ những túp lều tranh xiêu vẹo rách nát, chính từ những lon gạo, củ khoai hay miếng vải chia sẻ cùng những người dân khốn khổ cơ cực chung quanh, chính từ những giàn mướp, những luống rau, những bụi khoai mì đèo đuột, những gầu nước ngẫu đục và những ngọn đèn dầu chong đêm đọc sách... chính từ gian sơn tiêu điều hoang lạnh ấy, tất cả ý lực và lòng thương của tôi được nuôi dưỡng và un đúc thành một khối vô cùng mạnh mẽ, mệnh mang... đến nỗi đã có khi tôi nghĩ rằng, nếu có một giai đoạn nào đó được xem là ý nghĩa và thơ mộng

nhất trong đời tôi, thì đó chính là giai đoạn tôi sống ở vùng kinh tế mới này.

Cũng chính từ nơi đây, sau khi Lực Lượng Việt Nam Tự Do của Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát bị đổ vỡ tại chùa Già Lam (1984) và toàn bộ nhân sự của lực lượng bị bắt dẫn đến việc Hòa thượng Trí Thủ bị bức tử trong bệnh viện nhà nước, mấy tháng sau, tôi vận động một số bằng hữu, trong đó có Hiền (anh ruột tôi), Hân, Dũng (bạn Hân), Huy, Thế (hồi xưa có sống chung với tôi ở chùa Linh Phong ở Nha Trang), Lạc (học lớp Già Lam), thành lập Hội Lạc Long. Một phần nhân sự của hội này, hỗ trợ cho Lực Lượng Việt Nam Phục Quốc Nội Biên do ông Trần Văn Lương cầm đầu. Từ sự đổ vỡ của lực lượng Phục quốc này mà tôi bị công an truy nã và cuối cùng bị bắt.

*(hết Chương 6 - mời đọc tiếp Chương 7)*